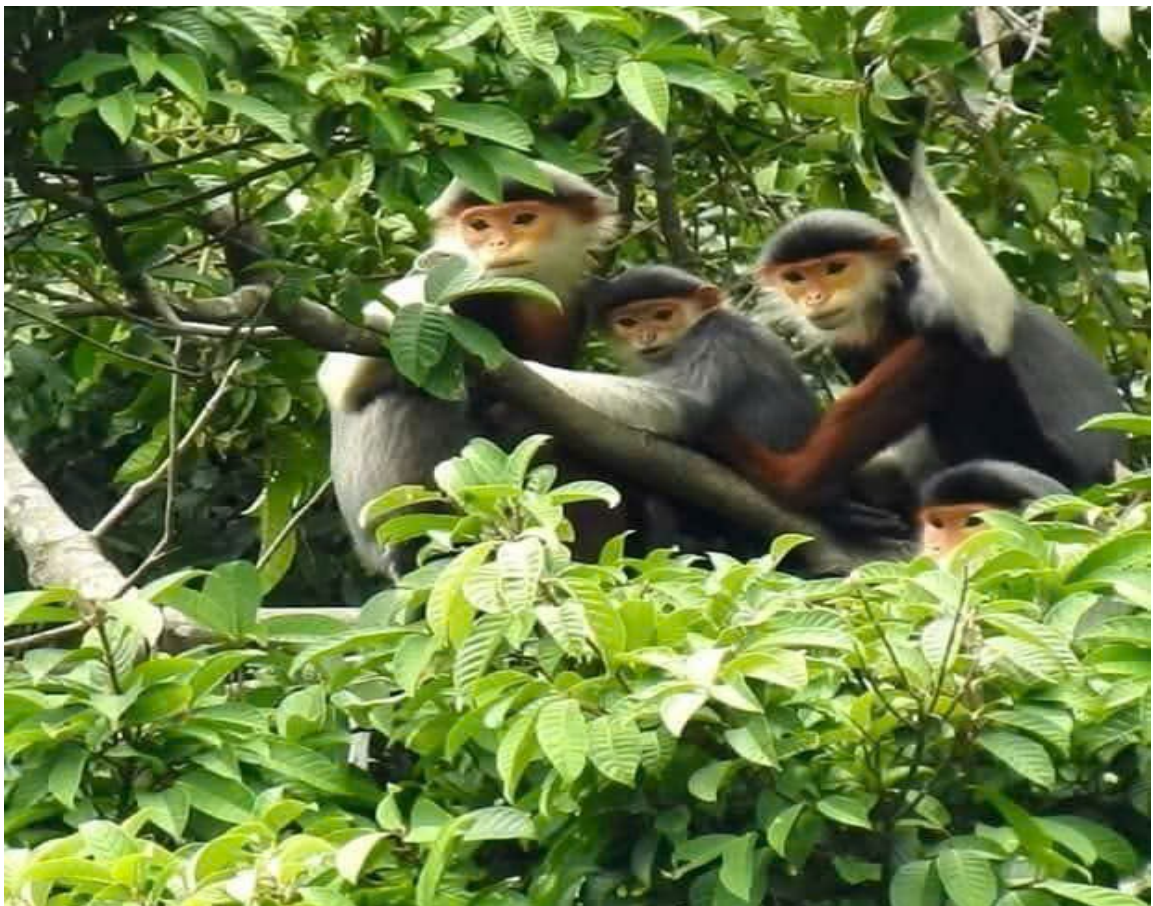


DỰ ÁN

THÀNH LẬP KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN BẮC HẢI VÂN, THÀNH PHỐ HUẾ

ĐỊA ĐIỂM: XÃ CHÂN MÂY - LĂNG CÔ, THÀNH PHỐ HUẾ

CHỦ DỰ ÁN: SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG



Huế, năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN I.....	1
CƠ SỞ MỞ RỘNG VÀ THÀNH LẬP	1
KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN BẮC HẢI VÂN, THÀNH PHỐ HUẾ	1
I. CƠ SỞ MỞ RỘNG	1
II. CƠ SỞ THÀNH LẬP KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN BẮC HẢI VÂN	2
III. CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
1. Các văn bản Trung ương ban hành.....	4
2. Các văn bản địa phương ban hành	5
IV. TÀI LIỆU SỬ DỤNG	7
PHẦN II	8
THÀNH LẬP KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN BẮC HẢI VÂN TRÊN CƠ SỞ NÂNG HẠNG KHU RỪNG PHÒNG HỘ BẮC HẢI VÂN	8
I. MỤC TIÊU THÀNH LẬP KHU RỪNG ĐẶC DỤNG	8
1. Mục tiêu chung.....	8
2. Mục tiêu cụ thể.....	8
2.1. Bảo vệ cảnh quan quan thiên nhiên với các hệ sinh thái tự nhiên độc đáo; duy trì và bảo tồn các giá trị của dải hành lang đa dạng sinh học nối từ biển lên đến biên giới Việt – Lào	8
2.2. Tạo vùng đệm môi trường và cảnh quan tự nhiên cho Khu đô thị Chân Mây – Lăng Cô, vịnh Lăng Cô và cụm di tích Hải Vân Quan.....	8
II. TÊN GỌI, VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, DIỆN TÍCH, RANH GIỚI.....	8
1. Tên gọi:.....	8
2. Vị trí địa lý	9
3. Diện tích và hiện trạng tài nguyên rừng của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân và rừng cộng đồng 3 thôn	9
3.1. Diện tích, hiện trạng rừng của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân	9
3.2. Diện tích và hiện trạng rừng đặc dụng của các Cộng đồng thôn:	10
4. Diện tích và hiện trạng tài nguyên rừng Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân	11
5. Ranh giới Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân	12
6. Tài nguyên động, thực vật rừng và đa dạng sinh học Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.....	12
6.1. Tài nguyên thực vật rừng.....	12
6.2. Tài nguyên động vật rừng.....	13

7. Về quản lý, sử dụng rừng, đất rừng phòng hộ, sản xuất do Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý	15
7.1. Về quản lý, sử dụng rừng, đất rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý	15
7.2. Đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp của 3 cộng đồng dân cư thôn:	16
8. Đối với các diện tích bị tác động từ các dự án đến Khu Bảo vệ cảnh quan trong tương lai.....	17
III. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN.....	18
1. Địa hình	18
2. Khí hậu	18
3. Thủy văn.....	19
4. Địa chất và thổ nhưỡng	19
IV. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI	19
1. Dân số, dân tộc, lao động	19
2. Kinh tế	20
3. Xã hội	20
4. Giao thông	20
V. XÁC LẬP CÁC PHÂN KHU CHỨC NĂNG	21
VI. VÙNG ĐỆM CỦA KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN BẮC HẢI VÂN	21
VII. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ BAN QUẢN LÝ KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN BẮC HẢI VÂN	22
1. Cơ cấu tổ chức, nhân sự	22
2. Cơ sở vật chất	23
3. Đánh giá về công tác quản lý, điều hành.....	24
3.1. Thuận lợi.....	24
3.2. Khó khăn.....	24
3.3. Đánh giá công tác quản lý, bảo vệ rừng	25
VIII. CÁC CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG.....	25
1. Chương trình quản lý, bảo tồn và phục hồi cảnh quan thiên nhiên.....	26
1.1. Mục tiêu chương trình.....	26
1.2. Nội dung và biện pháp thực hiện.....	26
2. Chương trình bảo vệ và giám sát đa dạng sinh học.....	33
2.1. Mục tiêu Chương trình.....	33

2.2. Nội dung và biện pháp thực hiện.....	33
3. Chương trình khai thác và sử dụng bền vững các dịch vụ hệ sinh thái.....	34
3.1. Mục tiêu chương trình.....	34
3.2. Nội dung và biện pháp thực hiện.....	35
4. Chương trình hỗ trợ sinh kế bền vững và phát triển vùng đệm.....	36
4.1. Mục tiêu của Chương trình.....	36
4.2. Nội dung và biện pháp thực hiện.....	36
5. Chương trình truyền thông môi trường	36
5.1. Mục tiêu chương trình.....	36
5.2. Nội dung và biện pháp thực hiện.....	36
6. Chương trình cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng.....	37
6.1. Mục tiêu chương trình.....	37
6.2. Nội dung và biện pháp thực hiện.....	37
7. Chương trình hợp tác quốc tế	39
7.1. Mục tiêu chương trình.....	39
7.2. Nội dung và biện pháp thực hiện.....	39
IX. KHÁI TOÁN VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ.....	40
1. Tổng hợp nhu cầu vốn theo các chương trình	40
2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư.....	41
X. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.....	41
1. Giải pháp kỹ thuật	41
2. Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường.....	42
3. Giải pháp tổ chức chỉ đạo.....	42
4. Giải pháp về cơ chế, chính sách	43
5. Giải pháp giảm thiểu tác động đến tài nguyên đa dạng sinh học	44
5.1. Giải pháp giảm thiểu về mất rừng, suy thoái rừng.....	44
5.2. Giải pháp giảm thiểu về khai thác, mua bán, vận chuyển, cất giấu lâm sản trái pháp luật.....	44
5.3. Giải pháp phục hồi hệ sinh thái.....	45
5.4. Giải pháp giảm thiểu chăn nuôi gia súc trên rừng và đất rừng.....	45
5.5. Giải pháp nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý.....	45
5.6. Giải pháp hỗ trợ nâng cao đời sống người dân vùng đệm.....	45

6. Các hoạt động và nguồn vốn	46
XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	47
1. Sở Nông nghiệp và Môi trường.....	47
2. Sở Nội Vụ.....	47
3. Sở Tài Chính	47
4. Ủy ban nhân dân xã Chân Mây - Lăng Cô	47
5. Các sở, ngành, đơn vị liên quan	48
6. Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.....	48
7. Các Ban quản lý rừng cộng đồng thôn Thủy Cam, thôn Thủy Dương, thôn Thủy Yên Thượng.....	48
XII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	48

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Đánh giá khả năng đáp ứng các tiêu chí khu Bảo vệ cảnh quan.....	3
Bảng 2. Hiện trạng tài nguyên rừng Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân	11
Bảng 3. Các loài thực vật cần được bảo tồn tại khu vực Bắc Hải Vân	13
Bảng 4. Các loài động vật cần được bảo tồn tại khu vực Bắc Hải Vân	15
Bảng 5. Hiện trạng rừng phòng hộ, sản xuất do Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý	16
Bảng 6. Hiện trạng tài nguyên rừng ảnh hưởng đến diện tích rừng Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân trong tương lai	17
Bảng 7. Tổng hợp dân số, lao động trong khu vực	20
Bảng 8. Diện tích và các thôn giáp ranh thuộc vùng đệm Khu vực thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.....	22
Bảng 9. Phân kỳ vốn đầu tư Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân	40
Bảng 10. Tổng vốn đầu tư cho Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân (2025-2030)..	41

DANH MỤC BIỂU

Biểu 1. Hiện trạng tài nguyên rừng theo địa giới hành chính của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân	50
Biểu 2. Hiện trạng tài nguyên rừng theo khoảnh, tiểu khu của các cộng đồng thôn	51
Biểu 3. Hiện trạng tài nguyên rừng theo chủ rừng của các cộng đồng thôn	52
Biểu 4. Hiện trạng tài nguyên rừng theo địa giới hành chính của Khu vực thành lập khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.....	53
Biểu 5. Hiện trạng tài nguyên rừng theo khoảnh, tiểu khu của Khu vực thành lập khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.....	54
Biểu 6. Hiện trạng tài nguyên rừng phòng hộ, sản xuất theo địa giới hành chính do Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý	59
Biểu 7. Tổng hợp diện tích bị tác động từ các dự án đến Khu Bảo vệ cảnh quan trong tương lai	60

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ

Sơ đồ 1. Hiện trạng tổ chức bộ máy của Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.....	23
Sơ đồ 2. Bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng khu vực Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân hiện tại	61
Sơ đồ 3. Bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng khu vực định hướng mở rộng Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.....	62
Sơ đồ 4. Bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng khu vực thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.....	63
Sơ đồ 5. Sơ đồ quản lý của Ban Quản lý RPH Bắc Hải Vân (sau này là Ban Quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân)	64
Sơ đồ 6. Sơ đồ khu vực vùng đệm Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân	65
Sơ đồ 7. Sơ đồ vị trí Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.....	66
Sơ đồ 8. Bản đồ các trạm quản lý bảo vệ rừng khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân	67
Sơ đồ 9. Bản đồ các dự án tác động đến Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân trong tương lai.....	68

DANH MỤC PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Danh mục động vật rừng trên địa phận Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân.....	69
Phụ lục 2. Danh mục thực vật rừng trên địa phận Ban quản lý Rừng phòng hộ Bắc Hải Vân.....	78

CÁC TỪ VIẾT TẮT

CÁC TỪ VIẾT TẮT	GIẢI THÍCH
Các thuật ngữ	
CR	Critically Endangered (Cực kỳ nguy cấp; Nguy cơ tuyệt chủng trong tự nhiên rất cao trong một tương lai rất gần)
EN	Endangered (Nguy cấp; Nguy cơ tuyệt chủng cao trong tự nhiên)
EW	Extinct in the Wild (Tuyệt chủng ngoài tự nhiên)
IUCN	Liên minh Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế
LC	Least concern (Ít quan tâm; Khả năng bị đe dọa thấp nhất; không đủ điều kiện để phân loại mức độ đe dọa cao hơn)
NT	Near threatened (Sắp bị đe dọa; Khả năng bị đe dọa cao trong tương lai gần)
SMART	"Spatial Monitoring and Reporting Tool" là công cụ quản lý dữ liệu và báo cáo tuần tra, được xây dựng nhằm cải thiện khả năng thực thi pháp luật và giám sát đa dạng sinh học tại các Vườn Quốc gia/Khu Bảo tồn.
USAID	Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ
VFBC	Dự án Quản lý Rừng bền vững và Bảo tồn Đa dạng sinh học ở Việt Nam
VU	Vulnerable (Sắp nguy cấp; Nguy cơ trở thành loài bị đe dọa tuyệt chủng)
WWF	Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên

PHẦN I

CƠ SỞ MỞ RỘNG VÀ THÀNH LẬP

KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN BẮC HẢI VÂN, THÀNH PHỐ HUẾ

I. CƠ SỞ MỞ RỘNG

Khu vực Bắc Hải Vân là một trong những vùng có giá trị đặc biệt về đa dạng sinh học và cảnh quan môi trường của thành phố Huế. Nơi đây sở hữu hệ sinh thái rừng phong phú, đa dạng thành phần loài, trong đó có nhiều loài động, thực vật nguy cấp, quý, hiếm cần được ưu tiên bảo vệ. Với vị trí nằm ở vùng giao thoa giữa các luồng thực vật từ phía Bắc xuống và phía Nam lên, Bắc Hải Vân trở thành điểm hội tụ sinh học độc đáo, góp phần tạo nên vai trò nổi bật trong chiến lược bảo tồn thiên nhiên của địa phương.

Các kết quả giám sát đa dạng sinh học cho thấy một số quần thể loài linh trưởng, móng guốc và chim trĩ đặc hữu tại khu vực này đang có dấu hiệu phục hồi và phát triển, tiêu biểu như: Vượn má hung Trung bộ (*Nomascus annamensis*), Voọc chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), Cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*), Sơn dương (*Capricornis sumatraensis*), Mang Trường Sơn (*Muntiacus truongsonensis*)...

Với tầm quan trọng đặc biệt về văn hóa, lịch sử, cảnh quan môi trường và về đa dạng sinh học của khu vực Bắc Hải Vân; từ năm 2020, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế đã có Kết luận số 595-KL/TU ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc thống nhất chủ trương thành lập khu rừng đặc dụng Bắc Hải Vân, với tổng diện tích rừng đặc dụng của khu Bắc Hải Vân là 7.906,3 ha; bao gồm 6.832,1 ha rừng đặc dụng do Ban Quản lý Rừng phòng hộ Bắc Hải Vân đang quản lý (được thành lập theo Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2008 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)) và phần diện tích mở rộng thêm 1.074,2 ha rừng tự nhiên là rừng đặc dụng của 3 Cộng đồng các Thôn: Thủy Cam, Thủy Yên Thượng, Thủy Dương theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc chuyển loại rừng.

Trên cơ sở đó, Khu vực Bắc Hải Vân sẽ phát huy vai trò đặc biệt trong việc bảo tồn và duy trì tính toàn vẹn của hệ sinh thái rừng ven biển, việc mở rộng sẽ tạo sự liên kết chặt chẽ, trực tiếp với các hệ sinh thái rừng cận núi cao và núi cao của Vườn Quốc gia Bạch Mã, Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân. Sự kết nối này tạo nên một hành lang đa dạng sinh học liên tục theo trục Đông - Tây trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, đồng thời mở rộng ra khu vực xuyên biên giới, kết nối với Khu bảo tồn Sê Xáp của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Việc thành lập khu rừng đặc dụng Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân đã tạo ra một hành lang xanh liên quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong công tác bảo tồn xuyên biên giới, góp phần thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học; có ý nghĩa đặc biệt và để nâng cao tính

hiệu quả trong việc bảo tồn các di tích lịch sử - văn hóa, các giá trị về giáo dục, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

II. CƠ SỞ THÀNH LẬP KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN BẮC HẢI VÂN

Với những giá trị về văn hóa, lịch sử, cảnh quan môi trường và về đa dạng sinh học của khu rừng Bắc Hải Vân; việc thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân, thành phố Huế (trên cơ sở khu rừng do Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý và khu vực định hướng mở rộng từ khu rừng cộng đồng của ba thôn) là đảm bảo các quy định của Luật Lâm nghiệp, cụ thể như sau:

Đầu tiên, đáp ứng được nguyên tắc thành lập khu rừng đặc dụng với loại hình bảo vệ cảnh quan, đó là đảm bảo sự phù hợp với Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó, đã xác định rõ định hướng nâng hạng Khu rừng phòng hộ Bắc Hải Vân thành Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân với quy mô diện tích rừng đặc dụng là 7.906 ha¹; (tuy nhiên, thực hiện Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về việc xác định địa giới đơn vị hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng do lịch sử để lại, diện tích giảm do đã bàn giao cho Thành phố Đà Nẵng). Ngoài ra, khu Bảo vệ cảnh quan đáp ứng các Quy hoạch: bảo tồn đa dạng sinh học cấp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ², Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cũng đưa khu Bắc Hải Vân vào danh mục Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học³.

Thứ hai, khu vực thành lập khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải đáp ứng phù hợp tiêu chí của Khu bảo vệ cảnh quan (Rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, môi trường, danh lam thắng cảnh) theo quy định tại điểm a và c khoản 4, Điều 6, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, cụ thể:

¹ Phụ lục II danh sách các khu rừng đặc dụng đến năm 2030.

² Phụ lục I định hướng quy hoạch khu bảo tồn thiên nhiên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

³ Phụ lục XIX Phương án phân vùng môi trường, khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học; điểm quan trắc môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Bảng 1. Đánh giá khả năng đáp ứng các tiêu chí khu Bảo vệ cảnh quan

TT	Tiêu chí Khu Bảo vệ cảnh quan, quy định tại điểm a, c khoản 4, Điều 6, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP	Đặc điểm Khu vực thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân (Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân và khu vực định hướng mở rộng thêm từ rừng cộng đồng thôn)
1	Có cảnh quan môi trường, nét đẹp độc đáo của tự nhiên	Hệ sinh thái rừng tự nhiên, đa dạng sinh học vùng Đèo Hải Vân nằm ở dãy Bạch Mã, là ranh giới giữa thành phố Huế và thành phố Đà Nẵng, là nơi giao thoa giữa hai khu hệ sinh vật miền Bắc và Nam Việt Nam. Về đa dạng sinh học, vùng đèo này có các hệ sinh thái rừng tự nhiên, hệ sinh thái đầm phá phong phú ven bờ biển vịnh Lăng cô được vinh danh là một trong những vịnh biển đẹp nhất thế giới.
2	Có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xếp hạng hoặc có đối tượng thuộc danh mục kiểm kê di tích theo quy định của pháp luật về văn hóa	Khu rừng Bắc Hải Vân có diềm Di tích quốc gia Hải Vân Quan được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch xếp hạng Hải Vân Quan là Di tích cấp quốc gia theo Quyết định số 1531/QĐ-BVHTTDL ngày 14 tháng 4 năm 2017. Việc bảo vệ toàn bộ diện tích rừng xung quanh di tích không chỉ góp phần gìn giữ môi trường cảnh quan mà còn góp phần phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với không gian tự nhiên nguyên bản. Năm 2021, thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế đã cùng nhau tu bổ, bảo tồn, phục hồi và phát huy giá trị di tích quốc gia Hải Vân Quan và đến năm 2024, sau khi hoàn thành tu bổ thì thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế đã triển khai các hoạt động du lịch, thu hút du khách trong và ngoài nước đến với nơi này.
3	Có giá trị về khoa học, giáo dục, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí;	Khu vực Bắc Hải Vân sở hữu tiềm năng lớn về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí nhờ cảnh quan tự nhiên đa dạng và môi trường trong lành, nơi đây đang trở thành một trong những hướng phát triển nổi bật nhờ lợi thế thiên nhiên đa dạng và cảnh quan nguyên sơ. Có tiềm năng phát triển du lịch cao, điển hình là Đèo Hải Vân, Hải Vân Quan, khu du lịch suối Mơ, thác Pauger, suối Tiên, suối Voi...

TT	Tiêu chí Khu Bảo vệ cảnh quan, quy định tại điểm a, c khoản 4, Điều 6, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP	Đặc điểm Khu vực thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân (Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân và khu vực định hướng mở rộng thêm từ rừng cộng đồng thôn)
4	Rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí sau: khu rừng có chức năng phòng hộ, bảo vệ cảnh quan, môi trường; được quy hoạch gắn liền với khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao.	Trong quy hoạch gắn liền với khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế... đã được phê duyệt theo Quyết định số 1771/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2008 và Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ

Thứ ba, cơ sở pháp lý và cam kết quốc tế: Việc thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân dựa trên nền tảng pháp lý vững chắc của Việt Nam, bao gồm Luật Lâm nghiệp 2017, Luật Đa dạng sinh học 2008 (và luật sửa đổi, hợp nhất), các Nghị định hướng dẫn thi hành, cùng các quyết định liên quan của địa phương về quản lý đất đai, ranh giới khu bảo tồn. Đồng thời, việc này cũng thể hiện cam kết của Việt Nam trong việc thực hiện các công ước quốc tế quan trọng như Công ước Đa dạng sinh học (CBD), Công ước CITES về buôn bán quốc tế các loài hoang dã nguy cấp, và Công ước khung Liên Hợp quốc về Biến đổi khí hậu (UNFCCC), thông qua việc tăng cường bảo vệ các hệ sinh thái và loài quan trọng.

Trên cơ sở đó, việc lập dự án “Thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân, thành phố Huế” là cần thiết, phù hợp với chủ trương, định hướng Quy hoạch ngành lâm nghiệp, đồng thời tạo nền tảng pháp lý và tổ chức cho việc quản lý hiệu quả, bền vững diện tích rừng đặc dụng của khu vực, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng gắn với bảo tồn tài nguyên rừng lâu dài.

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Các văn bản Trung ương ban hành

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;
- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Văn bản hợp nhất Luật đa dạng sinh học số 32/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018;
- Nghị quyết số 1675/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2025;

- Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ về việc xác định địa giới đơn vị hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế và thành phố Đà Nẵng do lịch sử để lại;
- Quyết định số 1771/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025;
- Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 10 tháng 05 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030;
- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng chống thiên tai đến năm 2030;
- Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2045, tỷ lệ 1/10.000.

2. Các văn bản địa phương ban hành

- Quyết định số 2165/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân;

- Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt kết quả rà soát quy mô rừng và đất LN giai đoạn 2011-2020 của các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và các công ty lâm nghiệp;

- Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc chuyển loại rừng;

- Quyết định số 3028/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Phê duyệt Đề án “Định hướng phát triển các điểm du lịch sinh thái gắn với suối, thác trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế”;

- Quyết định số 3273/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Ban hành kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 04 tháng 05 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc đính chính một số nội dung tại Phụ lục II và Phụ lục III kèm theo Quyết định số 985/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 2345/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện dự án Khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp tại khu vực 2 núi Mỏ Điều, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc;

- Quyết định số 3167/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Rừng phòng hộ Bắc Hải Vân trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Quyết định số 1749/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của UBND thành phố Huế phê duyệt Đề án phát triển du lịch, dịch vụ du lịch thành phố Huế giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của UBND thành phố Huế về việc Công bố hiện trạng rừng theo chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp lại đơn vị hành chính trên địa bàn thành phố Huế đến 31/7/2025;

- Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về Kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn các loài linh trưởng ở tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Kết luận số 595/KL/TU ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế về việc thành lập khu rừng đặc dụng Bắc Hải Vân; Chỉ thị số 71-CT/TU ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy Huế về quản lý tài nguyên rừng và phát triển lâm nghiệp toàn diện trên địa bàn thành phố Huế.

- Công văn số 5727/UBND-NN ngày 02 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc thành lập Khu rừng đặc dụng Bắc Hải Vân;

- Báo cáo số 274/BC-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Báo cáo Công tác phát triển hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ tỉnh Thừa Thiên Huế;

- Công văn số 5318/UBND-NN ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc thành lập Khu bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân;

IV. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

- Niên giám thống kê năm 2023, 2024 của huyện Phú Lộc;

- Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của Thành phố Huế năm 2025 theo Đề án 401/ĐA-CP ngày 09 tháng 5 năm 2025);

- Bản đồ Quy hoạch tỉnh Thừa Thiên Huế thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ;

- Bản đồ Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2045 theo Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ;

- Kết quả theo dõi diễn biến tài nguyên rừng được công bố theo Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND thành phố Huế về công bố hiện trạng rừng theo chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp lại đơn vị hành chính trên địa bàn thành phố Huế đến 31/7/2025.

- Hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính thực địa cấp xã thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên Huế theo Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 18/9/2024.

PHẦN II

THÀNH LẬP KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN BẮC HẢI VÂN TRÊN CƠ SỞ NÂNG HẠNG KHU RỪNG PHÒNG HỘ BẮC HẢI VÂN

I. MỤC TIÊU THÀNH LẬP KHU RỪNG ĐẶC DỤNG

1. Mục tiêu chung

Việc thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân nhằm duy trì và bảo vệ các giá trị cảnh quan thiên nhiên và hệ sinh thái tự nhiên độc đáo, có giá trị đa dạng sinh học phong phú với nhiều loài động vật, thực vật có giá trị đặc hữu, quý hiếm phân bố trong khu vực; là tiềm năng phát triển dịch vụ môi trường rừng, hấp thụ và lưu giữ carbon, giảm phát thải khí nhà kính, thúc đẩy tăng trưởng xanh cho Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Bảo vệ cảnh quan quan thiên nhiên với các hệ sinh thái tự nhiên độc đáo; duy trì và bảo tồn các giá trị của dải hành lang đa dạng sinh học nối từ biển lên đến biên giới Việt - Lào

Khu vực dự án nằm trong phức hệ sinh thái tự nhiên gồm: hệ sinh thái rừng, đất ngập nước đầm phá và hệ sinh thái vịnh biển Lăng cô. Đặc biệt, Bắc Hải Vân nằm ở dãy Bạch Mã, nằm trong vùng giao thoa sinh học giữa các luồng thực vật từ phía Bắc xuống và từ phía Nam lên, nơi đây đã hình thành nên một hệ sinh thái rừng đa dạng, phong phú về thành phần loài, trong đó có nhiều loài động vật và thực vật thuộc danh mục nguy cấp, quý hiếm cần được ưu tiên bảo vệ. Các nghiên cứu chưa đầy đủ nhưng đã ghi nhận động vật, thực vật đặc hữu, quý hiếm tiêu biểu như Voọc chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), Sơn dương (*Capricornis sumatraensis*), Cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*), Gụ lau (*Sindora tonkinensis*), Gội nếp (*Aglaia spectabilis*), Lim xanh (*Erythrophleum fordii*),... Đây là điểm đầu cả dải hành lang đa dạng sinh học với nhiều cánh rừng nguyên sinh nối từ biển, qua Vườn Quốc gia Bạch Mã, Khu Dự trữ Thiên nhiên Sao la, qua Khu Bảo tồn Quốc gia Sê Xáp (Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào).

2.2. Tạo vùng đệm môi trường và cảnh quan tự nhiên cho Khu đô thị Chân Mây - Lăng Cô, vịnh Lăng Cô và cụm di tích Hải Vân Quan

Thông qua việc duy trì và bảo vệ các giá trị cảnh quan tự nhiên sẽ góp phần tạo vùng đệm môi trường và làm tăng thêm giá trị của Vịnh Lăng Cô, cho Hải Vân Quan - cụm di tích lịch sử về kiến trúc quân sự của triều Nguyễn được xây dựng vào năm 1826 dưới thời vua Minh Mạng, tạo sức hấp dẫn để phát triển du lịch sinh thái khu vực, đồng thời tạo ra vùng đệm an ninh môi trường cho khu đô thị Chân Mây - Lăng Cô trong tương lai.

II. TÊN GỌI, VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, DIỆN TÍCH, RANH GIỚI

1. Tên gọi:

Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân, thành phố Huế (sau đây gọi tắt là Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân).

Tên tiếng Anh: Bac Hai Van Landscape Protection Area.

2. Vị trí địa lý

Khu vực thành lập khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân nằm ở phía Nam thành phố Huế, thuộc địa phận của xã Chân Mây - Lăng Cô (xã Lộc Vĩnh, Lộc Thủy, Lộc Tiên, thị trấn Lăng Cô, thuộc huyện Phú Lộc trước đây) có toạ độ địa lý:

+ 16°10' 47'' đến 16°20' 43'' độ vĩ Bắc;

+ 107°54' 29'' đến 108°12' 34'' độ kinh Đông.

- Vị trí địa lý Khu vực thành lập khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân:

+ Phía Đông và Đông Bắc giáp với Biển Đông;

+ Phía Tây giáp với Vườn Quốc gia Bạch Mã;

+ Phía Nam giáp với TP. Đà Nẵng;

+ Phía Bắc giáp với xã Phú Lộc.

3. Diện tích và hiện trạng tài nguyên rừng của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân và rừng cộng đồng 3 thôn

3.1. Diện tích, hiện trạng rừng của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân

Theo Quyết định số 2652/QĐ-UBND ngày 20/8/2025 của UBND thành phố Huế về công bố hiện trạng rừng theo chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp lại đơn vị hành chính trên địa bàn thành phố Huế đến 31/7/2025, tổng diện tích Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân sau điều chỉnh ranh giới là 9.782,09 ha.

Trong đó:

Theo chức năng rừng: Diện tích rừng đặc dụng là 6.276,57 ha, diện tích rừng phòng hộ là 1.331,86 ha, diện tích rừng sản xuất là 2.106,72 ha và diện tích không thuộc quy hoạch ba loại rừng là 66,94 ha.

Theo nguồn gốc rừng: Diện tích rừng tự nhiên là 7.291,47 ha, chiếm 74,54% tổng diện tích tự nhiên; diện tích rừng trồng là 1.749,22 ha, chiếm 17,88% và diện tích chưa có rừng là 741,40 ha, chiếm 7,58% được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.1. Hiện trạng tài nguyên rừng Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Rừng đặc dụng	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Không thuộc QH3LR	Tổng
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	6.276,57	1.331,86	2.106,72	66,94	9.782,09
I	DIỆN TÍCH CÓ RỪNG	6.109,69	1.167,71	1.741,98	21,31	9.040,69
1	Rừng tự nhiên	5.686,64	676,54	928,29		7.291,47
1.1	<i>Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá</i>	<i>5.686,64</i>	<i>676,54</i>	<i>928,29</i>		<i>7.291,47</i>
-	Rừng trung bình (TXB)	758,53	0,33			758,86
-	Rừng nghèo (TXN)	3.703,99	457,85	805,46		4.967,30
-	Rừng nghèo kiệt (TXK)	1.224,12	218,36	122,83		1.565,31

2	Rừng trồng	423,05	491,17	813,69	21,31	1.749,22
1.1	Rừng gỗ	423,05	491,17	813,69	21,31	1.749,22
-	Rừng gỗ trồng núi đất (TG)	423,05	476,72	813,69	21,31	1.734,77
-	Rừng gỗ trồng đất cát (TGC)		14,45			14,45
II	DIỆN TÍCH CHƯA CÓ RỪNG	166,88	164,15	364,74	45,63	741,40
1	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng (DTR)	67,35	24,46	149,29	2,06	243,16
2	Diện tích có cây tái sinh (DTTS)	30,63	81,85	91,86	0,01	204,35
3	Diện tích khác (DTK)	68,90	57,84	123,59	43,56	293,89

(Nguồn: Quyết định số 2652/QĐ-UBND về công bố Hiện trạng rừng thành phố Huế đến 31/7/2025)

3.2. Diện tích và hiện trạng rừng đặc dụng của các Cộng đồng thôn

Tổng diện tích mở rộng từ 03 Cộng đồng thôn: Thủy Cam, Thủy Yên Thượng, Thủy Dương là 1.078,40 ha; trong đó diện tích rừng tự nhiên là 1.076,18 ha, chiếm 99,79% tổng diện tích tự nhiên; diện tích rừng trồng là 1,33 ha, chiếm 0,12%; diện tích khác là 0,89 ha chiếm 0,08%, được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2.2. Hiện trạng tài nguyên rừng của các cộng đồng thôn

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Rừng đặc dụng
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	1.078,40
I	Diện tích có rừng	1.077,51
1	Rừng tự nhiên	1.076,18
1.1	Rừng gỗ	1.076,18
1.1.1	Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá	1.076,18
-	Rừng trung bình (TXB)	820,58
-	Rừng nghèo (TXN)	255,60
2	Rừng trồng	1,33
1.1	Rừng gỗ	1,33
-	Rừng gỗ trồng núi đất (TG)	1,33
II	Diện tích chưa có rừng	0,89
1	Diện tích khác (DTK)	0,89

(Nguồn: Quyết định số 2652/QĐ-UBND về công bố Hiện trạng rừng thành phố Huế đến 31/7/2025)

4. Diện tích và hiện trạng tài nguyên rừng Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân

Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân theo Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 có diện tích là 7.906 ha; Phạm vi ranh giới Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân được xác định trên cơ sở Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 18/9/2024 của Chính phủ về việc phân định địa giới hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) và thành phố Đà Nẵng; đồng thời căn cứ mốc giới bàn giao theo địa giới hành chính gốc cấp xã, được lập biên bản ngày 22/12/2024 giữa đại diện hai địa phương và Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam.

Theo Quyết định số 2652/QĐ-UBND về công bố hiện trạng rừng theo chính quyền địa phương 2 cấp và sắp xếp lại đơn vị hành chính trên địa bàn thành phố Huế đến 31/7/2025, Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân với quy mô diện tích rừng đặc dụng là 7.354,97 ha⁴. Bao gồm toàn bộ diện tích rừng đặc dụng **6.276,57 ha** do Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý và diện tích từ rừng 3 Cộng đồng các Thôn: Thủy Cam, Thủy Yên Thượng, Thủy Dương với diện tích rừng đặc dụng **1.078,40 ha**.

Bảng 2. Hiện trạng tài nguyên rừng Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Tổng	Diện tích Ban QLRPB Bắc Hải Vân	Diện tích rừng Cộng đồng
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	7.354,97	6.276,57	1.078,40
I	DIỆN TÍCH CÓ RỪNG	7.187,20	6.109,69	1.077,51
1	Rừng tự nhiên	6.762,82	5.686,64	1.076,18
1.1	<i>Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá</i>	<i>6.762,82</i>	<i>5.686,64</i>	<i>1.076,18</i>
-	Rừng trung bình (TXB)	1.579,11	758,53	820,58
-	Rừng nghèo (TXN)	3.959,59	3.703,99	255,60
-	Rừng nghèo kiệt (TXK)	1.224,12	1.224,12	
2	Rừng trồng	424,38	423,05	1,33
1.1	<i>Rừng gỗ</i>	<i>424,38</i>	<i>423,05</i>	<i>1,33</i>
-	Rừng gỗ trồng núi đất (TG)	424,38	423,05	1,33
II	DIỆN TÍCH CHƯA CÓ RỪNG	167,77	166,88	0,89

⁴ Lý do giảm 551,03 ha diện tích rừng đặc dụng so với Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024: Căn cứ Nghị quyết số 144/NQ-CP ngày 18/9/2024 của Chính phủ về việc xác định địa giới đơn vị hành chính giữa tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) và thành phố Đà Nẵng do lịch sử để lại nên sau khi cập nhật ranh giới hành chính mới vào cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng của Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân thì diện tích rừng đặc dụng Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý còn lại là 6.276,57 ha và diện tích của 3 Ban quản lý rừng cộng đồng thôn Thủy Cam, Thủy Dương, Thủy Yên Thượng là 1.078,40 ha.

1	<i>Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng (DTR)</i>	67,35	67,35	
2	<i>Diện tích có cây tái sinh (DTTS)</i>	30,63	30,63	
3	<i>Diện tích khác (DTK)</i>	69,79	68,90	0,89

(Nguồn: Quyết định số 2652/QĐ-UBND về công bố Hiện trạng rừng thành phố Huế đến 31/7/2025)

5. Ranh giới Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân

Ranh giới của Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân được thiết lập trên cơ sở ranh giới của các khoảnh trong các tiểu khu như sau:

- Khoảnh 05 thuộc Tiểu khu 233;
- Khoảnh 05 thuộc Tiểu khu 234;
- Khoảnh 02 đến khoảnh 08 thuộc Tiểu khu 235;
- Khoảnh 01 đến khoảnh 07 thuộc Tiểu khu 236;
- Khoảnh 01 đến khoảnh 09 thuộc Tiểu khu 237;
- Khoảnh 08 thuộc Tiểu khu 241;
- Khoảnh 02 đến khoảnh 06 thuộc Tiểu khu 242;
- Khoảnh 02 đến khoảnh 07 thuộc Tiểu khu 243;
- Khoảnh 04, khoảnh 06, khoảnh 07 thuộc Tiểu khu 246;
- Khoảnh 01 đến khoảnh 06 thuộc Tiểu khu 247;
- Khoảnh 02, khoảnh 03, từ khoảnh 05 đến khoảnh 10 thuộc Tiểu khu 248;
- Khoảnh 03 đến khoảnh 12 thuộc Tiểu khu 249;
- Khoảnh 02 đến khoảnh 05 và từ khoảnh 07 đến khoảnh 16 thuộc Tiểu khu 250;
- Khoảnh 02 đến khoảnh 07 thuộc Tiểu khu 251;
- Khoảnh 01 đến khoảnh 06 thuộc Tiểu khu 252.

(Chi tiết có Biểu 4 và Biểu 5 kèm theo)

6. Tài nguyên động, thực vật rừng và đa dạng sinh học Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân

6.1. Tài nguyên thực vật rừng

Kết quả điều tra của Dự án Trường Sơn Xanh do USAID tài trợ thực hiện đã ghi nhận 575 loài, thuộc 132 họ thực vật bậc cao có mao mạch đã được định danh. Về giá trị sử dụng, có 317 loài thực vật có công dụng làm thuốc (chiếm 55,32% tổng số loài được ghi nhận). Trên cơ sở danh sách các loài động thực vật cần bảo vệ do IUCN, sách đỏ Việt Nam và danh mục các loài cần bảo vệ theo

Nghị định số 06/2019/NĐ-CP và Nghị định số 84/2021/NĐ-CP⁵, hiện nay Khu rừng Bắc Hải Vân có 12 loài có giá trị cao, quý hiếm và có nguy cơ tuyệt chủng trong khu BHV bao gồm: 09 loài được liệt kê trong Danh lục đỏ Việt Nam (EN - 04 loài, VU - 04 loài, LC - 01 loài); 05 loài cũng được liệt kê trong thông tư số 27/2025/TT-BNNMT (05 loài - Nhóm IIA); 07 loài được liệt kê trong Danh lục của IUCN về các loài bị đe dọa (IUCN; EN - 02 loài, VU - 02 loài, LC - 02 loài, NT - 01 loài). (Chi tiết xem tại bảng 3).

Bảng 3. Các loài thực vật cần được bảo tồn tại khu vực Bắc Hải Vân

TT	Tên VN	Tên Khoa học	Sách Đỏ VN	TT 27/2025	IUCN
1	Gội nếp	<i>Aglaia spectabilis</i> (Miq.) Jain & Bennet.	VU		LC
2	Vên vên	<i>Anisoptera costata</i> Korth.	EN		EN
3	Re xanh phấn	<i>Cinnamomum glaucescens</i> (Nees) Drury		IIA	NT
4	Sưa / Trắc	<i>Dalbergia tonkinensis</i> Prain	EN	IIA	VU
5	Huỳnh đường	<i>Dysoxylum loureiri</i> Pierre	VU		
6	Lim xanh	<i>Erythrophleum fordii</i> Oliv.		IIA	EN
7	Hoàng đằng	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.		IIA	
8	Rau sắng	<i>Melientha suavis</i> Pierre	VU		
9	Chò đen	<i>Parashorea stellata</i> Kurz	EN		VU
10	Thông tre	<i>Podocarpus nerifolius</i> D. Don	LC		LC
11	Ba gạc lá to	<i>Rauwolfia cambodiana</i> Pierre ex Pitard	VU		
12	Gụ lau	<i>Sindora tonkinensis</i> A. Chev. ex K. & S. Larsen	EN	IIA	

Nguồn: Dự án Trường Sơn Xanh do USAID tài trợ, 2018, cập nhật năm 2025

6.2. Tài nguyên động vật rừng

- Lớp thú

Khu vực Bắc Hải Vân đã ghi nhận được 30 loài thú nhỏ thuộc 5 bộ: Gặm nhấm (Rodentia) 13 loài, Dơi (Chiroptera) 12 loài, Chuột chù (Soricomorpha) 2 loài, Nhiều răng (Scandentia), Chuột voi Cánh da (Dermoptera) 1 loài cho mỗi bộ và 11 họ. Một số loài nằm trong sách đỏ Việt Nam cụ thể như:

+ Sóc đen (*Ratufa bicolor*) (VU - Sắp nguy cấp thuộc Danh lục đỏ Việt Nam và NT - Sắp bị đe dọa theo Danh lục IUCN)

⁵ Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, ngày 22 tháng 01 năm 2019, của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 3 năm 2019. Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2019/NĐ-CP, ngày 22 tháng 01 năm 2019, của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.

Loài này phân bố rộng rãi ở Việt Nam, và thường được tìm thấy trong rừng nguyên sinh hoặc rừng tái sinh với nhiều cây thân gỗ lớn, thường sống và di chuyển trên tán cây cao.

+ Sóc bay trâu (*Petaurista philippensis*) (VU - Sắp nguy cấp thuộc Danh lục đỏ Việt Nam và LC - Ít quan tâm theo Danh lục IUCN)

Loài có kích thước lớn nhất trong họ Sóc cây (*Sciuridae*), trọng lượng của nó có thể lên đến 3kg. Loài này cũng được coi như sinh vật chỉ thị cho chất lượng rừng bởi chúng sống và hoạt động di chuyển kiếm ăn chỉ trên tán cây cao trong các khu rừng nguyên sinh hoặc rừng thứ sinh phục hồi với nhiều cây lớn.

- Lớp Chim

Tổng số 120 loài chim thuộc 10 bộ và 31 họ đã được ghi nhận. Trong tổng số 120 loài ghi nhận có các loài đặc trưng bao gồm: Gà lôi lam mào trắng (*Lophura edwardsi*) nằm trong nhóm EW - Tuyệt chủng ngoài tự nhiên thuộc Danh lục đỏ Việt Nam và nhóm CR - Cực kì nguy cấp thuộc Danh lục IUCN, Gà lôi trắng (*Lophura nycthemera*) nằm trong nhóm VU - Sắp nguy cấp thuộc Danh lục đỏ Việt Nam và nhóm LC - Ít quan tâm thuộc Danh lục IUCN và Chim khách đuôi cò (*Temnurus temnurus*) nằm trong nhóm LC - Ít quan tâm thuộc Danh lục IUCN.

- Bò sát, lưỡng cư

Khu rừng Bắc Hải Vân đã ghi nhận được 167 loài Bò sát và Lưỡng cư, thuộc 28 họ và 3 bộ. Một số loài bò sát, lưỡng cư điển hình khu Bắc Hải Vân như:

+ Rồng đất (*Physignathus cocincinus*) (VU - Sắp nguy cấp thuộc Danh lục đỏ Việt Nam và Danh lục IUCN)

Môi trường sống của chúng được ghi nhận bao gồm nương rẫy đang hoạt động và bỏ hoang, rừng thứ sinh, rừng nguyên sinh và xung quanh suối và sông. Mật độ của rồng đất rất cao trong khu Bắc Hải Vân.

+ Éch gai sần (*Quasipaa verrucospinosa*) (VU - Sắp nguy cấp thuộc Danh lục đỏ Việt Nam và LC - Ít quan tâm thuộc Danh lục IUCN)

Môi trường sống của chúng bao gồm rừng thứ sinh, rừng nguyên sinh và xung quanh sông suối. Mật độ của ech gai sần là rất cao. Loài này sinh sống ở các sinh cảnh có độ cao. Chúng phân bố chủ yếu trong môi trường sống trong rừng già và rừng trung bình, với độ cao hơn 500 m.

+ Éch nhèo Poilan (*Limnonectes poilani*) (LC - Ít quan tâm thuộc Danh lục IUCN)

Chúng được ghi nhận trong rừng thứ sinh, rừng nguyên sinh và xung quanh suối và sông.

+ Éch cây Trung bộ (*Rhacophorus annamensis*) (LC - Ít quan tâm thuộc Danh lục IUCN)

Éch cây trung bộ chỉ được tìm thấy ở Bắc Hải Vân. Rừng núi đá ở Bắc Hải Vân dường như là môi trường sống thích hợp cho loài này. Mật độ của ech cây

trung bộ rất cao. Đây là loài chỉ thị cho môi trường sống không bị tác động; thực tế nó được tìm thấy trong rừng phục hồi tại Bắc Hải Vân.

Một số loài cần được quan tâm bảo vệ tại khu vực Bắc Hải Vân như sau:

Bảng 4. Các loài động vật cần được bảo tồn tại khu vực Bắc Hải Vân

TT	Tên VN	Tên Khoa học	Sách Đỏ VN	TT 27/2025	IUCN
1	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>	VU	IIB	NT
2	Sóc bay trâu	<i>Petaurista petaurista</i>	VU	IIB	LC
3	Vọc chà vá chân nâu	<i>Pygathrix nemaeus</i>	EN	IB	CR
4	Gà lôi lam mào trắng	<i>Lophura edwardsi</i>	EW	IB	CR
5	Gà Lôi trắng Trung bộ (Gà lôi vằn)	<i>Lophura nycthemera</i>	VU	IIB	LC
6	Chim khách đuôi cò	<i>Temnurus temnurus</i>			LC
7	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i>	VU	IIB	VU
8	Sơn dương Đông Dương	<i>Capricornis sumatraensis</i>	EN	IB	VU
9	Cu ly nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i> / <i>Xanthonycticebus pygmaeus</i>	EN	IB	EN
10	Trăn gấm	<i>Python reticulatus</i>	CR	IIB	LC
11	Rồng đất	<i>Physignathus cocincinus</i>	VU		VU
12	Ếch gai sần	<i>Quasipaa verrucospinosa</i>	VU		LC
13	Ếch nhèo	<i>Limnonectes poilani</i>			LC
14	Ếch cây Trung bộ	<i>Rhacophorus annamensis</i>			LC

Nguồn: Dự án Trường Sơn Xanh do USAID tài trợ, 2018, cập nhật 2025

7. Về quản lý, sử dụng rừng, đất rừng phòng hộ, sản xuất do Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý

7.1. Về quản lý, sử dụng rừng, đất rừng do Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý

Trong tổng số 10.505,96 ha đất và rừng hiện do Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (nay là thành phố Huế) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân với diện tích 10.405,64 ha với chức năng rừng phòng hộ và sản xuất.

Đối với rừng đặc dụng khu bảo vệ cảnh quan: Sau khi có quyết định thành lập khu rừng bảo vệ cảnh quan, Ban quản lý sẽ phối hợp với các Sở, địa phương hiệu chỉnh chức năng sử dụng đất rừng đặc dụng theo Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay thành phố Huế) về việc chuyển loại rừng từ quy hoạch rừng phòng hộ, sản xuất sang quy hoạch rừng đặc dụng ở khu Bắc Hải Vân.

Đối với diện tích 3.505,52 ha (ngoài khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan) gồm: 1.331,86 ha rừng phòng hộ, 2.106,72 ha rừng sản xuất và 66,94 ha ngoài

quy hoạch 3 loại rừng, đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân (sau này Ban Quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân) quản lý, theo quy định tại Điều 16, Luật Lâm Nghiệp và Điều 184 Luật Đất đai 2024 Ban quản lý rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân là đối tượng được giao đất rừng phòng hộ và sản xuất, tiếp tục thực hiện công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng, tổ chức sản xuất kinh doanh trên diện tích được giao. Về quản lý rừng thực hiện theo quy chế quản lý 3 loại rừng được quy định tại Luật Lâm nghiệp.

Hiện trạng rừng phòng hộ, sản xuất do Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý như sau (Chi tiết được thể hiện tại bảng 5 và biểu 6):

Bảng 5. Hiện trạng rừng phòng hộ, sản xuất do Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý

STT	Hạng mục	Rừng phòng hộ	Rừng sản xuất	Không thuộc QH3LR	Tổng
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	1.331,86	2.106,72	66,94	3.505,52
I	DIỆN TÍCH CÓ RỪNG	1.167,71	1.741,98	21,31	2.931,00
1	Rừng tự nhiên	676,54	928,29		1.604,83
<i>1.1</i>	<i>Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá</i>	<i>676,54</i>	<i>928,29</i>		<i>1.604,83</i>
-	Rừng trung bình (TXB)	0,33			0,33
-	Rừng nghèo (TXN)	457,85	805,46		1.263,31
-	Rừng nghèo kiệt (TXK)	218,36	122,83		341,19
2	Rừng trồng	491,17	813,69	21,31	1.326,17
<i>1.1</i>	<i>Rừng gỗ</i>	<i>491,17</i>	<i>813,69</i>	<i>21,31</i>	<i>1.326,17</i>
-	Rừng gỗ trồng núi đất (TG)	476,72	813,69	21,31	1.311,72
-	Rừng gỗ trồng đất cát (TGC)	14,45			14,45
II	DIỆN TÍCH CHƯA CÓ RỪNG	164,15	364,74	45,63	574,52
1	Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng (DTR)	24,46	149,29	2,06	175,81
2	Diện tích có cây tái sinh (DTTS)	81,85	91,86	0,01	173,72
3	Diện tích khác (DTK)	57,84	123,59	43,56	224,99

(Nguồn: Quyết định số 2652/QĐ-UBND về công bố Hiện trạng rừng thành phố Huế đến 31/7/2025)

7.2. Đối với diện tích rừng và đất lâm nghiệp của 3 cộng đồng dân cư thôn:

Theo biên bản làm việc ngày 07 tháng 3 năm 2025 do Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) và Lãnh đạo Ủy ban nhân dân huyện Phú lộc làm việc với đại diện 03 Cộng đồng Thôn Thủy Cam, Thủy Yên Thượng - xã Lộc Thủy, Thôn Thủy Dương - xã Lộc Tiến về thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân; theo đó, 03 Cộng đồng thôn Thủy Dương - xã Lộc Tiến và Thủy Yên Thượng, Thủy Cam - xã Lộc Thủy, thống

nhất lập dự án thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân trên cơ sở diện tích rừng của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân đang quản lý và diện tích rừng đặc dụng 1.077,98 ha của 03 Cộng đồng thôn.

Sau khi Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân được thành lập, thực hiện thu hồi rừng, đất rừng thực hiện theo quy định pháp luật. Tổ chức giao khoán rừng cho 03 Cộng đồng thôn Thủy Dương - xã Lộc Tiến và Thủy Yên Thượng, Thủy Cam - xã Lộc Thủy được hưởng lợi các chính sách của nhà nước do Ban Quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân và các tổ chức khác chi trả.

8. Đối với các diện tích bị tác động từ các dự án đến Khu Bảo vệ cảnh quan trong tương lai

Theo các Quy hoạch của tỉnh, huyện và Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô (theo Quyết định số 1657/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2045) và phạm vi ranh giới Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc Nam, thì diện tích các dự án phát triển kinh tế xã hội sẽ tác động đến diện tích rừng đặc dụng Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân là 31,97 ha; diện tích rừng phòng hộ là 50,72 ha, rừng sản xuất là 511,55 ha và diện tích không thuộc quy hoạch ba loại rừng là 26,05 ha do Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý. (Chi tiết được thể hiện tại bảng 6 và biểu 7)

Hầu hết diện tích định hướng phát triển không gian du lịch sinh thái núi; phát triển đa dạng các cơ sở hạ tầng dịch vụ du lịch tập trung tại khu vực Lăng Cô, Bãi Cỏ, bãi Chuối chỉ tác động chủ yếu đến rừng phòng hộ và sản xuất cho Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý; ít tác động đến rừng đặc dụng khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân. Những diện tích này, Ban quản lý Khu bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân tiếp tục quản lý rừng theo Luật Lâm nghiệp, khi có chủ trương đầu tư có thẩm quyền, trước khi triển khai dự án, chủ đầu tư phải thực hiện thủ tục đề nghị chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, đánh giá tác động môi trường đối với khu rừng đặc dụng theo quy định pháp luật.

Bảng 6. Hiện trạng tài nguyên rừng ảnh hưởng đến diện tích rừng Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân trong tương lai

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Rừng Đặc dụng khu BVCQ	DT rừng do Ban QL RPH BHV (sau này là Ban QL Khu BVCQ)			Tổng
			Rừng Phòng hộ	Rừng Sản xuất	Không thuộc QH3LR	
	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31,97	50,72	511,55	26,05	620,29
I	DIỆN TÍCH CÓ RỪNG	28,72	44,67	379,40	17,37	470,19
1	Rừng tự nhiên	20,92	21,22	128,39		170,53

STT	Hạng mục	Rừng Đặc dụng khu BVCQ	DT rừng do Ban QL RPH BHV (sau này là Ban QL Khu BVCQ)			Tổng
			Rừng Phòng hộ	Rừng Sản xuất	Không thuộc QH3LR	
1.1	<i>Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá</i>	20,92	21,22	128,39	0,00	170,53
-	Rừng trung bình (TXB)	0,02				0,02
-	Rừng nghèo (TXN)	14,56	11,73	126,60		152,89
-	Rừng nghèo kiệt (TXK)	6,34	9,49	1,79		17,62
2	<i>Rừng trồng</i>	7,80	23,45	251,01	17,37	299,63
1.1	<i>Rừng gỗ</i>	7,80	23,45	251,01	17,37	299,63
-	Rừng gỗ trồng núi đất (TG)	7,80	22,41	251,01	17,37	298,59
-	Rừng gỗ trồng đất cát (TGC)		1,04			1,04
II	DIỆN TÍCH CHƯA CÓ RỪNG	3,25	6,05	132,15	8,68	150,13
1	<i>Diện tích đã trồng cây rừng nhưng chưa đạt các tiêu chí thành rừng (DTR)</i>		0,20	53,35	0,41	53,96
2	<i>Diện tích có cây tái sinh (DTTS)</i>	0,29	2,52	34,46		37,27
3	<i>Diện tích khác (DTK)</i>	2,96	3,33	44,34	8,27	58,90

(Nguồn: Quyết định số 2652/QĐ-UBND về công bố Hiện trạng rừng thành phố Huế đến 31/7/2025)

III. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Địa hình

Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân có 02 kiểu địa hình chính đó là địa hình vùng núi và địa hình đồng bằng ven biển. Vùng núi là địa hình tiếp giáp với dãy Bạch Mã được kéo dài từ dãy Trường Sơn ra đến tận sát bờ biển, địa hình bị chia cắt mạnh tạo ra nhiều suối ngấn và thác dốc có cảnh quan tuyệt đẹp. Độ cao tuyệt đối lên đến 1.413 m và độ cao trung bình của vùng lên đến 1.000 m, độ dốc bình quân lên đến 25%. Vùng đồng bằng ven biển là dải hẹp có diện tích nhỏ có độ dốc bình quân từ 3-7%, đây là nơi người dân xung quanh vùng dự án canh tác lúa nước và có đầm Lập An, nơi người dân có thể nuôi trồng thủy sản.

2. Khí hậu

Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân chịu ảnh hưởng chung của thời tiết khí hậu, nhiệt đới gió mùa, một năm có hai mùa rõ rệt:

- Mùa mưa bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 3 năm sau, lượng mưa tương đối lớn trung bình khoảng 3.000 mm/năm, lượng mưa đạt mức cao nhất ghi nhận được lên đến 4.937 mm/năm. Mưa tập trung vào tháng 10 - 11, mưa về thường kèm theo gió mùa Đông Bắc gây mưa lớn dài ngày, nhiệt độ xuống thấp ảnh hưởng

đến cuộc sống sinh hoạt của người dân trong môi trường mưa và lạnh. Trồng trọt, chăn nuôi cũng gặp nhiều khó khăn.

- Mùa khô bắt đầu từ tháng 2 đến tháng 8, mùa khô lại đi kèm với gió Tây Nam khô, nóng, thời gian khô hạn kéo dài, nhiệt độ cao, độ ẩm thấp dễ gây hạn hán và hoả hoạn, theo thống kê số vụ cháy rừng vào mùa này chiếm đến hơn 90% số vụ cháy rừng trong năm. Với mùa khô và nóng việc gây trồng gặp không ít khó khăn, nhất là gây trồng những loài cây bản địa.

Nhiệt độ bình quân theo số liệu theo dõi nhiều năm của trạm khí tượng thủy văn Bắc Hải Vân là 24°C; Nhiệt độ cao nhất khoảng 40°C vào tháng 6; Nhiệt độ thấp nhất khoảng 18°C vào tháng 3.

Vùng Bắc Hải Vân chịu ảnh hưởng của khí hậu biển, nên thời tiết thường mát về mùa hè và ẩm về mùa đông, đây là điều kiện thiên nhiên ưu đãi cho Bắc Hải Vân trong phát triển du lịch.

3. Thủy văn

Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân có nhiều sông, suối có điểm xuất phát đầu nguồn từ dãy núi Bạch Mã - Hải Vân, trên địa bàn tiểu khu 246, 247, 248, 249, 250 chảy về đầm Lập An hoặc đổ ra biển. Do khoảng cách giữa núi và biển ngắn, độ dốc chênh lệch lớn, nên các con sông và suối này thường ngắn, lòng sông hẹp, độ dốc lớn, tạo thành những thác nước cao, nguy cơ xói mòn, sạt lở và lũ quét lớn. Điều kiện thủy văn, địa hình như vậy đã tạo ra được những cảnh quan đẹp có giá trị lớn về du lịch, nhưng không thuận lợi cho việc phát triển lâm nghiệp, đặc biệt là trồng rừng sản xuất. Độ dốc lớn, đất đá tro sỏi đá nên việc trồng rừng, phục hồi rừng gặp nhiều khó khăn, chỉ một số loài cây bản địa có khả năng chống chịu cao mới có khả năng sinh trưởng và phát triển trong điều kiện khắc nghiệt này. Loài cây sinh trưởng chủ yếu ở đây là Dầu rái, Sao, Chò chỉ, Sến...

4. Địa chất và thổ nhưỡng

Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân xuất hiện hai loại đất phổ biến nhất là:

- Đất Feralit vàng đỏ, phát triển trên đá mẹ Granit, thành phần cơ giới chủ yếu là thịt pha sét, hơi chặt, ẩm tỷ lệ đá lẫn bình quân khoảng 20%. Có những địa điểm đá lẫn, đá lộ đầu lên đến 60%, mức độ xói mòn từ trung bình đến mạnh.

- Đất cát mịn, chạy dọc theo ven bờ biển dưới chân núi vùng Bắc Hải Vân, có độ dày tầng cát trung bình khoảng trên 1m, hơi chặt, hơi ẩm đã được cố định không còn tình trạng cát di động lớn.

Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân tương đối thuận lợi về điều kiện thổ nhưỡng cho phát triển lâm nghiệp, trồng rừng, phục hồi rừng, tuy nhiên điều kiện địa hình cao dốc gây khó khăn cho sự phát triển lâm nghiệp của khu vực trên phần lớn diện tích Bắc Hải Vân.

IV. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Dân số, dân tộc, lao động

Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân nằm trong ranh giới hành chính của xã Chân Mây - Lăng Cô (gồm 4 xã, thị trấn cũ) theo *bảng 7* dưới đây. Dân số trung

bình của xã quản lý là 50.831 người, 40% người dân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp.

Bảng 7. Tổng hợp dân số, lao động trong khu vực

STT	Đơn vị hành chính	Mật độ dân số (người/km ²)	Dân số trung bình (người)
1	Xã Chân Mây - Lăng Cô	194,47	50.831

Nguồn: Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Huế năm 2025

Dân tộc sinh sống trên xã Chân Mây - Lăng Cô là dân tộc Kinh, đã định cư ổn định cuộc sống từ lâu nay.

2. Kinh tế

Phần lớn đất của xã xung quanh khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân là đất lâm nghiệp, nông nghiệp, đây là vùng nông thôn - miền núi, ven biển; lĩnh vực sản xuất chủ yếu là nông, lâm, ngư nghiệp, như trồng lúa, chăn nuôi, thủy sản. Đời sống người dân trên địa bàn chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, một số tham gia buôn bán nhỏ lẻ. Riêng thị trấn Lăng Cô cũ thì các hoạt động dịch vụ là nguồn thu nhập chính của một bộ phận không nhỏ dân cư. Cây hàng năm chủ yếu là lúa, lúa đóng vai trò chủ đạo trong thành phần kinh tế của địa phương. Cây lâm nghiệp chủ yếu là cây Keo lai được người dân trồng với diện tích lớn chiếm ưu thế.

Trong chăn nuôi được tập trung chủ yếu vào các loại gia súc chính là trâu, bò, dê, lợn và gia cầm. Hình thức chăn nuôi trâu, bò hiện nay chủ yếu là thả rông. Đây cũng là nguyên nhân chủ yếu gây ra tình trạng khó khăn trong phát triển rừng trồng, đặc biệt là giai đoạn rừng non, chưa khép tán.

Đối với trồng trọt, diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt đạt 6,4 nghìn ha với sản lượng là 40,5 nghìn tấn; sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người đạt 298,9 kg.

Đối với lâm nghiệp, diện tích rừng trồng mới tập trung khoảng 1.500 ha với sản lượng gỗ khai thác khoảng 112,9 nghìn m³.

Đối với thủy sản, sản lượng khai thác đạt 9,1 nghìn tấn và sản lượng nuôi trồng đạt 2,4 nghìn tấn.

3. Xã hội

Hệ thống trường lớp được quan tâm đầu tư trong những năm gần đây, các xã đều có trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở cho con em địa phương đến trường, tỷ lệ học sinh đến tuổi đến trường tương đối cao. Tại khu vực dự án có trường Trung học phổ thông Thừa Lưu, xã Chân Mây - Lăng Cô.

Mạng lưới y tế được huyện quan tâm chú trọng đầu tư cho các xã; đáp ứng được nhu cầu cơ bản khám chữa bệnh của người dân tuyến xã. Hiện trong huyện đã có 01 bệnh viện, 02 phòng khám đa khoa khu vực và 17 trạm y tế cơ sở với số nhân lực ngành y là khoảng 331 người, nhân lực ngành dược là khoảng 31 người.

4. Giao thông

Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân có tuyến đường bộ Quốc lộ 1A và tuyến đường sắt Bắc – Nam đi qua, ngoài ra hệ thống giao thông liên xã, liên thôn được đầu tư phát triển tốt, ô tô có thể đến tất cả các thôn trong xã. Hệ thống đường thủy có thể kết nối với các địa phương. Hệ thống đường Quốc lộ và tỉnh lộ lên đến 60km, xuyên suốt tất cả các xã. Với hệ thống giao thông thuận lợi như vậy việc phòng cháy, chữa cháy rừng, bảo vệ rừng cũng có những thuận lợi nhất định; song cũng tạo điều kiện cho người dân vào rừng khai thác lâm sản bất hợp pháp, gây khó khăn cho công tác quản lý bảo vệ rừng. Vì thế việc thiết kế hệ thống giám sát, chia tổ bảo vệ rừng trong tương lai cần quan tâm xem xét đánh giá đúng để ngăn chặn được tình trạng kẻ gian vào rừng khai thác bất hợp pháp các sản phẩm của rừng.

Tóm lại, địa bàn của khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân nằm trên quốc lộ 1A đi qua, lại là địa bàn của Khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, nhờ vậy lĩnh vực y tế, giáo dục tương đối phát triển.

V. XÁC LẬP CÁC PHÂN KHU CHỨC NĂNG

Căn cứ Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP và theo khoản 4, điều 1 Nghị định 91/2024/NĐ-CP, quy định *“Tiêu chí các phân khu chức năng của vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên và khu bảo tồn loài - sinh cảnh”*. Như vậy, theo quy định hiện hành của pháp luật về lâm nghiệp, Khu rừng đặc dụng khu bảo vệ cảnh quan không quy định phân chia thành các phân khu chức năng như vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài - sinh cảnh.

Do đó, khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân với diện tích rừng đặc dụng là 7.354,97 ha, không xác lập các phân khu chức năng.

Với hiện trạng rừng bị suy thoái, là rừng tự nhiên nghèo kiệt, rừng nghèo, rừng trồng bản địa, cần tiếp tục tác động với các biện pháp lâm sinh phù hợp, hướng tới phục hồi rừng tự nhiên với hệ sinh thái bền vững; Về hệ sinh thái tự nhiên và sinh cảnh của các loài động vật hoang dã, qua các báo cáo về các loài nguy cấp, quý, hiếm tại khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân chỉ ghi nhận sự xuất hiện thường xuyên của các loài nguy cấp, quý, hiếm cần bảo vệ; sẽ được quản lý theo các chương trình hoạt động được nêu mục VIII của dự án này

VI. VÙNG ĐỆM CỦA KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN BẮC HẢI VÂN

Căn cứ vào điểm b, khoản 1, Điều 16 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, xác định vùng đệm bên ngoài của Khu Bảo vệ cảnh quan như sau: *“Vùng đệm bên ngoài khu rừng đặc dụng được xác định là khu vực có cộng đồng dân cư sinh sống và hoạt động sản xuất kinh doanh, sinh hoạt theo truyền thống; khu vực diện tích các thôn liền kề với ranh giới ngoài của khu rừng đặc dụng”*.

Trên cơ sở các tiêu chí xác định vùng đệm Khu Bảo vệ Cảnh quan có ranh giới với 7 thôn sau đây: Thủy Yên Thượng, Thủy Cam, Trung Kiên, Thủy Dương, An Cư Tây, Hói Dừa, Hải Vân sẽ được xác định là vùng đệm của Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.

- Vùng đệm thôn Thủy Yên Thượng tiếp giáp với tiểu khu 236, khoảnh 2.
- Vùng đệm thôn Thủy Cam tiếp giáp với tiểu khu 235, khoảnh 2.

- Vùng đệm thôn Thủy Dương tiếp giáp với tiểu khu 243, khoảnh 4.
- Vùng đệm thôn Trung Kiền tiếp giáp với tiểu khu 241, khoảnh 8.
- Vùng đệm thôn An Cư Tây tiếp giáp với tiểu khu 246, khoảnh 6,7 và tiểu khu 248, khoảnh 2.
- Vùng đệm thôn Hói Dừa tiếp giáp với tiểu khu 249, khoảnh 9 và tiểu khu 250, khoảnh 2.
- Vùng đệm thôn Hải Vân tiếp giáp với tiểu khu 250, khoảnh 3,4.

Diện tích vùng đệm: 870 ha (*Chi tiết được thể hiện tại bảng 8*)

Bảng 8. Diện tích và các thôn giáp ranh thuộc vùng đệm Khu vực thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân

STT	Các thôn giáp ranh khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân	Diện tích vùng đệm (ha)	Tên Xã
1	Thủy Yên Thượng	55	Xã Chân mây - Lãng Cô
2	Thủy Cam	70	
3	Trung Kiền	120	
4	Thủy Dương	200	
5	An Cư Tây	200	
6	Hói Dừa	200	
7	Hải Vân	25	

- Vùng đệm có chức năng như một vành đai bảo vệ, là rào chắn, phòng hộ cho Khu bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân. Vùng đệm được thiết lập nhằm mục đích đưa người dân có trách nhiệm tham gia vào công tác bảo vệ rừng và làm căn cứ để xây dựng các chương trình hỗ trợ tạo điều kiện sinh kế cho người dân trong vùng đệm qua đó nâng cao trình độ văn hoá cải thiện sự tiến bộ của xã hội;

- Ban quản lý Khu bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân có vai trò kết hợp với các ngành chức năng, chính quyền các cấp hướng dẫn người dân sử dụng đất đai, tài nguyên một cách hợp lý và hiệu quả, bền vững. Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân trong khu vực, giảm áp lực đến Khu bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.

VII. HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ BAN QUẢN LÝ KHU BẢO VỆ CẢNH QUAN BẮC HẢI VÂN

1. Cơ cấu tổ chức, nhân sự

Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Ban Giám đốc của Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân gồm Giám đốc và Phó Giám đốc.

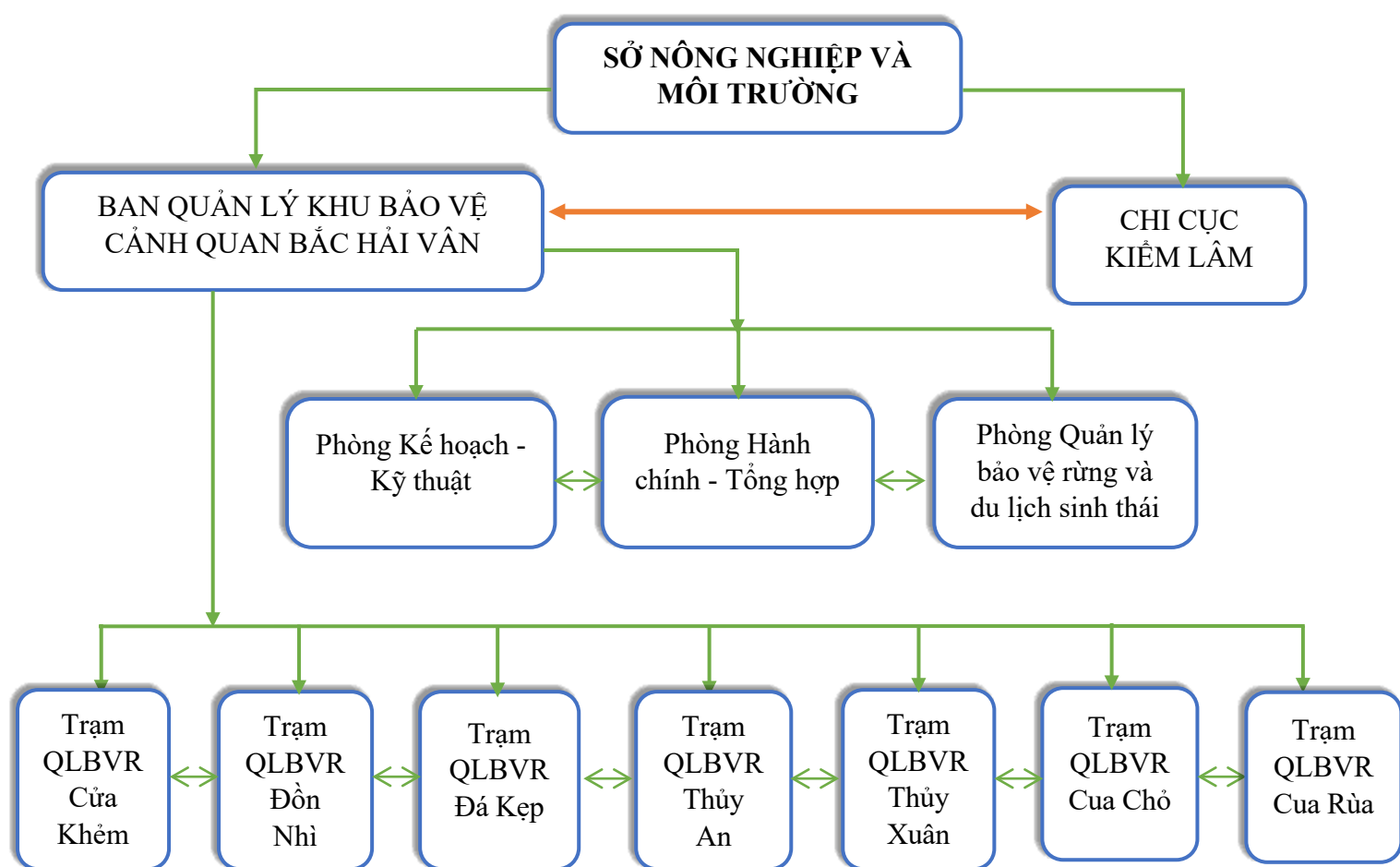
- Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Ban Quản lý bao gồm:

- + Phòng Hành chính - Tổng hợp;
- + Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật;

- + Phòng Quản lý bảo vệ rừng và du lịch sinh thái;
- + Các trạm bảo vệ rừng cụ thể như sau: Trạm Quản lý bảo vệ rừng Cửa Khẽm, Trạm Quản lý bảo vệ rừng Đồn Nhì, Trạm Quản lý bảo vệ rừng Đá Kẹp, Trạm Quản lý bảo vệ rừng Thủy An, Trạm Quản lý bảo vệ rừng Thủy Xuân, Trạm Quản lý bảo vệ rừng Cua Chở, Trạm Quản lý bảo vệ rừng Cua Rùa.

Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân là đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, thực hiện chức năng quản lý, bảo vệ, xây dựng và phát triển rừng trong diện tích được giao quản lý; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ 1. Hiện trạng tổ chức bộ máy của Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân



2. Cơ sở vật chất

Hiện nay, cơ sở vật chất của Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân hiện có:

- Trụ sở văn phòng làm việc tại xã Chân Mây - Lăng Cô (thị trấn Lăng Cô cũ) với kết cấu Nhà cấp IV, 2 tầng xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2003. Khu vực văn phòng kết hợp sân vườn, bãi đậu xe, nhà kho và nhà công vụ.

- 06 Nhà trạm bảo vệ rừng trên địa bàn xã Chân Mây - Lăng Cô (xã Lộc Vĩnh, xã Lộc Thủy và Thị trấn Lăng Cô cũ) với kết cấu là nhà cấp IV, xây dựng và đưa vào sử dụng trước năm 2015. Hệ thống điện nước tại các nhà trạm được

đảm bảo, hiện có nhà Bảo vệ rừng Đồn Nhì - Thị trấn Lăng Cô cũ phải phụ thuộc vào Điện năng lượng mặt trời và nguồn nước từ khe suối.

- Hệ thống đường lâm sinh: 9 tuyến với chiều dài 7,1 km trên địa bàn xã Chân Mây - Lăng Cô (xã Lộc Vĩnh và thị trấn Lăng Cô cũ) phục vụ cho công tác tuần tra, vận chuyển cây giống trồng phục hồi rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

- Chòi canh lửa rừng: 04 chòi canh (có 2 chòi canh được bố trí khu vực trực phòng cháy chữa cháy rừng và phòng ngủ cho nhân viên sinh hoạt như nhà trạm bảo vệ rừng).

- Phương tiện và trang thiết bị đang sử dụng: Từ các nguồn vốn như Ngân sách sự nghiệp, nguồn thu từ giảm phát thải khí nhà kính,... đơn vị trang bị cụ thể như sau: 01 xe ô tô bán tải; 10 xe máy; 02 máy Photocopy; 02 bộ máy vi tính để bàn; 01 máy scan văn bản; 05 máy thổi gió phòng cháy chữa cháy rừng; 06 máy định vị; 02 máy ảnh; 01 loa tuyên truyền,...

Sau khi thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân thì Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân sẽ kế thừa, tiếp nhận toàn bộ cơ sở vật chất, tài sản của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân nêu trên để tiếp tục sử dụng, phục vụ công tác quản lý, bảo vệ và phát triển khu bảo vệ cảnh quan.

3. Đánh giá về công tác quản lý, điều hành

3.1. Thuận lợi

Trong thời gian qua, Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân đã nhận được sự quan tâm đặc biệt của các cấp chính quyền và sự hỗ trợ tích cực từ các chương trình, dự án bảo tồn trong nước và quốc tế.

Công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên đã đạt được những thành tựu quan trọng, trong đó nổi bật là bảo vệ hiệu quả các hệ sinh thái tự nhiên có giá trị bảo tồn cao, giảm thiểu các hành vi khai thác lâm sản và săn bắt động vật hoang dã trái phép. Hoạt động nghiên cứu khoa học, điều tra giám sát đa dạng sinh học được chú trọng, đồng thời hỗ trợ các chiến lược ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, tạo môi trường cảnh quan cho Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

3.2. Khó khăn

Ban quản lý hiện vẫn đối diện với nhiều khó khăn, thách thức trong công tác quản lý tài nguyên rừng. Trước hết, đội ngũ cán bộ mặc dù đã được đào tạo về chuyên môn nhưng năng lực chưa đồng đều, đặc biệt còn hạn chế về kiến thức và kỹ năng sử dụng các công nghệ tiên tiến phục vụ quản lý bảo tồn, đang dạng sinh học như máy định vị GPS, phần mềm SMART, thiết bị bay không người lái (drone). Việc nâng cao năng lực chuyên môn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng bảo tồn được coi là nhiệm vụ quan trọng và cấp thiết.

Nguồn ngân sách nhà nước hạn chế, trong khi nguồn thu từ các dịch vụ khác như du lịch sinh thái, hấp thụ carbon chưa được khai thác đầy đủ, dẫn tới thu nhập cho người dân từ nguồn này còn thấp, không đủ để giảm áp lực đáng kể lên tài nguyên rừng.

Nhận thức chưa đầy đủ của một bộ phận cộng đồng địa phương vùng đệm về tầm quan trọng của bảo vệ tài nguyên rừng, dẫn đến các hành vi vi phạm vẫn diễn ra, nhất là lấn chiếm đất và săn bắt động vật hoang dã trái phép với quy mô nhỏ, đơn lẻ.

3.3. Đánh giá công tác quản lý, bảo vệ rừng

Công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo vệ cảnh quan luôn là nhiệm vụ trọng tâm tại Khu Bắc Hải Vân. Thời gian qua, Ban quản lý đã tập trung thực hiện nhiều biện pháp nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi xâm hại rừng như chặt phá rừng, khai thác lâm sản trái phép và săn bắt động vật hoang dã. Để nâng cao hiệu quả trong hoạt động tuần tra, giám sát, Ban quản lý đã ứng dụng các tiên bộ khoa học công nghệ như thiết bị định vị GPS, phần mềm SMART, máy tính bảng, ... để hỗ trợ công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên rừng.

Ban quản lý đã kiểm soát chặt chẽ nguồn giống cây con phục vụ trồng rừng phục hồi sinh thái, lập các khu rừng giống với ưu tiên cây bản địa có tính đặc hữu tại địa phương, áp dụng có hiệu quả các biện pháp lâm sinh đối với từng đối tượng rừng tự nhiên và rừng trồng.

Công tác giao khoán bảo vệ rừng đặc dụng đã được thực hiện hiệu quả, cho các hộ gia đình, cộng đồng địa phương khu vực vùng đệm. Trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng, nhờ thực hiện nghiêm túc các phương án hàng năm, nên hầu hết các vụ cháy được phát hiện và tổ chức chữa cháy kịp thời.

Ngoài ra, Ban quản lý còn phối hợp hiệu quả với các Hạt Kiểm lâm khu vực để tiếp nhận, cứu hộ và tái thả nhiều loài động vật hoang dã quý hiếm về môi trường tự nhiên.

Nhìn chung, những nỗ lực và kết quả đạt được trong công tác quản lý bảo vệ môi trường rừng tại Khu Bắc Hải Vân không chỉ góp phần bảo tồn hiệu quả tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, mà còn tạo môi trường thuận lợi và an toàn để phát triển bền vững các hoạt động du lịch sinh thái trong tương lai.

VIII. CÁC CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân triển khai nhiều chương trình và hoạt động nhằm quản lý, bảo vệ, khai thác dịch vụ hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, hỗ trợ sinh kế bền vững cho người dân vùng đệm và mở rộng hợp tác quốc tế. Các chương trình, hoạt động này được thực hiện theo hướng tiếp cận tổng hợp, kết hợp giữa bảo tồn và phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa giữa lợi ích bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, các chương trình này sẽ phù hợp với các nội dung Phương án quản lý rừng bền vững sẽ được xây dựng ngay sau khi Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân được thành lập, đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 12, 13 và 14 Thông tư số 16/2025/TT-BNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

1. Chương trình quản lý, bảo tồn và phục hồi cảnh quan thiên nhiên

1.1. Mục tiêu chương trình

Chương trình quản lý, bảo tồn và phục hồi cảnh quan thiên nhiên nhằm tăng diện tích, chất lượng và độ che phủ rừng cho khu vực, tạo cảnh quan thiên nhiên, cải tạo môi trường sinh sống cho các loài động vật hoang dã và tăng cường năng lực an ninh môi trường cho Khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô.

1.2. Nội dung và biện pháp thực hiện

Hoạt động 1: Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên rừng và công bố kết quả nghiên cứu

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số hoá tích hợp để lưu trữ và quản lý thông tin tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu và ra quyết định bảo tồn.

- Xây dựng hệ thống bản đồ số sử dụng GIS và dữ liệu GPS để theo dõi phân bố các loài động, thực vật theo không gian và thời gian.

- Tăng cường chuyên đổi số: Áp dụng nền tảng số trong giám sát, báo cáo và quản lý thông tin tài nguyên rừng và đa dạng sinh học, quản lý cơ sở dữ liệu bằng hệ thống quản lý rừng thông minh nhằm nâng cao hiệu quả, tính minh bạch và khả năng truy xuất dữ liệu.

- Công bố kết quả nghiên cứu: Xuất bản các báo cáo kỹ thuật, bài viết khoa học và tài liệu tuyên truyền từ kết quả nghiên cứu nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng và chia sẻ với các tổ chức bảo tồn.

- Lồng ghép kết quả vào quản lý: Áp dụng các kết luận nghiên cứu để xây dựng các chiến lược, kế hoạch quản lý và bảo tồn thích ứng theo thời gian, không gian và điều kiện địa phương.

Hoạt động 2: Xác định ranh giới và thiết lập cơ chế quản lý hợp tác

Bảo vệ diện tích 8.367 ha rừng tự nhiên hiện có là nhiệm vụ trọng tâm của Khu bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân nhằm duy trì hệ sinh thái rừng nguyên vẹn, hạn chế suy thoái và ngăn chặn các hành vi xâm hại tài nguyên thiên nhiên như khai thác gỗ trái phép, săn bắt động vật hoang dã và lấn chiếm đất rừng.

2.1. Hội nghị ranh giới

- Công bố việc thành lập, hoạch định ranh giới và các chương trình hoạt động của Khu Bảo vệ Cảnh quan trong giai đoạn tới. Bàn giao quyền sử dụng đất giữa chính quyền địa phương và Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan;

- Tổ chức hội nghị công bố ranh giới, mời các cơ quan, ban ngành liên quan đến tham gia. Giới thiệu chỉ dẫn bảng hiệu, cột mốc, bảng tuyên truyền, bảng cảnh giới phòng cháy, chữa cháy rừng, bảng nội quy, bảng hướng dẫn du lịch, vùng đệm để mọi tầng lớp cán bộ và nhân dân nắm được sự hiện diện của Khu Bảo vệ Cảnh quan;

- Tổ chức xác định, cắm mốc ranh giới Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.

2.2. Cắm mốc ranh giới, bảng ranh giới

Để xác định rõ ranh giới pháp lý, quản lý hiệu quả diện tích rừng được giao và ngăn chặn tình trạng xâm lấn, lấn chiếm đất rừng, Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân, sẽ tổ chức thực hiện việc cắm mốc ranh giới và lắp đặt hệ thống bảng chỉ dẫn ngoài thực địa theo đúng quy định hiện hành. Các nội dung triển khai bao gồm:

- Lập sơ đồ vị trí các mốc ranh giới và bảng chỉ dẫn trên nền bản đồ địa hình và bản đồ hiện trạng rừng;

- Soạn thảo bản mô tả đường phân định ranh giới rừng, ghi rõ các đặc điểm tự nhiên, địa hình, mốc giới quan trọng làm căn cứ xác định thực địa;

- Đo đạc và xác lập tọa độ chính xác cho từng vị trí mốc và bảng chỉ dẫn bằng thiết bị định vị GPS;

- Lập bảng tổng hợp tọa độ và hồ sơ kỹ thuật cho toàn bộ hệ thống mốc giới và bảng chỉ dẫn, phục vụ công tác quản lý, kiểm tra và giám sát trong dài hạn.

- Việc cắm mốc và lắp đặt bảng chỉ dẫn được thực hiện theo tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BNNPTNT ngày 11/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật phân định ranh giới rừng và Thông tư số 16/2025/TT-BNNPTNT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

Hoạt động này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý rừng, giảm thiểu các tranh chấp ranh giới và vi phạm pháp luật về đất lâm nghiệp, đồng thời hỗ trợ công tác tuyên truyền và định hướng cho người dân và du khách trong khu vực.

2.3. Thiết lập cơ chế hợp tác

Bảo vệ tốt diện tích rừng là nhiệm vụ trọng tâm của Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân nhằm bảo vệ nguyên vẹn diện tích rừng được giao và ngăn chặn các hành vi vi phạm làm mất rừng, suy thoái rừng và suy giảm đa dạng sinh học. Căn cứ vào điều kiện hiện nay, công tác bảo vệ rừng được triển khai theo hai hình thức, gồm:

- Bảo vệ rừng thông qua hoạt động giao khoán bảo vệ rừng đối với cộng đồng, nhóm hộ. Hình thức này huy động được lực lượng bảo vệ rừng từ cộng đồng nhận khoán kết hợp với lực lượng bảo vệ rừng của Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân thực hiện các hoạt động tuần tra, ngăn chặn các hành vi xâm phạm đến tài nguyên rừng.

- Bảo vệ rừng do đơn vị tự tổ chức thực hiện thông qua việc tuyển dụng hợp đồng bảo vệ rừng. Hình thức này được áp dụng để bảo vệ diện tích rừng ngoài khu vực giao khoán cho cộng đồng. Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân sẽ tuyển dụng một lực lượng thanh niên địa phương có sức khỏe, có trình độ văn hóa và có kiến thức về nghề rừng bổ sung cho lực lượng cán bộ bảo vệ rừng của đơn vị tại các Trạm bảo vệ rừng nhằm bổ sung lực lượng tuần tra bảo vệ rừng, kịp thời phát hiện và ngăn chặn các hành vi vi phạm lâm luật.

- Tiến hành đánh giá chất lượng rừng làm căn cứ giao khoán bảo vệ rừng cho các cộng đồng dân cư và hộ gia đình sinh sống ven rừng, có khả năng và nguyện vọng tham gia bảo vệ rừng. Ưu tiên giao khoán lại diện tích rừng tự nhiên của 3 cộng đồng dân cư thôn Thủy Yên Thượng, Thủy Cam, Thủy Dương bàn giao cho Ban quản lý Khu Bảo vệ Cảnh quan.

Thực hiện chi trả trực tiếp cho cộng đồng, tiền dịch vụ môi trường rừng từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng; đồng thời, xem xét để mở rộng diện tích giao khoán, theo năng lực của các cộng đồng này.

- Thành lập hội đồng quản lý gồm các thành viên trong Ban Giám đốc của Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải vân và mời thêm các thành viên đại diện cho các Ban Quản lý rừng cộng đồng Thủy Yên Thượng, Thủy Dương và Thủy Cam (trước đây) cùng tham gia hội đồng quản lý Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân là phương án tối ưu cần thực hiện để hợp tác quản lý hiệu quả khu rừng này.

Hoạt động 3: Phục hồi hệ sinh thái rừng

Hoạt động 3.1. Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên

- Điều tra, rà soát hiện trạng các diện tích chưa đạt tiêu chí thành rừng: Rừng do khai thác kiệt; đất có trảng cỏ, cây bụi xen cây gỗ; thực hiện các đợt điều tra, đánh giá hiện trạng lâm phần để xác định khu vực có tiềm năng tái sinh tự nhiên, làm cơ sở cho công tác khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung.

- Thực hiện các biện pháp kỹ thuật: Bảo vệ, chống chặt phá cây tái sinh mục đích hiện có; phát dọn dây leo, cây bụi và chặt bỏ cây cong queo, sâu bệnh, cây phi mục đích; sửa chồi gốc và tỉa bớt chồi xấu, để lại gốc không quá 02 chồi và thực hiện vệ sinh rừng; Kết hợp trồng bổ sung cây bản địa thân gỗ, cây đa tác dụng, cây lâm sản ngoài gỗ nhằm nâng cao hiệu quả phục hồi.

- Lòng ghép với hỗ trợ sinh kế cộng đồng: khuyến khích sự tham gia của người dân vùng đệm trong công tác khoanh nuôi thông qua cơ chế giao khoán, đồng thời kết hợp các mô hình sinh kế bền vững để tạo động lực bảo vệ và phát triển rừng.

Hoạt động 3.2. Nuôi dưỡng rừng tự nhiên

Đối với diện tích rừng tự nhiên phục hồi và nghèo kiệt thuộc quy hoạch phòng hộ, sản xuất thực hiện các biện pháp lâm sinh để điều chỉnh mật độ, tổ thành loài bằng các biện pháp loại bỏ các loài cây phi mục đích, phẩm chất xấu, cây dây leo cạnh tranh dinh dưỡng với cây mục đích; giữ lại các cây mục đích có phẩm chất tốt nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị của rừng.

Hoạt động 3.3. Làm giàu rừng tự nhiên

Đối với diện tích rừng tự nhiên phục hồi và nghèo kiệt thuộc quy hoạch đặc dụng, phòng hộ, sản xuất thực hiện các biện pháp lâm sinh kết hợp giữa nuôi dưỡng rừng với trồng bổ sung những cây mục đích với số lượng nhất định, đồng thời giữ lại cây mục đích sẵn có trong rừng: Phát dọn dây leo, cây bụi, cỏ dại xâm lấn; tỉa thưa những cây cong queo, sâu bệnh, bị chèn ép, cụt ngọn không đáp ứng

được mục đích kinh doanh và một số cây sinh trưởng bình thường nhưng mật độ quá dày; giữ lại cây khỏe mạnh, có tán lá cân đối, thân thẳng, tròn đều; trồng thêm cây bản địa để điều chỉnh mật độ và không gian rừng hợp lý.

Hoạt động 3.4: Trồng rừng phục hồi sinh cảnh

Bên cạnh việc khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, việc trồng rừng phục hồi sinh cảnh đóng vai trò thiết yếu nhằm khôi phục nhanh các khu vực bị suy thoái nghiêm trọng, làm phong phú thêm cho hệ sinh thái rừng mưa nhiệt đới và tạo cảnh quan đặc sắc cho Khu Bảo vệ cảnh quan nhất là tại các điểm có giá trị lịch sử, cảnh quan và du lịch; đồng thời hỗ trợ bảo vệ môi trường sống cho các loài động vật hoang dã trong Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân. Hoạt động này được thực hiện thông qua các nội dung sau:

- Xác định khu vực ưu tiên trồng rừng: tiến hành điều tra, lập bản đồ hiện trạng rừng bị phá, bị cháy, rừng nghèo kiệt và các khu vực bị xâm lấn để xác định vị trí trồng rừng ưu tiên, đảm bảo tính liên kết sinh thái và hỗ trợ hành lang di cư của các loài động vật hoang dã.

- Trồng các loài cây phù hợp sinh thái: triển khai trồng bổ sung các loài cây bản địa, cây gỗ lớn, cây có giá trị sinh thái cao và cây cung cấp thức ăn cho động vật hoang dã như trâm, chò, dẻ, sung, và...

- Ưu tiên sử dụng cây giống địa phương: lựa chọn cây giống có nguồn gốc địa phương, phù hợp với điều kiện sinh thái đặc thù của Bắc Hải Vân nhằm đảm bảo sự thích nghi, đa dạng di truyền và hiệu quả lâu dài.

- Kết hợp cộng đồng và giám sát kỹ thuật: Huy động sự tham gia của người dân vùng đệm trong quá trình trồng và chăm sóc rừng, đồng thời triển khai hệ thống giám sát hiện trường để theo dõi tỷ lệ sống, sinh trưởng và thích nghi của cây trồng theo từng giai đoạn.

Hoạt động trồng rừng phục hồi sinh cảnh tại Bắc Hải Vân không chỉ tạo tiền đề cho quá trình khôi phục rừng bền vững mà còn góp phần cải thiện điều kiện sinh sống của động vật hoang dã, tăng khả năng hấp thụ carbon và nâng cao giá trị sinh thái cho toàn khu vực.

Hoạt động 3.5. Trồng rừng gỗ lớn và lâm sản ngoài gỗ, dược liệu

Phát triển diện tích rừng phòng hộ, sản xuất liên kết khu rừng đặc dụng theo hướng đa dụng, liên kết sinh thái, hành lang đa dạng sinh học.

Lựa chọn loài cây, giống cây trồng phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu tại vực; Đăng ký mã số các vùng trồng cho các diện tích đủ điều kiện để đảm bảo truy xuất nguồn gốc. Khai thác tiềm năng của rừng, nhưng vẫn đảm bảo bền vững hệ sinh thái rừng như thuê môi trường rừng để phát triển cây dược liệu. Các biện pháp kỹ thuật lâm sinh thực hiện theo tiêu chuẩn Quốc gia quy định do Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành.

Hoạt động 3.6: Theo dõi và đánh giá hiệu quả các hoạt động lâm sinh

Công tác theo dõi và đánh giá là yếu tố then chốt nhằm đảm bảo các hoạt động lâm sinh tại Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân được triển khai đúng hướng, hiệu quả và phù hợp với điều kiện sinh thái thực tế. Các nội dung cụ thể bao gồm:

- Thiết lập ô tiêu chuẩn và điểm theo dõi cố định: lựa chọn các khu vực điển hình trong các mô hình trồng rừng, khoanh nuôi, phục hồi sinh cảnh để thiết lập ô tiêu chuẩn phục vụ theo dõi quá trình sinh trưởng, tái sinh tự nhiên, sự phát triển của thảm thực vật và hiệu quả phục hồi rừng.

- Giám sát định kỳ và thu thập số liệu khoa học: thực hiện các đợt theo dõi định kỳ hàng năm hoặc theo mùa vụ để thu thập dữ liệu về chiều cao cây, đường kính gốc, độ che phủ tán, mật độ tái sinh, mức độ xâm lấn của loài ngoại lai... Dữ liệu được lưu trữ có hệ thống và phân tích nhằm đánh giá hiệu quả các biện pháp lâm sinh đã áp dụng.

- Báo cáo và điều chỉnh biện pháp kỹ thuật: tổng hợp kết quả theo dõi và lập báo cáo đánh giá chi tiết, từ đó đưa ra các khuyến nghị hoặc điều chỉnh biện pháp kỹ thuật (như thay đổi loài cây trồng, cách bố trí rừng trồng, kỹ thuật chăm sóc...) để nâng cao hiệu quả phục hồi và phát triển rừng tự nhiên.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu lâm sinh: tạo lập hệ thống lưu trữ số liệu phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu và chia sẻ thông tin giữa các đơn vị liên quan. Cơ sở dữ liệu cũng là công cụ hỗ trợ ra quyết định trong lập kế hoạch lâm sinh dài hạn tại khu vực.

Hoạt động này giúp đảm bảo tính khoa học, minh bạch và hiệu quả trong toàn bộ quá trình quản lý, sử dụng và phát triển rừng tại Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân, đồng thời góp phần điều chỉnh chính sách và thực tiễn phù hợp với biến động của môi trường và nhu cầu phát triển bền vững.

Hoạt động 4: Phòng cháy, chữa cháy rừng

Nhằm đảm bảo an toàn cho hệ sinh thái rừng và giảm thiểu thiệt hại từ các vụ cháy rừng, Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân, sẽ triển khai đồng bộ các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) trên toàn bộ diện tích quản lý.

- Kiện toàn lực lượng PCCCR: thành lập và duy trì lực lượng PCCCR tại chỗ với sự tham gia của cán bộ Ban Quản lý, các nhóm hộ được giao khoán rừng và lực lượng địa phương như dân quân, công an xã. Lực lượng này sẽ được huấn luyện, trang bị phương tiện phù hợp và sẵn sàng ứng phó trong mùa khô.

- Tổ chức diễn tập và nâng cao năng lực: hàng năm, tổ chức các buổi tập huấn, diễn tập thực tế theo các kịch bản giả định, kết hợp kiểm tra thiết bị, vật tư PCCCR để nâng cao kỹ năng và khả năng phối hợp ứng phó nhanh khi xảy ra sự cố cháy.

- Duy trì hoạt động trực PCCCR trong mùa khô: phân công lực lượng trực gác tại các trạm quản lý bảo vệ rừng chuyên trách và các khu vực có nguy cơ cao, nhằm giám sát và phát hiện sớm dấu hiệu cháy rừng, kịp thời triển khai các biện pháp xử lý tại chỗ.

- Đầu tư hạ tầng và thiết bị PCCCR: xây dựng chòi canh lửa tại các vị trí chiến lược, thiết lập đường ranh cản lửa, lắp đặt biển cảnh báo cháy rừng. Trang bị các thiết bị hiện đại như máy bơm nước áp suất cao, bình chữa cháy cơ động, hệ thống camera quan sát 360° và thiết bị bay không người lái để giám sát khu vực rộng.

- Tăng cường các biện pháp phòng cháy, chữa cháy rừng bằng cách thiết lập ranh cản lửa, lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm, đồng thời tập huấn cho người dân về kỹ năng phòng ngừa và ứng phó với cháy rừng.

Việc triển khai đồng bộ các biện pháp PCCCR sẽ góp phần bảo vệ hiệu quả tài nguyên rừng, duy trì sự ổn định của hệ sinh thái và tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu tại Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân.

Hoạt động 5: Duy trì chế độ tuần tra đột xuất và định kỳ

Công tác tuần tra, kiểm soát rừng đóng vai trò then chốt trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi xâm hại rừng và tài nguyên thiên nhiên tại Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân. Ban Quản lý sẽ phối hợp chặt chẽ giữa lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, lực lượng Kiểm lâm và cộng đồng địa phương để tổ chức các hoạt động tuần tra một cách linh hoạt và hiệu quả.

- Tổ chức các tổ tuần tra, truy quét định kỳ và đột xuất: các tổ tuần tra gồm từ 4 đến 6 thành viên sẽ được thành lập tại các trạm, chốt bảo vệ rừng, với sự tham gia của lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách và người dân nhận khoán bảo vệ rừng. Nhiệm vụ của các tổ là giám sát hiện trường, ghi nhận các dấu hiệu vi phạm và tiến hành xử lý theo quy định.

- Phân vùng trọng điểm và lịch tuần tra: các khu vực có nguy cơ cao như vùng giáp ranh, khu vực dân cư ven rừng, tuyến đường vận chuyển lâm sản, khu vực phân bố các loài nguy cấp, quý, hiếm, đặc hữu sẽ được phân loại là "điểm nóng" để tập trung tuần tra nhiều hơn. Lịch tuần tra sẽ được xây dựng phù hợp với mùa vụ và tình hình thực tế tại địa phương.

- Tổ chức các đợt truy quét liên ngành hàng năm: Ban Quản lý sẽ phối hợp với lực lượng Kiểm lâm, Công an, quân đội, chính quyền địa phương và dân quân tự vệ để tổ chức các đợt truy quét tập trung vào các thời điểm nhạy cảm, nhằm xử lý các hành vi như khai thác gỗ trái phép, đốt rừng làm rẫy, đặt bẫy săn bắt động vật hoang dã.

- Ứng dụng công nghệ trong giám sát: kết hợp sử dụng thiết bị bay không người lái, GPS, phần mềm SMART và các công cụ giám sát số để tăng cường hiệu quả theo dõi và ghi nhận thông tin thực địa một cách kịp thời, minh bạch.

Thông qua việc triển khai hoạt động tuần tra, truy quét một cách đồng bộ, Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân, sẽ nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng, đồng thời thúc đẩy sự phối hợp giữa các bên liên quan và tăng cường vai trò giám sát của cộng đồng địa phương trong công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên.

Hoạt động 6: Tổ chức ký kết và thực hiện các quy chế phối hợp

Nhằm tăng cường sự phối hợp và hiệu quả trong quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng và bảo tồn đa dạng sinh học, Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân, sẽ tập trung triển khai các nội dung trọng tâm sau:

- Xây dựng và ban hành quy chế phối hợp giữa các lực lượng chức năng và chính quyền địa phương: Bao gồm Kiểm lâm, Công an, quân đội, dân quân tự vệ và chính quyền các xã vùng đệm. Quy chế sẽ quy định rõ vai trò, trách nhiệm, cơ chế phối hợp và xử lý vi phạm giữa các bên liên quan, đảm bảo hiệu quả và minh bạch trong thực hiện.

- Tăng cường phối hợp trong tuần tra, bảo vệ rừng: huy động lực lượng liên ngành tham gia các hoạt động tuần tra định kỳ và đột xuất tại các điểm nóng, đặc biệt ở vùng giáp ranh và khu vực thường xảy ra vi phạm.

- Phối hợp xây dựng và tổ chức diễn tập phương án phòng cháy chữa cháy rừng: Tổ chức các đợt diễn tập liên ngành hàng năm, nâng cao năng lực phối hợp ứng phó kịp thời với các tình huống cháy rừng thực tế.

- Thiết lập và vận hành kênh thông tin nhanh giữa các bên: ứng dụng công nghệ thông tin để tạo nền tảng trao đổi dữ liệu, cảnh báo sớm và chia sẻ tình hình vi phạm. Hệ thống này sẽ giúp phản ứng nhanh chóng và thống nhất khi xảy ra sự cố hoặc các hành vi xâm hại tài nguyên rừng.

Thực hiện tốt các nội dung trên, hoạt động này sẽ tăng cường sự liên kết giữa các bên, nâng cao hiệu quả quản lý tổng thể, góp phần bảo vệ bền vững tài nguyên rừng và đa dạng sinh học của Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân.

Hoạt động 7: Sơ kết, tổng kết công tác quản lý, bảo vệ rừng

Hàng năm, Ban Quản lý Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân, sẽ tổ chức các hội nghị sơ kết và tổng kết công tác quản lý, bảo vệ rừng với các mục tiêu chính sau:

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch theo quý/năm: tổng kết các hoạt động đã triển khai trong quý/năm liên quan đến quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm và định hướng cho quý/năm tiếp theo.

- Đánh giá công tác phối hợp liên ngành: phân tích hiệu quả phối hợp giữa Ban Quản lý và các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương trong việc thực hiện tuần tra, xử lý vi phạm và phòng cháy chữa cháy rừng.

- Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý: thảo luận các khó khăn, vướng mắc trong công tác bảo vệ rừng và đề xuất các sáng kiến, giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên rừng trong tương lai.

- Tăng cường kết nối và chia sẻ kinh nghiệm: hội nghị là dịp để các bên liên quan trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn, từ đó nâng cao năng lực phối hợp và thống nhất trong hành động.

Việc tổ chức hội nghị thường niên không chỉ giúp kiểm điểm, điều chỉnh kịp thời các hoạt động quản lý rừng mà còn góp phần xây dựng sự đồng thuận, gắn

kết trong toàn bộ hệ thống quản lý và bảo tồn tài nguyên thiên nhiên tại Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân.

2. Chương trình bảo vệ và giám sát đa dạng sinh học

2.1. Mục tiêu Chương trình

- Phát triển bền vững khu bảo vệ cảnh quan, kết hợp giữa bảo tồn và phát triển sinh kế cộng đồng từ đó đảm bảo diện tích rừng được duy trì, hạn chế mất rừng và suy thoái rừng; Phục hồi và phát triển các loài động thực vật quý hiếm, đặc hữu, cũng như hệ sinh thái đặc trưng.

2.2. Nội dung và biện pháp thực hiện

Hoạt động 1: Nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và quản lý bảo tồn

- Đào tạo cán bộ quản lý và kỹ thuật: Tổ chức các khóa tập huấn cho cán bộ lãnh đạo, quản lý về chiến lược bảo tồn, ứng dụng công nghệ trong giám sát tài nguyên rừng, và các mô hình phát triển bền vững như du lịch sinh thái, chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Tăng cường năng lực chuyên môn cho cán bộ kỹ thuật: Đào tạo sử dụng các công cụ hiện đại như phần mềm SMART, GPS, thiết bị bay không người lái, bẫy ảnh... phục vụ công tác điều tra, giám sát đa dạng sinh học và môi trường.

- Đào tạo kỹ năng thực địa và cứu hộ: Huấn luyện kỹ năng làm việc trong rừng, cứu hộ động vật hoang dã, bảo vệ loài nguy cấp, và xử lý tình huống khẩn cấp.

- Khuyến khích nghiên cứu sau đại học: Tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật tham gia các chương trình đào tạo chuyên sâu trong và ngoài nước về sinh thái rừng, động vật học, thực vật học, công nghệ bảo tồn.

Hoạt động 2: Điều tra, nghiên cứu và bảo tồn các loài động thực vật đặc hữu, nguy cấp, quý hiếm

- Tổ chức nghiên cứu chuyên sâu về đặc điểm sinh thái, tập tính và sinh cảnh của các loài động vật quý hiếm có giá trị bảo tồn cao tại Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân như Voọc chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), Culi nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*), Sơn dương (*Capricornis sumatraensis*), Gà lôi lam mào trắng (*Lophura edwardsi*)..., đồng thời tiến hành điều tra, lập danh mục và đánh giá hiện trạng các loài động, thực vật đặc hữu, nguy cấp, quý hiếm. Trên cơ sở đó, xây dựng kế hoạch bảo tồn lâu dài, bao gồm các chương trình cứu hộ, phục hồi động vật hoang dã, chú trọng đến những loài bị săn bắt hoặc nuôi nhốt trái phép; đồng thời tăng cường hợp tác với các tổ chức nghiên cứu, bảo tồn trong và ngoài nước để triển khai các chương trình chuyên đề, góp phần bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.

- Tiến hành điều tra, lập danh lục và đánh giá hiện trạng các loài thực vật rừng quý hiếm, bao gồm các loài gỗ quý và dược liệu có giá trị như Lim xanh (*Erythrophloeum fordii* Oliv), Sưa (*Dalbergia tonkinensis* Prain), Re xanh phần (*Cinnamomum glaucescens*), Gụ lau (*Sindora tonkinensis*), Hoàng đằng

(*Fibraurea tinctoria*), Rau sắng (*Melientha suavis*)... Trên cơ sở đó, xây dựng và phát triển ngân hàng gen thực vật rừng tại Vườn thực vật trong Khu Bảo vệ cảnh quan nhằm lưu giữ, bảo tồn và khai thác bền vững nguồn tài nguyên di truyền.

Hoạt động 3: Phục hồi sinh cảnh và hệ sinh thái rừng cho các loài nguy cấp, quý, hiếm

Triển khai các biện pháp phục hồi sinh cảnh và hệ sinh thái rừng gắn với thích ứng biến đổi khí hậu. Trọng tâm là nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến các loài và hệ sinh thái rừng, từ đó xây dựng các mô hình rừng hỗn giao, rừng đa tầng nhằm tăng khả năng giữ nước, hấp thụ carbon và nâng cao tính bền vững của hệ sinh thái. Đồng thời thực hiện trồng rừng, phục hồi tại những khu vực bị suy thoái, ưu tiên sử dụng cây bản địa kết hợp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên để tăng tỷ lệ che phủ rừng và cải thiện sinh cảnh sống cho các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm. Đặc biệt chú trọng phục hồi các khu vực có phân bố của các loài Voọc chà vá chân nâu (*Pygathrix nemaeus*), Culi nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*), Sơn dương (*Capricornis sumatraensis*), Gà lôi lam mào trắng (*Lophura edwardsi*). Tích hợp nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào các kế hoạch bảo tồn, phục hồi rừng và sinh kế cộng đồng để tăng khả năng thích ứng dài hạn của cả hệ sinh thái và cư dân địa phương.

Hoạt động 4: Giám sát đa dạng sinh học và các mối đe dọa

- Ứng dụng công nghệ cao trong nghiên cứu và giám sát loài: phát triển mô hình dữ liệu SMART để đánh giá nguy cơ, phương thức bảo vệ tại Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân; sử dụng thiết bị bay không người lái (Drone) để khảo sát và giám sát diện rộng các quần thể động, thực vật rừng trong Khu Bảo vệ cảnh quan; nghiên cứu sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích dữ liệu từ ảnh chụp và xác định các loài quý hiếm hoặc đặc hữu; xây dựng nền tảng cơ sở dữ liệu tích hợp để quản lý thông tin về đa dạng sinh học, hỗ trợ các quyết định quản lý và bảo tồn hiệu quả.

- Tiến hành điều tra, nghiên cứu các nguy cơ gây hại rừng tại Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân, trong đó chú trọng đến các loài ngoại lai xâm hại và sâu bệnh hại cây rừng. Hiện chưa phát hiện mối nguy hại trực tiếp, song do diện tích rừng trồng ở khu vực giáp ranh ngày càng mở rộng và tác động rõ rệt của biến đổi khí hậu, nguy cơ xuất hiện sinh vật ngoại lai và dịch hại là rất lớn. Vì vậy, cần chủ động xác định, lập danh mục và đánh giá mức độ ảnh hưởng của các loài này đối với hệ sinh thái bản địa và đa dạng sinh học; đồng thời nghiên cứu, áp dụng biện pháp kiểm soát và loại bỏ phù hợp, ưu tiên các giải pháp sinh học hoặc thủ công nhằm hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến môi trường và các loài bản địa; xây dựng và triển khai chương trình giám sát định kỳ để kịp thời phát hiện sớm sự xuất hiện, lây lan của loài ngoại lai mới và có biện pháp ứng phó hiệu quả.

3. Chương trình khai thác và sử dụng bền vững các dịch vụ hệ sinh thái

3.1. Mục tiêu chương trình

- Khu rừng được quản lý và khai thác một cách có trách nhiệm, vừa đáp ứng được nhu cầu hiện tại, vừa bảo tồn được các dịch vụ hệ sinh thái cho các thế hệ

tương lai. Điều này bao gồm việc duy trì đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn nước, điều hòa khí hậu, và cung cấp các lợi ích kinh tế và xã hội cho cộng đồng địa phương.

- Khai thác tiềm năng cảnh quan thiên nhiên, lịch sử văn hoá, môi trường, đa dạng sinh học để phát triển du lịch sinh thái của tỉnh, đồng thời tạo ra nguồn thu cho người dân cũng như cho Ban quản lý khu Bảo vệ Cảnh quan, dần đi đến ban quản lý đảm bảo nguồn tài chính bền vững cho tương lai.

- Thông qua các hoạt động du lịch sinh thái sẽ góp phần giáo dục về bảo vệ rừng, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và các di tích lịch sử văn hoá trong và xung quanh Khu Bảo vệ cảnh quan.

3.2. Nội dung và biện pháp thực hiện

- Khai thác dịch vụ môi trường rừng: Tiếp tục triển khai hiệu quả thí điểm chi trả Carbon theo Nghị định số 107/2022/NĐ-CP. Đánh giá và khai thác tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường rừng khác như dịch vụ hấp thụ carbon (tín chỉ carbon), dịch vụ cảnh quan và bảo tồn đa dạng sinh học cho du lịch.

- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí: Hoàn thiện đề án du lịch sinh thái, cho thuê môi trường rừng, quy hoạch và thiết kế tuyến du lịch sinh thái chủ yếu ở khu vực Đèo Hải Vân địa phận xã Chân Mây - Lăng Cô dựa trên phân bố sinh cảnh, cảnh quan và giá trị văn hóa; Tại đề án nêu rõ kế hoạch quản lý và xử lý chất thải rắn và nước thải phát sinh từ hoạt động du lịch theo quy định (bao gồm: việc bố trí các điểm thu gom, phân loại rác tại nguồn, quy định chặt chẽ về xử lý nước thải cho các cơ sở lưu trú, dịch vụ...); đồng thời thực hiện đánh giá hiện trạng các công trình quốc phòng và khu quân sự trong khu vực (nếu có). Xây dựng hạ tầng phục vụ du lịch sinh thái (trung tâm đón tiếp, giáo dục môi trường, chòi nghỉ, tháp quan sát, biển chỉ dẫn, khu vệ sinh sinh thái) và cơ sở lưu trú thân thiện môi trường. Tổ chức các tour du lịch có hướng dẫn viên bản địa, kết hợp tìm hiểu đa dạng sinh học, sinh kế truyền thống và bảo tồn rừng. Đào tạo và phát triển đội ngũ du lịch địa phương về nghiệp vụ du lịch sinh thái, kỹ năng hướng dẫn và giao tiếp. Thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích từ hoạt động du lịch cho cộng đồng và quỹ bảo tồn thiên nhiên.

- Sử dụng bền vững lâm sản ngoài gỗ: Việc khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên lâm sản ngoài gỗ không chỉ góp phần bảo vệ hệ sinh thái rừng mà còn tạo cơ hội phát triển sinh kế cho người dân vùng đệm. Khảo sát và lập danh mục các loài lâm sản ngoài gỗ có tiềm năng: Tiến hành điều tra thực địa để xác định các loài thực vật rừng như mây, tre, song, nứa, các loài dược liệu và nấm đang phân bố trong khu vực. Đồng thời đánh giá mức độ khai thác hiện tại và khả năng tái sinh tự nhiên nhằm xây dựng cơ sở khoa học cho quản lý. Lập kế hoạch bảo tồn và sử dụng bền vững: Trên cơ sở kết quả khảo sát, xây dựng phương án bảo tồn các loài lâm sản ngoài gỗ quý hiếm và lập kế hoạch khai thác hợp lý, đảm bảo không gây suy thoái tài nguyên và tuân thủ các quy định về khai thác lâm sản ngoài gỗ theo quy định của pháp luật. Ưu tiên các loài có chu kỳ tái sinh nhanh, có giá trị kinh tế cao và thân thiện với môi trường.

4. Chương trình hỗ trợ sinh kế bền vững và phát triển vùng đệm

4.1. Mục tiêu của Chương trình

- Cải thiện và nâng cao đời sống, kinh tế của người dân sống trong vùng đệm, đồng thời nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người dân về lợi ích của rừng đặc dụng, từ đó thu hút các tầng lớp người dân tham gia tích cực vào công tác bảo vệ rừng và phát triển tài nguyên thiên nhiên.

4.2. Nội dung và biện pháp thực hiện

- Hỗ trợ triển khai thực hiện chính sách đầu tư hỗ trợ phát triển kinh tế, xã hội vùng đệm cho các thôn liên kề với ranh giới ngoài của Khu Bảo vệ cảnh quan với mức hỗ trợ 50 triệu/cộng đồng dân cư/năm theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

- Xây dựng chương trình hỗ trợ, kêu gọi các tổ chức quốc tế hỗ trợ dân vùng đệm, Ban quản lý Rừng bảo vệ cảnh quan phối hợp với cán bộ địa phương thực hiện hỗ trợ người dân tại cộng đồng vay vốn phát triển du lịch; khuyến khích người dân địa phương tham gia các mô hình du lịch cộng đồng, homestay sinh thái, trải nghiệm nông nghiệp, nghề thủ công, ẩm thực; đào tạo về kỹ năng phục vụ du lịch, hướng dẫn du khách, bảo tồn văn hóa bản địa, bảo vệ môi trường,...

- Triển khai xây dựng kế hoạch giao khoán bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư vùng đệm.

- Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan phối hợp với địa phương vùng đệm xây dựng các dự án hỗ trợ người dân vùng đệm theo hướng dẫn tại điểm 2 điều 16 của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật lâm nghiệp.

- Chương trình sẽ hỗ trợ các mô hình kinh tế bền vững như trồng cây dược liệu, chăn nuôi, du lịch sinh thái và các mô hình nông nghiệp thông minh, thân thiện với môi trường. Đồng thời, chương trình cũng chú trọng vào việc giảm sự phụ thuộc của cộng đồng vào việc khai thác rừng tự nhiên, từ đó giúp bảo vệ và phát triển tài nguyên thiên nhiên một cách bền vững.

5. Chương trình truyền thông môi trường

5.1. Mục tiêu chương trình

Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và tạo sự tham gia tích cực của cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững, Khu bảo vệ cảnh quan được thành lập là môi trường học tập và kết nối mọi người trong công tác bảo tồn thiên nhiên.

5.2. Nội dung và biện pháp thực hiện

- Biên soạn và phát hành tài liệu truyền thông: Xây dựng các bộ tài liệu tuyên truyền về bảo vệ rừng, đa dạng sinh học, ứng phó biến đổi khí hậu phù hợp với người dân địa phương. Thiết kế tờ rơi, sổ tay, video và tài liệu giáo dục môi trường sử dụng tại các trường học và cộng đồng.

- Tổ chức hội thảo, tập huấn và truyền thông cộng đồng: Tổ chức các buổi hội thảo, họp thôn, chương trình truyền thông lưu động tại các xã giáp ranh Khu BVCC Bắc Hải Vân. Hướng đến đối tượng thanh thiếu niên, phụ nữ, người dân tộc thiểu số để nâng cao nhận thức, giảm thiểu hành vi xâm hại tài nguyên.

- Phát triển chương trình giáo dục môi trường: Kết hợp với các trường học tổ chức tham quan, trải nghiệm tại Khu Bảo vệ cảnh quan, lồng ghép bảo tồn vào chương trình giảng dạy. Xây dựng mô hình “trường học xanh”, câu lạc bộ bảo vệ rừng dành cho học sinh các cấp.

- Thành lập mạng lưới tuyên truyền viên tại cộng đồng, đồng thời sử dụng mạng xã hội để lan toả thông tin tích cực về bảo tồn.

6. Chương trình cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng

6.1. Mục tiêu chương trình

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác quản lý, bảo vệ phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, giáo dục môi trường, phát triển du lịch sinh thái, đáp ứng yêu cầu làm việc, sinh hoạt và nghiên cứu khoa học của cán bộ, công chức, viên chức Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.

6.2. Nội dung và biện pháp thực hiện

- Xây dựng và hoàn thiện trụ sở làm việc và nhà tạm trú

+ Nâng cấp trụ sở làm việc của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân nhằm đáp ứng nhu cầu chỉ đạo chung, là đầu mối quan hệ và làm việc với các ngành liên quan, mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm trong hệ thống “Hành lang xanh (Green Corridor)”;

+ Tổng diện tích xây dựng nâng cấp bao gồm nhà phòng làm việc, nhà công vụ, phòng họp, kho quỹ, phòng tư liệu;

+ Xây dựng nhà tạm trú cho cán bộ nhân viên trên địa bàn tỉnh với định mức tối thiểu 12m²/người, phòng khách, sân, nơi để xe, nơi vui chơi thể thao... tạo điều kiện làm việc sinh hoạt cho cán bộ, công nhân viên, giúp họ yên tâm, gắn bó với nghề;

+ Xây dựng công biểu tượng tại trụ sở của Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân;

+ Địa điểm: Nơi hiện nay là văn phòng của Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân.

- Nâng cấp các Trạm bảo vệ rừng

+ Rà soát và nâng cấp 6 Trạm bảo vệ rừng hiện nay để đáp ứng với nhiệm vụ mới, ngoài công tác bảo vệ rừng còn có nhiệm vụ kiểm soát động, thực vật, khuyến nông, khuyến lâm cung cấp giống và chuyển giao kỹ thuật cho người dân trong vùng, tuyên truyền nhận thức, ý thức trong cộng đồng về trách nhiệm bảo vệ rừng, bảo vệ đa dạng sinh học. Các Trạm còn có trách nhiệm tham gia giám sát các hoạt động du lịch sinh thái và sinh hoạt cộng đồng.

- Xây dựng tuyến đường tuần tra, bổ sung chòi quan sát lửa rừng

+ Xây dựng, hoàn thiện, bổ sung mạng lưới các đường mòn tuần tra rừng, từ trạm canh rừng tới các khu rừng có nguy cơ bị tác động lớn, trong tương lai các tuyến đường mòn có thể là tuyến du lịch sinh thái trong Khu Bảo vệ cảnh quan;

+ Tuyến đường tuần tra bảo vệ được xây dựng trên cơ sở đường mòn cũ, đường rộng từ 0,8 đến 1,2 m, nền đường bằng đất tự nhiên, kê đá hộc và làm nền đi lại ở những nơi có nước chảy, Phát quang dây gai, bụi rậm hai bên đường phạm vi 1,5 m trên toàn tuyến, dự kiến tuyến đường tuần tra khoảng 16 km;

+ Bố trí thêm 01 chòi quan sát tại điểm cao 400 m đường du lịch Bãi Chuối, từ địa điểm này có thể quan sát động vật rừng và cháy rừng tại các địa điểm có nguy cơ cháy rừng cao như taluy âm đường sắt Bắc Nam và Mũi Cửa Khẽm. Chòi canh được xây dựng theo tiêu chuẩn 04 TCVN 89-2007; chòi xây dựng theo hình tháp bút, cao 20m, đáy rộng 10x10m, trụ đỡ bê tông cốt thép, cột, giằng, thanh ngang bằng thép định hình, có trang bị dụng cụ chống sét, mái lợp tôn, trên chòi có 01 phòng có 04 cửa để quan sát mọi phía. Trong tương lai có thể bổ sung thêm hệ thống camera quan sát tự động phục vụ cho công tác bảo vệ và phòng cháy, chữa cháy rừng.

- Xây dựng bổ sung cột mốc, bảng nội quy, biển thông tin tuyên truyền

+ Bổ sung 200 cột mốc nhằm cảnh báo ranh giới giữa Khu Bảo vệ cảnh quan và diện tích đất của các thành phần kinh tế khác chung ranh giới. Mục tiêu ngăn chặn tình trạng lấn chiếm ranh giới, giúp cho ban quản lý bảo vệ một cách thuận tiện;

+ Xây dựng mới hệ thống nội quy bảo vệ rừng và các cảnh báo, bảng chỉ dẫn các vị trí cửa rừng, dọc theo các tuyến đường có nhiều người dân đi lại, trên đường tuần tra, đường du lịch sinh thái, đường nội bộ. Số lượng: Bảng cấp dự báo cháy rừng 05, Bảng nội quy 05, Biển báo 100.

- Xây dựng nhà trưng bày mẫu vật

Xây dựng nhà trưng bày mẫu vật về các giá trị tài nguyên rừng, đa dạng sinh học các giá trị lịch sử văn hoá của Khu bảo vệ cảnh quan, đây cũng là nơi lưu giữ các tiêu bản một cách tập trung phục vụ cho công tác giảng dạy, nghiên cứu, tuyên truyền thu hút khách tham quan và học tập cho người dân trong và ngoài nước.

+ Địa điểm: tại cao điểm 400 gần Cua Chỏ, gần Hải Vân Quan (nơi thu hút khách tham quan du lịch).

+ Diện tích xây dựng 500m². Bao gồm các phòng trưng bày, phòng làm việc và hệ thống phòng vệ sinh, hệ thống điện, nước, phòng chống cháy, chống sét, cấp thoát nước, các thiết bị trưng bày, lưu trữ

+ Đầu tư trang thiết bị.

Đồng thời với việc xây dựng cơ sở hạ tầng thì việc đầu tư trang thiết bị là cần thiết cho hoạt động của Khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân. Các trang thiết bị và dụng cụ thiết yếu bao gồm:

* Trang thiết bị phục vụ cho công tác giám sát, theo dõi đa dạng sinh học: Hệ thống Drone giám sát; Hệ thống Camera AI; Hệ thống thu âm (Ghi nhận tiếng hú của Loài Vượn); Bẫy ảnh hồng ngoại; ...

* Trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý như: Máy vi tính và các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công tác quản lý rừng (Ban đồ theo dõi diễn biến rừng, giám sát đa dạng sinh học; Máy GPS, ống nhòm, máy ảnh, la bàn, túi đựng đồ, lều bạt phục vụ cho các đợt đi tuần tra, kiểm tra dài ngày; các công cụ vũ khí trang bị cho lực lượng Bảo vệ rừng chuyên trách).

* Trang thiết bị phục vụ cho phòng cháy, chữa cháy rừng: Các phương tiện phục vụ thông tin liên lạc (Máy bộ đàm, điện thoại kết nối vệ tinh, Hệ thống quan trắc mặt đất cảnh báo sớm cháy rừng Fire watch...). Xe ô tô địa hình phục vụ công tác phòng chống cháy rừng; máy cưa xăng, máy bơm nước công suất lớn, máy cắt thực bì, trang bị bảo hộ chữa cháy (Lều, bạt, quần áo bảo hộ, găng, ủng chống cháy...).

* Trang thiết bị phục vụ cho phát triển du lịch sinh thái: Trang thiết bị cho đón tiếp khách, xe chở khách, phương tiện cá nhân cho lực lượng hướng dẫn khách du lịch.

* Trang thiết bị phục vụ cho nghiên cứu khoa học: Máy móc dụng cụ trang bị cho các phòng thí nghiệm, máy móc phục vụ cho công tác điều tra, hệ thống bẫy ảnh...

7. Chương trình hợp tác quốc tế

7.1. Mục tiêu chương trình

Chương trình hợp tác quốc tế tại Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân nhằm huy động nguồn lực tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm quốc tế để phục vụ hiệu quả công tác quản lý, bảo tồn rừng và đa dạng sinh học. Với vị trí sinh thái quan trọng trong dãy Trường Sơn và tiềm năng hợp tác lớn, chương trình sẽ góp phần nâng cao vị thế và kết nối vào mạng lưới bảo tồn quốc tế.

7.2. Nội dung và biện pháp thực hiện

- Thiết lập và mở rộng mạng lưới hợp tác: Tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế như WWF, IUCN,... và các mạng lưới bảo tồn đa dạng sinh học toàn cầu để trao đổi kỹ thuật, chia sẻ dữ liệu và thu hút tài trợ.

- Hợp tác nghiên cứu và giám sát sinh học: Phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu về hệ sinh thái rừng ẩm thường xanh, loài động, thực vật đặc hữu, quý hiếm và các hệ sinh cảnh cần ưu tiên bảo vệ. Tham gia vào các dự án bảo tồn cảnh quan liên vùng thuộc khu vực Trường Sơn mở rộng, đặc biệt các chương trình giám sát xuyên biên giới và hành lang sinh thái.

- Huy động tài trợ quốc tế cho bảo tồn và sinh kế: Xây dựng các đề xuất dự án để kêu gọi tài trợ từ các tổ chức quốc tế như GEF, Quỹ đa dạng sinh học ASEAN, chương trình ODA của các nước phát triển cho các hoạt động bảo tồn và hỗ trợ sinh kế bền vững cho cộng đồng.

- Nâng cao năng lực hợp tác quốc tế cho cán bộ: Tổ chức cho cán bộ tham gia các khóa đào tạo, hội thảo quốc tế và các chương trình trao đổi, học tập kinh nghiệm về quản lý khu bảo tồn, kỹ năng xây dựng dự án, đàm phán và làm việc trong môi trường quốc tế. Nâng cao trình độ ngoại ngữ và các kỹ năng mềm cần thiết cho đội ngũ cán bộ để làm việc hiệu quả với các đối tác nước ngoài.

- Truyền thông quốc tế và quảng bá hình ảnh Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân: Xây dựng và phổ biến các sản phẩm truyền thông đa dạng (website, phim tài liệu, ấn phẩm chuyên ngành) bằng nhiều ngôn ngữ để quảng bá giá trị đa dạng sinh học, nỗ lực bảo tồn và tiềm năng hợp tác của Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân; Tăng cường hiện diện và chia sẻ thông tin tại các diễn đàn, sự kiện quốc tế về bảo tồn và du lịch sinh thái có trách nhiệm để nâng cao hình ảnh và thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế.

Thông qua chương trình này, Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân không chỉ tăng cường nội lực trong bảo tồn mà còn trở thành điểm sáng trong hợp tác quốc tế về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong khu vực.

IX. KHAI TOÁN VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân cần nguồn vốn đầu tư để thực hiện các hoạt động bảo tồn, quản lý bền vững tài nguyên rừng và phát triển du lịch sinh thái. Nguồn vốn này sẽ đến từ ngân sách nhà nước, các chương trình chi trả thỏa thuận giảm phát thải khí nhà kính, các dự án đầu tư công, và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế.

Dưới đây là tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư cho giai đoạn đến năm 2030:

1. Tổng hợp nhu cầu vốn theo các chương trình

Tổng kinh phí thực hiện đến năm 2030 là 30.000,0 triệu đồng (*Ba mươi tỷ đồng*).

Ngoài ra, Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân sẽ huy động thêm các nguồn vốn khác từ nguồn vốn đầu tư công, sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế,...

Dưới đây là phân kỳ vốn đầu tư theo từng năm từ 2025 đến 2030 theo bảng 9

Bảng 9. Phân kỳ vốn đầu tư Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

TT	Hạng mục	Tổng cộng	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Năm 2030
1	Nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên	18.000,0	3.000,0	3.000,0	3.000,0	3.000,0	3.000,0	3.000,0
2	Nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính và dịch vụ khác	9.000,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0	1.500,0
3	Nguồn thu khác	3.000,0	500,0	500,0	500,0	500,0	500,0	500,0
	Tổng cộng	30.000,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0	5.000,0

2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư

Cơ cấu các nguồn vốn huy động cho Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân, thành phố Huế được xác định như sau:

- Nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên với tổng vốn đầu tư 18.000,0 triệu đồng: Sử dụng kinh phí này để thực hiện các hoạt động quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên thường xuyên.

- Nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính và các dịch vụ khác với tổng vốn đầu tư 9.000,0 triệu đồng: Hỗ trợ thực hiện các dự án liên quan đến bảo vệ rừng, giảm phát thải carbon.

- Nguồn thu khác với tổng vốn đầu tư 3.000,0 triệu đồng: Ban Quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân sẽ tiếp tục huy động thêm các nguồn vốn khác nhằm đa dạng hóa nguồn tài chính cho công tác quản lý và bảo vệ rừng, bao gồm: Dự án đầu tư công để xây dựng văn phòng, trạm kiểm soát bảo vệ rừng, hạ tầng cứu hộ động vật hoang dã, cơ sở vật chất phục vụ giáo dục môi trường và du lịch sinh thái; Hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế nhằm nâng cao năng lực cán bộ, trang bị phương tiện giám sát bảo vệ rừng, tăng cường công tác thực thi pháp luật về bảo tồn thiên nhiên. Hiện nay, trung bình mỗi năm nguồn thu khác khoảng 500 triệu đồng.

Bảng 10. Tổng vốn đầu tư cho Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân (2025-2030)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Tổng vốn đầu tư
1	Nguồn ngân sách cấp chi thường xuyên	18.000,0
2	Nguồn thu từ thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính và dịch vụ khác	9.000,0
3	Nguồn thu khác	3.000,0
	Tổng cộng	30.000,0

X. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp kỹ thuật

- Các chương trình hoạt động đều phải tuân thủ theo các phương án quy hoạch và phải lập dự án đầu tư, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt, Các dự án đầu tư đều phải xây dựng các giải pháp kỹ thuật cụ thể;

- Chuyển giao, tập huấn kỹ thuật trước khi thực hiện từng chương trình hoạt động;

- Tham quan học tập xây dựng các mô hình ở các vườn quốc gia, khu bảo tồn trong nước hoặc ngoài nước để rút ra các bài học kinh nghiệm cho việc thực hiện các chương trình hoạt động;

- Ứng dụng các nghiên cứu khoa học đã thực hiện có liên quan đến các chương trình hoạt động;

- Ứng dụng công nghệ cao GPS, GIS và công nghệ viễn thám, ảnh vệ tinh để theo dõi tài nguyên động, thực vật rừng, giám sát, phòng cháy, chữa cháy rừng;

- Ứng dụng các công nghệ tiên tiến nhất phục vụ cho tạo giống cây con giúp cho công tác phục hồi rừng được kết quả cao.

2. Giải pháp giảm thiểu tác động môi trường

Dự án đã đề xuất xây dựng một số công trình cơ sở hạ tầng nên trong quá trình thực thi cần chú ý một số vấn đề sau:

- Đối với khu vực xây dựng lớn cần phải có đánh giá tác động về môi trường theo Luật Bảo vệ Môi trường;

- Không làm mất hoặc chia cắt các sinh cảnh của các loài động, thực vật hoặc làm xáo trộn, phá vỡ cảnh quan thiên nhiên;

- Không gây ô nhiễm môi trường bởi các chất thải xây dựng và các rác thải khác;

- Không đổ đất đá, chất thải xuống các sông suối làm nghẽn dòng chảy, ô nhiễm dòng nước và môi trường, ảnh hưởng tới đời sống sinh hoạt và sản xuất của cộng đồng địa phương;

- Không xây dựng các công trình vệ sinh công cộng trên đầu nguồn các con suối, Hệ thống các điểm cho phép tắm phải được sắp xếp tránh tình trạng lộn xộn trong tổ chức du lịch như hiện nay;

- Cần chú ý đánh giá tác động của việc xây dựng khu trưng bày các mẫu vật phục vụ khách tham quan tại khu Cua Chỏ ở độ cao trên 400m và độ dốc lớn, diện tích mặt bằng nhỏ hẹp.

3. Giải pháp tổ chức chỉ đạo

- Sau khi dự án được phê duyệt, Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố hoàn thiện công tác tổ chức và giao cho Ban quản lý khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân có trách nhiệm quản lý toàn bộ diện tích gần 11 nghìn ha rừng và đất lâm nghiệp theo quy chế quản lý từng loại rừng cụ thể;

- Dự án liên quan đến nhiều lĩnh vực như bảo tồn, kinh tế, đời sống, văn hoá, xã hội, ... do vậy trong công tác chỉ đạo cần phải thống nhất đồng bộ từ thành phố xuống tới địa phương;

- Ban quản lý khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân là chủ đầu tư và là đầu mối, kết nối các chương trình hoạt động, các lĩnh vực liên quan đến các cấp lãnh đạo, ban ngành cấp tỉnh, huyện và xã;

- Các chương trình trong dự án đều liên quan đến các xã nên cần phải tổ chức hội nghị xác định rõ vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của các ban ngành, đoàn thể và các cấp có liên quan;

- Các chương trình đều cần có sự tham gia phối hợp chỉ đạo của chính quyền địa phương như bố trí sử dụng đất, chỉ đạo các công tác bảo vệ rừng, khoanh nuôi tái sinh, làm giàu rừng, nuôi dưỡng rừng và trồng rừng;

- Chương trình tuyên truyền giáo dục cần có sự tham gia hỗ trợ chỉ đạo của các ban ngành liên quan của địa phương nhằm tạo được môi quan hệ thống nhất

và sử dụng được hệ thống thông tin liên lạc của địa phương cho công tác tuyên truyền giáo dục;

- Chương trình nghiên cứu khoa học cần có sự tham gia của các cơ quan sự nghiệp khoa học kỹ thuật của tỉnh để tranh thủ những kinh nghiệm, đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu, đặc biệt là các Viện nghiên cứu và trường Đại học;

- Các hoạt động liên quan đến đất đai, con người của địa phương phải có chính quyền địa phương tham gia hỗ trợ;

- Đối với các hoạt động du lịch được tổ chức trong Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân phải được ban quản lý tham gia chỉ đạo và hướng dẫn về mặt chuyên môn bảo tồn sinh thái, bảo vệ môi trường.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Chính sách quản lý khai thác rừng đặc dụng tuân thủ theo khoản 2, Điều 12 nghị định 156/2018/NĐ-TTg ngày 16/11/2018. Do dự án có tính chất đặc thù, có tính chiến lược bảo vệ môi trường cảnh quan và phát kinh tế xã hội nên UBND thành phố cần xây dựng một cơ chế chính sách riêng để thực thi Dự án, đặc biệt là Ban quản lý Khu Bảo vệ Cảnh quan hiện đang quản lý 3 đối tượng có mục đích khác nhau đó là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất cụ thể như sau:

- Về chính sách sử dụng đất đai: Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban quản lý khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân và các ban ngành xác định rõ chi tiết ranh giới đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp để người dân không phá rừng lấn chiếm đất rừng Khu Bảo vệ cảnh quan. Ủy ban nhân dân các xã trong khu vực có trách nhiệm giải quyết các vấn đề giải phóng mặt bằng, các vấn đề liên quan đến tranh chấp đất đai trong trường hợp người dân có nhu cầu phát triển du lịch cấp xã (Hợp tác xã du lịch);

- Về chính sách đầu tư tín dụng: Ghi riêng nguồn vốn đầu tư cho khu Bắc Hải Vân để dự án chủ động vốn hàng năm chi tiêu đúng với tiến độ đã đề ra. Vì đây là vùng địa hình phức tạp nên tỉnh có chính sách riêng về định mức trồng rừng các loài cây bản địa quý, hiếm. Xây dựng cơ chế cho vay vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi hoặc không lãi, khuyến khích vay vốn phát triển kinh tế xã hội cho người dân vùng đệm;

- Về chính sách phát triển kinh tế xã hội: Có cơ chế và chính sách ưu đãi cho người dân sống trong khu vực tham gia các hoạt động của khu Bắc Hải Vân như miễn, giảm các loại thuế, học phí cho con em, lao động công ích, tìm nguồn vốn không hoàn lại xây dựng cơ sở hạ tầng;

- Trước mắt, tiếp tục giao diện tích đất đã giao cho các cộng đồng quản lý trước đây, các cộng đồng tiếp tục quản lý và được hưởng kinh phí dịch vụ môi trường rừng. Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan tạo điều kiện cho người dân có điều kiện tham gia sâu hơn vào các hoạt động của Ban quản lý, nhằm ổn định phần nào đời sống cho người dân khu vực vùng đệm.

- Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân xây dựng kế hoạch tiếp tục khoán toàn bộ diện tích nơi gần các khu dân cư cho cộng đồng địa phương quản lý bảo vệ. Diện tích này được xác định là hơn 2 nghìn ha.

- Chính quyền địa phương và Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan cần làm rõ trách nhiệm, phân chia lợi ích trong phát triển du lịch, đảm bảo hài hoà cùng có lợi và phục vụ chung cho công tác bảo vệ cảnh quan rừng tuân thủ theo các quy định của pháp luật và quản lý rừng đặc dụng do địa phương quản lý.

5. Giải pháp giảm thiểu tác động đến tài nguyên đa dạng sinh học

5.1. Giải pháp giảm thiểu về mất rừng, suy thoái rừng

- Rà soát diện tích rừng và đất lâm nghiệp hiện ban quản lý sử dụng chưa hiệu quả để giao cho chính quyền địa phương nhằm xây dựng biện pháp quản lý rừng có hiệu quả hơn, giúp người dân có đất phát triển kinh tế;

- Lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách Bắc Hải Vân tăng cường kiểm tra, tham mưu cho Ban quản lý chủ động lập kế hoạch và xác định rõ thời điểm, địa điểm thường xảy ra vi phạm về phá rừng lấn chiếm đất rừng để có biện pháp xử lý kịp thời;

- Chính sách ưu đãi cho người dân vay vốn làm ăn, hỗ trợ cây con giống, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật;

- Mở các trung tâm dạy nghề cho các thanh thiếu niên, phát triển các ngành nghề truyền thống như đan lát, dệt thổ cẩm;

- Tuyên truyền, giáo dục cho người dân về lợi ích của đa dạng sinh học, lợi ích và giá trị của rừng.

5.2. Giải pháp giảm thiểu về khai thác, mua bán, vận chuyển, cất giấu lâm sản trái pháp luật

- Vận động người dân thay thế dần việc sử dụng gỗ để làm nhà, chuồng trại bằng loại vật liệu khác như sử dụng xi măng, cát, sỏi, dùng các vật liệu từ nhựa tổng hợp;

- Tăng cường các đợt tuần tra, truy quét, phá bỏ các loại bẫy; Lập các chốt chặn để kiểm tra tại các điểm nóng về phá rừng;

- Lực lượng liên ngành phải kiểm tra, quản lý chặt chẽ người và phương tiện ra vào rừng rõ ràng, kịp thời phát hiện, ngăn chặn vi phạm trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng; phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi để các hộ được giao rừng, chính quyền địa phương và các lực lượng chức năng thực hiện nhiệm vụ tại khu vực ranh giới giữa hai tỉnh (Nơi nguy cơ phá rừng, mất rừng lớn nhất);

- Thường xuyên kiểm tra theo dõi tại các cơ sở chế biến gỗ trong khu vực, xử lý nghiêm đối với những trường hợp sử dụng và tàng trữ các loại gỗ không có nguồn gốc, cương quyết đình chỉ những cơ sở không có giấy phép kinh doanh;

- Đối với các hộ được giao quản lý rừng khi có tình trạng khai thác trái phép mà không phát hiện thì ngoài việc bị xử lý trách nhiệm, hộ được giao rừng còn bị

xử phạt theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, cần tăng mức hình phạt đối với các trường hợp vi phạm;

- Lực lượng chức năng tăng cường kiểm tra việc mua bán, vận chuyển, quảng cáo, kinh doanh động vật hoang dã trên địa bàn; tổ chức ký cam kết không mua bán, kinh doanh động vật hoang dã trái phép với các nhà hàng, quán ăn; quản lý chặt chẽ các trại nuôi động vật hoang dã theo quy định.

5.3. Giải pháp phục hồi hệ sinh thái

- Điều tra xác định thực trạng của các diện tích rừng nghèo, rừng nghèo kiệt, rừng phục hồi, xây dựng phương án phục hồi hệ sinh thái cây bản địa;

- Lựa chọn loài cây bản địa, phù hợp với điều kiện lập địa trồng bổ sung trên những diện tích mà số lượng cây tái sinh thấp khả năng phục hồi lại rừng chậm;

- Giao những diện tích gần khu dân cư cho người dân, hoặc cộng đồng để người dân bảo vệ, tạo công ăn việc làm nâng cao đời sống người dân vùng đệm. Kinh phí bảo vệ rừng bố trí từ nguồn Giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung bộ (ERPA), Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn của Chính phủ.

5.4. Giải pháp giảm thiểu chăn nuôi gia súc trên rừng và đất rừng

- Thống kê đầy đủ các hộ gia đình hiện đang chăn thả tự do vào trong rừng;

- Tuyên truyền đến từng hộ gia đình có tình trạng chăn thả;

- Phối hợp với chính quyền các xã lân cận như để bố trí diện tích chăn thả cho phát triển đàn gia súc của địa phương;

- Trong trường hợp cần thiết hỗ trợ người dân chuyển đổi hình thức chăn nuôi (nuôi nhốt, chăn nuôi gia cầm hay chăn nuôi lợn...).

5.5. Giải pháp nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý

- Từng bước bổ sung thêm cán bộ chuyên môn về bảo tồn, tăng cường năng lực cho đội ngũ kiểm lâm viên, đầu tư trang thiết bị, công cụ hỗ trợ;

- Hoàn thiện hệ thống thông tin liên lạc, tăng cường phối hợp giữa tất cả các chốt chặn, Tăng cường các đợt tuần tra, kiểm soát, truy quét, ứng dụng công nghệ cao trong giám sát rừng;

- Tổ chức các lớp tập huấn nâng cao năng lực quản lý và học hỏi kinh nghiệm của các khu bảo tồn, Khu Bảo vệ cảnh quan, Vườn Quốc gia trong nước cũng như ở nước ngoài;

- Tăng cường công tác vận động quần chúng kêu gọi sự hỗ trợ của các lực lượng quần chúng như Hội nông dân, Phụ nữ, Thanh niên, Thiếu nhi... trong công tác bảo vệ rừng, đa dạng sinh học và cảnh quan khu Bắc Hải Vân.

5.6. Giải pháp hỗ trợ nâng cao đời sống người dân vùng đệm

- Ban quản lý Bắc Hải Vân phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách cộng đồng thôn, bản các xã giáp ranh với Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân

(có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã), gửi Ủy ban nhân dân thành phố rà soát xác định cộng đồng thôn thuộc đối tượng được hưởng kinh phí hỗ trợ phát triển cộng đồng làm cơ sở lập dự toán kinh phí hỗ trợ phát triển cộng đồng hàng năm.

- Thu hút nguồn vốn đầu tư hỗ trợ của các tổ chức quốc tế để mô hình sản xuất nông nghiệp bền vững, chăn nuôi động vật có giá trị kinh tế cho cộng đồng thôn các xã giáp ranh Bắc Hải Vân, nhằm nâng cao chuỗi sản phẩm, tạo sinh kế cho người dân, tăng thu nhập giảm sức ép vào rừng, góp phần tích cực vào công tác bảo vệ rừng và bảo tồn giá trị đa dạng sinh học.

- Tiến hành hỗ trợ, thúc đẩy các thôn tham gia và thực hiện quy ước quản lý bảo vệ rừng bền vững; Thu hút tối đa sự tham gia của các cộng đồng vào quản lý bảo vệ rừng và họ được hưởng từ chính sách chi trả từ công tác khoán Quản lý bảo vệ rừng;

- Phối hợp với các bên liên quan tổ chức phổ biến, nâng cao nhận thức về quản lý rừng, về sinh thái môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học của rừng; hỗ trợ cộng đồng địa phương sống phụ thuộc vào tài nguyên rừng, bảo đảm nhu cầu và sinh kế của họ;

- Phối hợp với chính quyền địa phương, thiết lập cơ chế chia sẻ lợi ích từ rừng với cộng đồng thôn trong sử dụng rừng, bảo đảm quyền sử dụng rừng của người dân trong kế hoạch quản lý rừng bền vững của Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.

6. Các hoạt động và nguồn vốn

- Trong khu vực có nhiều dự án về phát triển cơ sở hạ tầng cũng như quản lý bảo vệ rừng với nhiều nguồn vốn khác nhau nên trong quá trình xây dựng dự án cần phải thực hiện lồng ghép các hoạt động và nguồn vốn cụ thể như sau:

- + Nguồn vốn cần được sử dụng hợp lý tránh đầu tư vào các hạng mục kém hiệu quả, không đầu tư hai lần vào một hạng mục công trình;

- + Đối với chương trình bảo tồn, các ngành cần có sự chia sẻ thông tin về: Điều kiện tự nhiên, lập địa, các giá trị về tài nguyên thiên nhiên, khoa học, xã hội... nhằm tiết kiệm thời gian và kinh phí hoạt động;

- + Đối với chương trình phục hồi rừng, trồng rừng thì sẽ theo nguồn vốn cho các hoạt động lâm sinh, vốn Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững; Nguồn vốn Giảm phát thải khí nhà kính; Dịch vụ môi trường rừng;

- + Đối với chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng phải thực hiện có tính kế thừa và hợp tác, không để tình trạng dự án sau phá vỡ dự án trước.

- Đối với dự án đầu tư về du lịch sinh thái do các nguồn vốn khác nhau thực hiện trong khu vực phải tuân theo quy hoạch tổng thể của Khu Bảo vệ Cảnh quan và do ban quản lý điều tiết, tăng cường chính sách xã hội hoá nghề rừng và đầu tư của các doanh nghiệp du lịch có kinh nghiệm và tiềm năng;

- Tăng cường hơn nữa mở rộng hợp tác quốc tế, kêu gọi hỗ trợ đầu tư từ cơ quan phi chính phủ, tổ chức quốc tế cho nghiên cứu bảo tồn các loài quý hiếm,

xây dựng các phòng trưng bày hiện vật, hỗ trợ sinh kế người dân vùng đệm... Nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý, nhất là đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ nghiên cứu, bảo tồn cảnh quan. Hỗ trợ ban quản lý thiết lập hệ thống theo dõi giám sát đa dạng sinh học, xây dựng chiến lược, kế hoạch nghiên cứu lâu dài để bảo tồn được các loài động, thực vật quý, hiếm.

XI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, chỉ đạo Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân phối hợp với các Sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân xã Chân Mây - Lăng Cô triển khai thực hiện Dự án.

- Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân thành phố ra quyết định thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân theo quy định. Trên cơ sở nội dung dự án phối hợp với Sở Nội Vụ đề xuất thành lập bộ máy Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo và hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Chân Mây - Lăng Cô hoàn thiện các thủ tục cần thiết để thu hồi đất đã giao cho cộng đồng; hoàn thiện các thủ tục đất đai cho Khu Bảo vệ cảnh quan theo quy định pháp luật.

- Phối hợp với các sở, ngành liên quan để xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm, đề xuất bố trí kinh phí thực hiện dự án.

- Chỉ đạo Ban Quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân sau khi được thành lập xây dựng và triển khai phương án quản lý rừng bền vững, các phương án hỗ trợ đời sống dân cư vùng đệm.

2. Sở Nội Vụ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các đơn vị liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan; hoàn thiện bộ máy, biên chế, chú trọng đào tạo công tác Bảo tồn cảnh quan và tài nguyên thiên nhiên của khu vực Bắc Hải Vân. Tham mưu cho lãnh đạo thành phố tạo cơ chế thông thoáng cho phát triển đội ngũ cán bộ du lịch.

3. Sở Tài Chính

Trên cơ sở căn cứ khả năng cân đối ngân sách thành phố để chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu UBND thành phố bố trí nguồn lực thực hiện dự án phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương và các quy định hiện hành.

4. Ủy ban nhân dân xã Chân Mây - Lăng Cô

- Phối hợp với các sở, ngành tổ chức triển khai, thực hiện Dự án. Ủy ban nhân dân xã thực hiện trình tự các bước thu hồi đất, tổ chức tuyên truyền, vận động người dân tích cực tham gia bảo vệ và phát triển rừng, xây dựng và thực hiện các biện pháp ngăn chặn sự xâm hại Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân.

- Phối hợp với Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân tổ chức giao khoán bảo vệ rừng trên diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng phòng hộ, đặc dụng cho người dân, đảm bảo công bằng, hợp lý.

5. Các sở, ngành, đơn vị liên quan

Theo chức năng nhiệm vụ được giao tham gia phối hợp, triển khai, tổ chức thực hiện hiệu quả Dự án.

6. Ban quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân

- Phối hợp với các Ban quản lý rừng cộng đồng thôn Thủy Cam, thôn Thủy Dương, thôn Thủy Yên Thượng, tổ chức giao, nhận rừng trên diện tích mở rộng của Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân, hoàn thiện các thủ tục đất đai theo quy định pháp luật.

- Xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2025-2030; bao gồm diện tích khu rừng đặc dụng bảo vệ cảnh quan và rừng phòng hộ, sản xuất, rừng ngoài 3 loại rừng do Ban quản lý. Xây dựng Quy chế, kế hoạch, phương án quản lý bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên trong Phương án quản lý rừng bền vững của Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân theo quy định tại Điều 21, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến giao đất, quản lý rừng và bảo vệ đa dạng sinh học.

- Triển khai các giải pháp hỗ trợ sinh kế, ổn định đời sống của người dân vùng đệm; ưu tiên tổ chức giao khoán bảo vệ rừng cho 3 cộng đồng thôn Thủy Cam, thôn Thủy Dương, thôn Thủy Yên Thượng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

7. Các Ban quản lý rừng cộng đồng thôn Thủy Cam, thôn Thủy Dương, thôn Thủy Yên Thượng

Các Ban quản lý rừng cộng đồng thôn Thủy Cam, thôn Thủy Dương, thôn Thủy Yên Thượng, theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và Môi trường, rà soát và phối hợp tổ chức giao, nhận rừng trên diện tích mở rộng của Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân theo quy định pháp luật.

Phối hợp với Ban Quản lý Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân thực hiện các thủ tục giao khoán bảo vệ rừng trên diện tích đất lâm nghiệp đã bàn giao, đảm bảo duy trì có hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng, ổn định sinh kế cho người dân.

XII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Nhằm đáp ứng nhu cầu bảo tồn, duy trì giá trị cảnh quan của hệ sinh thái rừng nằm sát biển, kết nối với các hệ sinh thái rừng cận núi cao, núi cao của Vườn Quốc gia Bạch Mã, Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân sẽ tạo thành hành lang đa dạng sinh học Đông - Tây trong địa phận Việt Nam để kết nối với Khu Bảo tồn Sê Xáp - Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào), trở thành hành lang xanh liên quốc gia hết sức độc đáo, có giá trị cao về bảo tồn đa dạng sinh học liên biên giới, do đó việc rà soát hiện trạng và cơ sở dữ liệu về rừng, đất rừng và đa dạng sinh

học tại Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân hướng tới thành lập khu Bảo vệ Cảnh quan Bắc Hải Vân tại thành phố Huế là rất cần thiết.

Là địa điểm có tiềm năng phát triển kinh tế tại vùng Bắc Trung Bộ, khu rừng Bắc Hải Vân đã được Chính phủ đưa vào quy hoạch cho vùng kinh tế Chân Mây - Lăng Cô, với vai trò là những khu rừng bảo vệ cho một trong những khu kinh tế trọng điểm Miền Trung Việt Nam. Dự án thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân đề xuất 7 chương trình hoạt động với các nội dung thiết thực để có thể đưa Khu Bắc Hải Vân đóng góp nhiều hơn cho phát triển kinh tế xã hội đồng thời bảo vệ được nguồn tài nguyên động, thực vật phong phú, bảo tồn được những di tích lịch sử, văn hoá của khu vực cũng như làm tròn trách nhiệm bảo vệ môi trường cho Khu kinh tế Chân Mây- Lăng Cô.

Kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt phương án thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân tại thành phố Huế phù hợp với Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia, Quy hoạch chung của thành phố Huế.

Biểu 1. Hiện trạng tài nguyên rừng theo địa giới hành chính của Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân

Đơn vị tính: ha

STT	Xã (theo NQ 1675/NQ-UBTVQH15)	Xã (theo ĐGHC cũ)	Rừng đặc dụng			Rừng phòng hộ			Rừng sản xuất			Ngoài QH3LR		TỔNG	
			Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Diện tích chưa có rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Diện tích chưa có rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Diện tích chưa có rừng	Rừng trồng	Diện tích chưa có rừng		
1	Xã Chân Mây - Lăng Cô	Thị trấn Lăng Cô	3.423,36	423,05	166,89	225,81	229,09	114,55	346,76	553,77	226,92	12,94	17,79	5.740,92	
2		Xã Lộc Thủy	1.766,65			69,53			545,55	155,18	82,15	8,37	20,23	2.647,66	
3		Xã Lộc Tiến	496,63				377,08	13,14	1,12	35,98	93,96	12,75		7,61	1.038,27
4		Xã Lộc Vĩnh					4,12	248,94	48,48		10,78	42,92			355,24
TỔNG			5.686,64	423,05	166,89	676,54	491,17	164,15	928,29	813,69	364,74	21,31	45,63	9.782,09	

Biểu 2. Hiện trạng tài nguyên rừng theo khoảnh, tiểu khu của các cộng đồng thôn

Đơn vị tính: ha

Xã (theo NQ 1675/NQ-UBTVQH15)	Xã (theo ĐGHG cũ)	Tiểu khu	Khoảnh	Rừng đặc dụng			Tổng
				RTN	RT	CCR	
TỔNG DIỆN TÍCH				1.076,18	1,33	0,89	1.078,40
Xã Chân Mây - Lăng Cô	Lộc Thủy	Tổng		505,79	1,33		507,12
		234	Tổng	23,68			23,68
			5	23,68			23,68
		235	Tổng	107,34	1,33		108,67
			2	37,75			37,75
			3	69,59	1,33		70,92
		236	Tổng	374,77			374,77
			1	23,55			23,55
			2	13,19			13,19
			3	43,51			43,51
			4	63,16			63,16
			5	79,93			79,93
			6	63,36			63,36
		7	88,07			88,07	
	Lộc Tiến	Tổng		570,39		0,89	571,28
		242	Tổng	191,06		0,89	191,95
			3	32,27			32,27
			5	133,47		0,89	134,36
			6	25,32			25,32
		243	Tổng	379,33			379,33
			4	87,54			87,54
			5	126,91			126,91
			6	108,18			108,18
			7	56,7			56,70

Biểu 3. Hiện trạng tài nguyên rừng theo chủ rừng của các cộng đồng thôn

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Chủ rừng Cộng đồng thôn			
		Thủy Cam	Thủy Yên Thượng	Thủy Dương	Tổng
I	Diện tích có rừng	108,67	398,45	570,39	1077,51
1	Rừng tự nhiên	107,34	398,45	570,39	1076,18
1.1	Rừng gỗ	107,34	398,45	570,39	1076,18
1.1.1	Rừng lá rộng thường xanh và nửa rụng lá	107,34	398,45	570,39	1076,18
	Rừng trung bình (TXB)		250,19		250,19
	Rừng nghèo (TXN)	107,34	148,26	570,39	825,99
2	Rừng trồng	1,33			1,33
1.1	Rừng gỗ	1,33			1,33
-	Rừng gỗ trồng núi đất (TG)	1,33			1,33
II	Diện tích chưa có rừng			0,89	0,89
1	Diện tích khác (DTK)			0,89	0,89
	Tổng Diện tích mở rộng	108,67	398,45	571,28	1078,4

Biểu 4. Hiện trạng tài nguyên rừng theo địa giới hành chính của Khu vực thành lập khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân
Đơn vị tính: ha

STT	Xã (theo NQ 1675/NQ-UBTVQH15)	Xã (theo ĐGHC cũ)	Rừng đặc dụng			TỔNG
			Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Diện tích chưa có rừng	
1	Xã Chân Mây - Lăng Cô	Thị trấn Lăng Cô	3.423,36	423,05	166,88	4.013,29
2		Xã Lộc Thủy	2.272,44	1,33		2.273,77
3		Xã Lộc Tiến	1.067,02		0,89	1.067,91
TỔNG			6.762,82	424,38	167,77	7.354,97

Biểu 5. Hiện trạng tài nguyên rừng theo khoảnh, tiểu khu của Khu vực thành lập khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân
Đơn vị tính: ha

Xã (theo NQ 1675/NQ-UBTVQH15)	Xã (theo ĐGHC cũ)	Tiểu khu	Khoảnh	Rừng đặc dụng			Tổng
				RTN	RT	CCR	
TỔNG DIỆN TÍCH				6.762,82	424,38	167,77	7.354,97
Xã Chân Mây - Lăng Cô	Lộc Thủy	Tổng		2.272,44	1,33	0,00	2.273,77
		233	Tổng	49,71			49,71
			5	49,71			49,71
		234	Tổng	23,68			23,68
			5	23,68			23,68
		235	Tổng	698,13	1,33		699,46
			2	37,75			37,75
			3	69,59	1,33		70,92
			4	139,89			139,89
			5	130,24			130,24
			6	121,50			121,50
			7	91,50			91,50
			8	107,66			107,66
		236	Tổng	506,63			506,63
			1	63,68			63,68
			2	42,20			42,20
			3	72,42			72,42
			4	89,05			89,05
			5	79,93			79,93
			6	64,14			64,14
		7	95,21			95,21	

Xã (theo NQ 1675/NQ-UBTVQH15)	Xã (theo ĐGHC cũ)	Tiểu khu	Khoảnh	Rừng đặc dụng			Tổng
				RTN	RT	CCR	
Xã Chân Mây - Lăng Cô	Lộc Thủy	237	<i>Tổng</i>	994,29			994,29
			1	32,99			32,99
			2	27,26			27,26
			3	115,67			115,67
			4	156,93			156,93
			5	148,79			148,79
			6	165,29			165,29
			7	85,47			85,47
			8	119,89			119,89
			9	142,00			142,00
Xã Chân Mây - Lăng Cô	Lộc Tiến	<i>Tổng</i>		1.067,02	0,00	0,89	1.067,91
		241	<i>Tổng</i>	24,26			24,26
			8	24,26			24,26
		242	<i>Tổng</i>	474,21		0,89	475,10
			2	90,46			90,46
			3	34,97			34,97
			4	111,58			111,58
			5	133,47		0,89	134,36
			6	103,73			103,73
		243	<i>Tổng</i>	568,55			568,55
			2	35,29			35,29
			3	76,50			76,50
			4	87,54			87,54
			5	126,91			126,91
			6	108,18			108,18
			7	134,13			134,13

Xã (theo NQ 1675/NQ-UBTVQH15)	Xã (theo ĐGHC cũ)	Tiểu khu	Khoảnh	Rừng đặc dụng			Tổng
				RTN	RT	CCR	
Xã Chân Mây - Lăng Cô	TT Lăng Cô	Tổng		3.423,36	423,05	166,88	4.013,29
		246	Tổng	201,60			201,60
			4	92,41			92,41
			6	34,67			34,67
			7	74,52			74,52
		247	Tổng	637,96			637,96
			1	54,40			54,40
			2	147,35			147,35
			3	96,16			96,16
			4	129,79			129,79
			5	95,01			95,01
			6	115,25			115,25
		248	Tổng	714,44		2,68	717,12
			2	2,65			2,65
			3	44,32			44,32
			5	51,18		2,68	53,86
			6	48,05			48,05
			7	150,60			150,60
			8	86,43			86,43
			9	175,98			175,98
			10	155,23			155,23

Xã (theo NQ 1675/NQ-UBTVQH15)	Xã (theo ĐGHC cũ)	Tiểu khu	Khoảnh	Rừng đặc dụng			Tổng
				RTN	RT	CCR	
Xã Chân Mây - Lăng Cô	TT Lăng Cô	249	Tổng	797,78			797,78
			3	34,60			34,60
			4	42,48			42,48
			5	33,85			33,85
			6	24,05			24,05
			7	82,71			82,71
			8	156,95			156,95
			9	82,63			82,63
			10	149,77			149,77
			11	78,87			78,87
			12	111,87			111,87
		250	Tổng	795,33	262,25	37,04	1.094,62
			2	65,05			65,05
			3	56,26			56,26
			4	69,39			69,39
			5	47,34	11,89	0,73	59,96
			7	30,13	26,81	3,05	59,99
			8		16,40	1,59	17,99
			9	16,62	48,58	18,44	83,64
			10	71,77	16,12	6,10	93,99
			11	1,58	55,12	2,55	59,25
			12	154,23	5,13	3,97	163,33
			13	99,66	34,80	0,61	135,07
			14	40,32	20,48		60,80
			15		15,90		15,90
			16	142,98	11,02		154,00

Xã (theo NQ 1675/NQ-UBTVQH15)	Xã (theo ĐGHC cũ)	Tiểu khu	Khoảnh	Rừng đặc dụng			Tổng
				RTN	RT	CCR	
Xã Chân Mây - Lăng Cô	TT Lăng Cô	251	<i>Tổng</i>	<i>114,14</i>	<i>120,34</i>	<i>22,60</i>	<i>257,08</i>
			2	27,73	2,31	0,16	30,20
			3	40,19	79,88	18,80	138,87
			4	12,46	4,37		16,83
			5	33,59	33,50	3,64	70,73
			6		0,22		0,22
			7	0,17	0,06		0,23
		252	<i>Tổng</i>	<i>162,11</i>	<i>40,46</i>	<i>104,56</i>	<i>307,13</i>
			1	22,06		10,15	32,21
			2	54,52	28,65	34,41	117,58
			3	83,24	8,79	59,96	151,99
			4	0,14	0,07		0,21
			5	0,68	2,92		3,60
			6	1,47	0,03	0,04	1,54

Biểu 6. Hiện trạng tài nguyên rừng phòng hộ, sản xuất theo địa giới hành chính do Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân quản lý

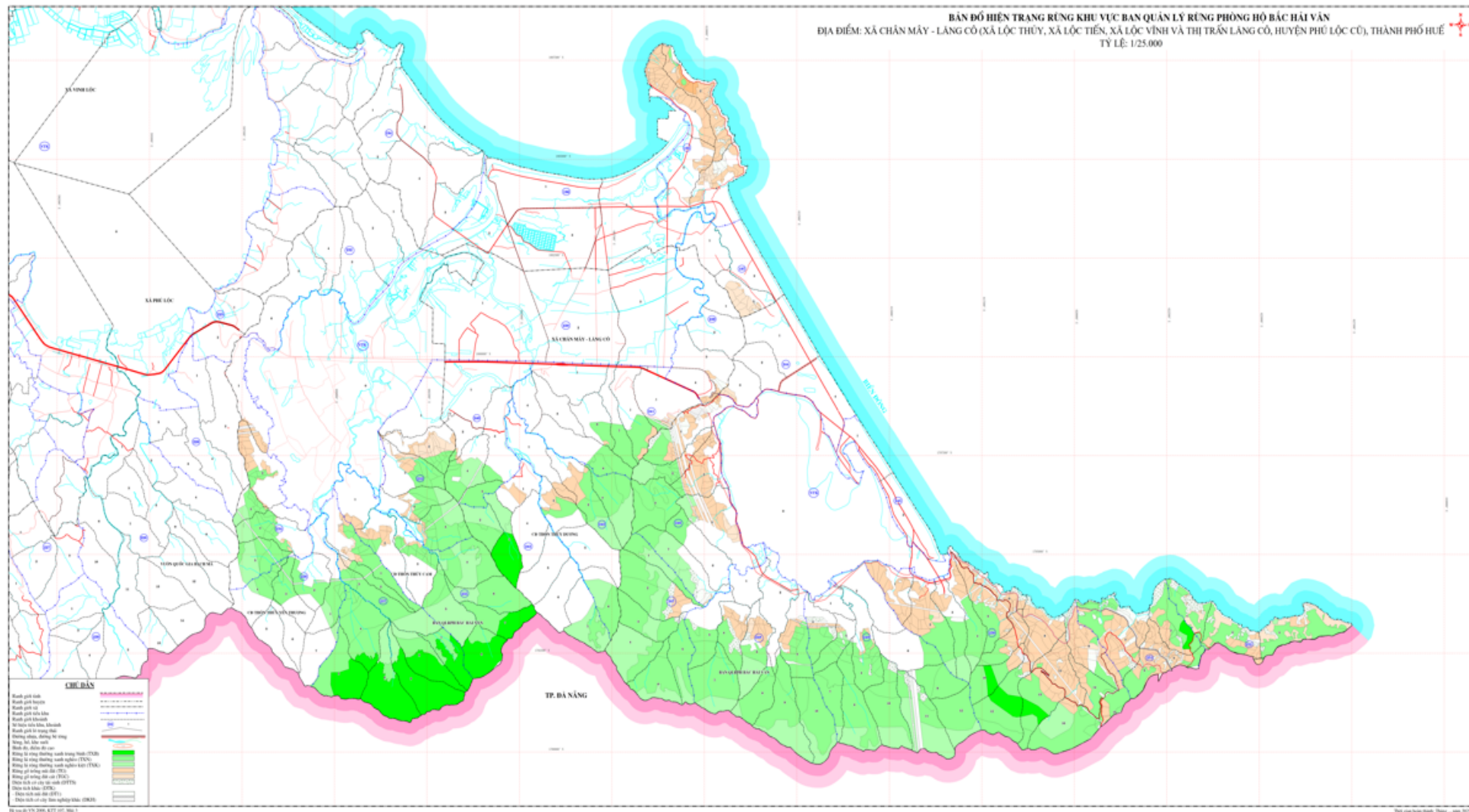
Đơn vị tính: ha

STT	Xã (theo NQ 1675/NQ-UBTVQH15)	Xã (theo ĐGHC cũ)	Rừng Phòng hộ			Rừng Sản xuất			Ngoài QH3LR		TỔNG
			Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Diện tích chưa có rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Diện tích chưa có rừng	Rừng trồng	Diện tích chưa có rừng	
1	Xã Chân Mây - Lăng Cô	Thị trấn Lăng Cô	225,81	229,09	114,55	346,76	553,77	226,92	12,94	17,79	1.727,63
2		Xã Lộc Thủy	69,53			545,55	155,18	82,15	8,37	20,23	881,01
3		Xã Lộc Tiến	377,08	13,14	1,12	35,98	93,96	12,75		7,61	541,64
4		Xã Lộc Vĩnh	4,12	248,94	48,48		10,78	42,92			355,24
TỔNG			676,54	491,17	164,15	928,29	813,69	364,74	21,31	45,63	3.505,52

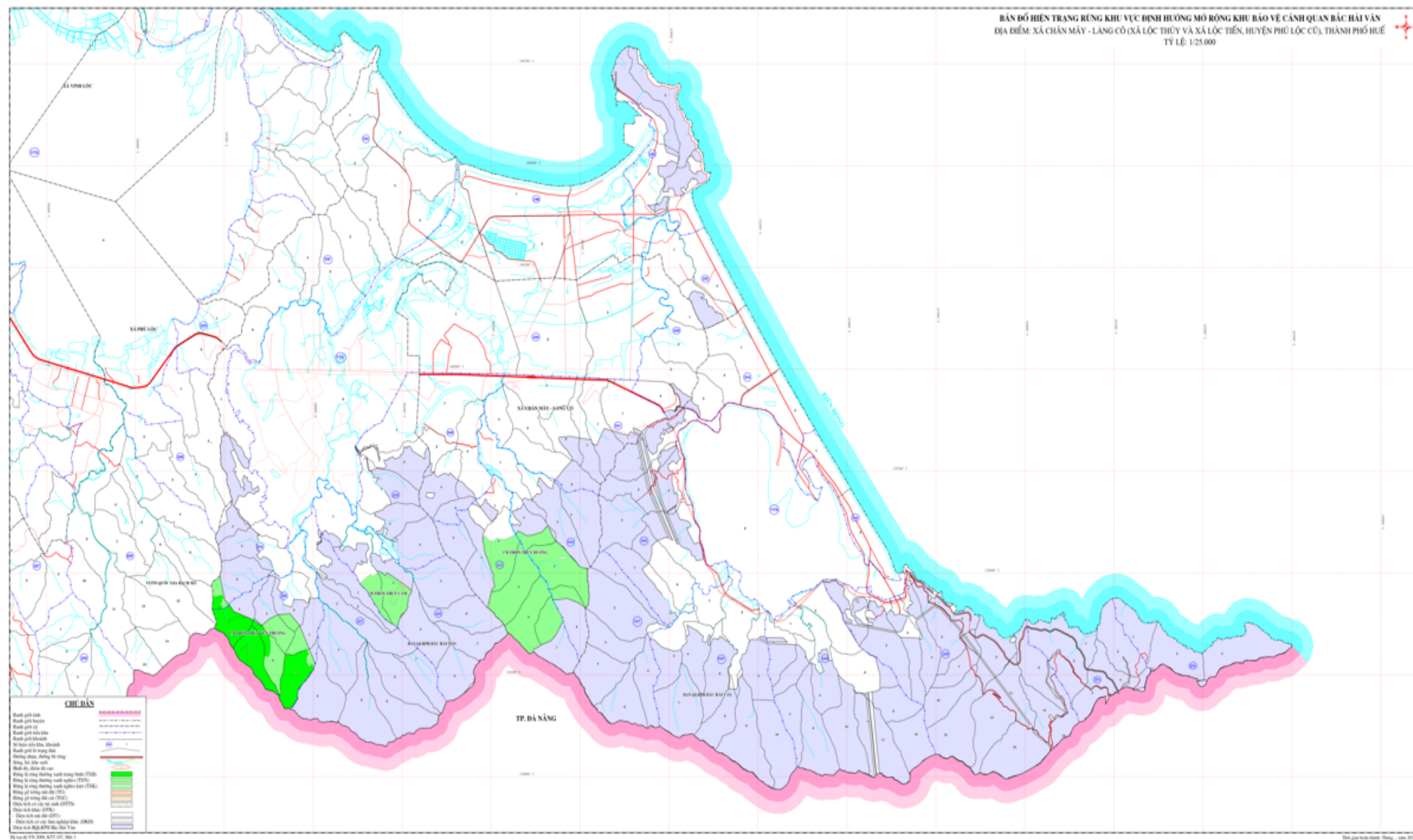
Biểu 7. Tổng hợp diện tích bị tác động từ các dự án đến Khu Bảo vệ cảnh quan trong tương lai

STT	Các dự án ảnh hưởng đến khu BVCQ Bắc Hải Vân	Rừng đặc dụng	TỔNG
1	Đường sắt cao tốc	15,38	15,38
2	Đất giao thông	5,51	5,51
3	Đất thủy lợi, sông suối	0,05	0,05
4	Đất thương mại dịch vụ, du lịch	11,03	11,03
TỔNG		31,97	31,97

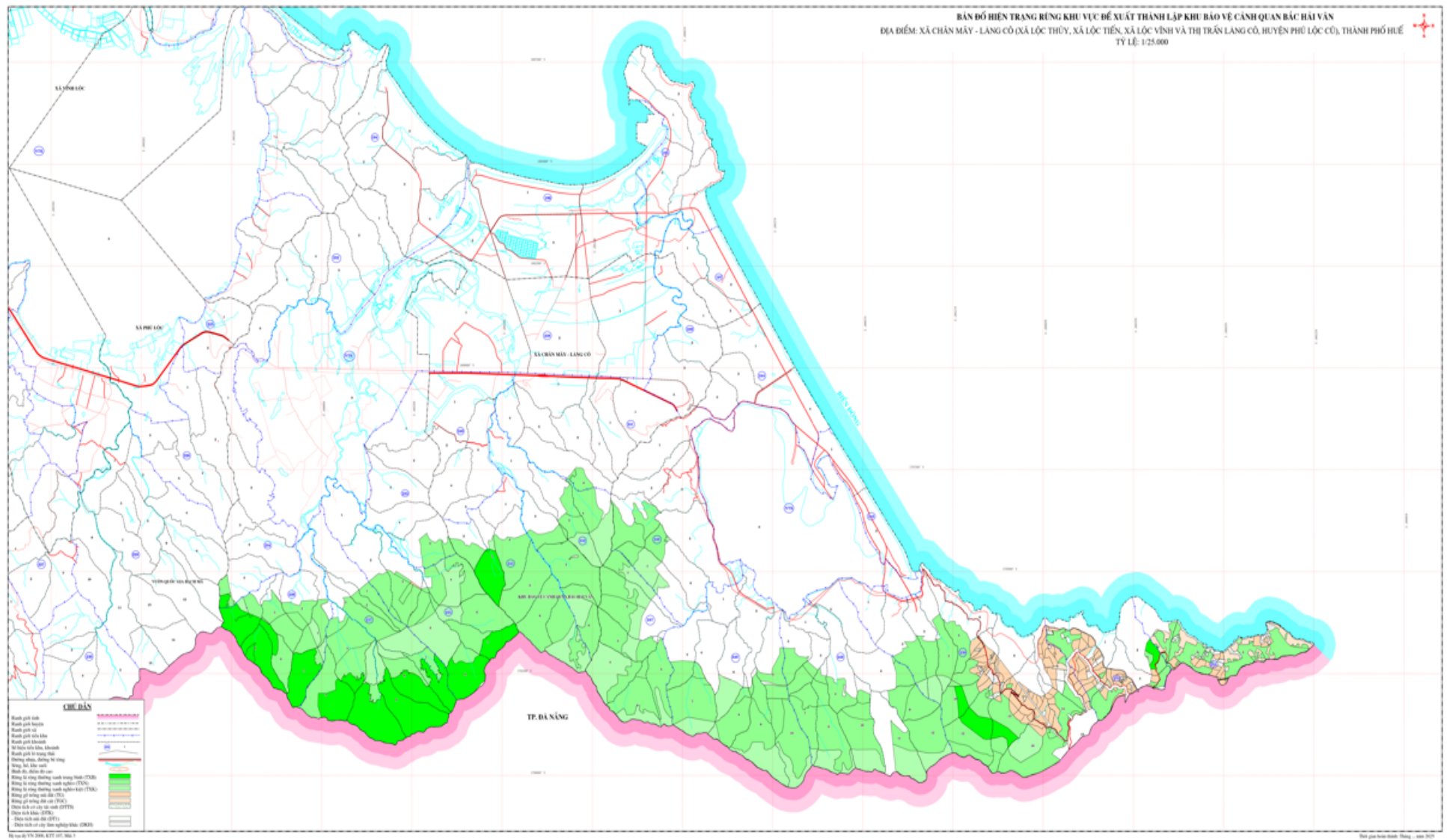
Sơ đồ 2. Bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng khu vực Ban Quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân hiện tại



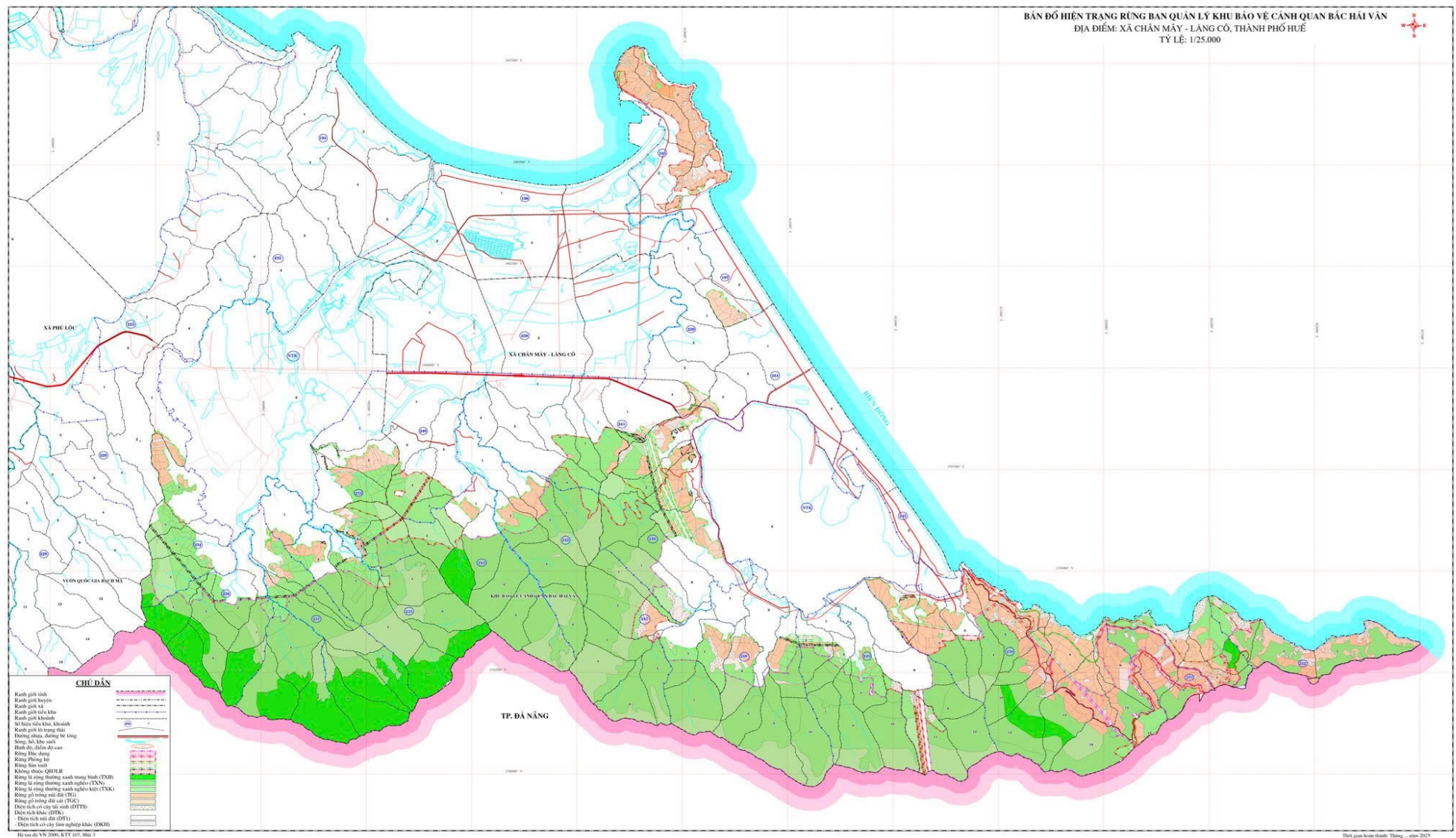
Sơ đồ 3. Bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng khu vực định hướng mở rộng Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân



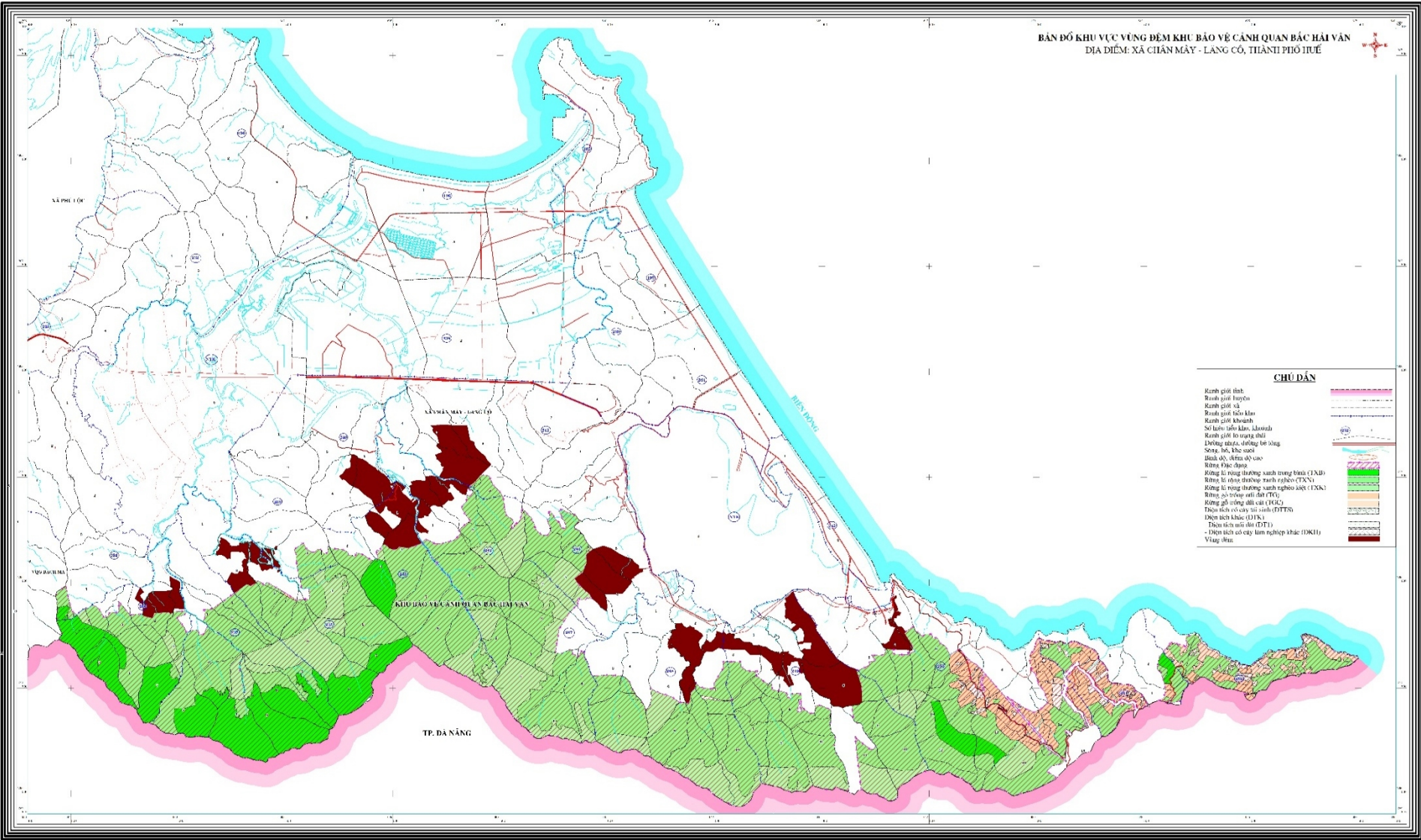
Sơ đồ 4. Bản đồ hiện trạng tài nguyên rừng khu vực thành lập Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân



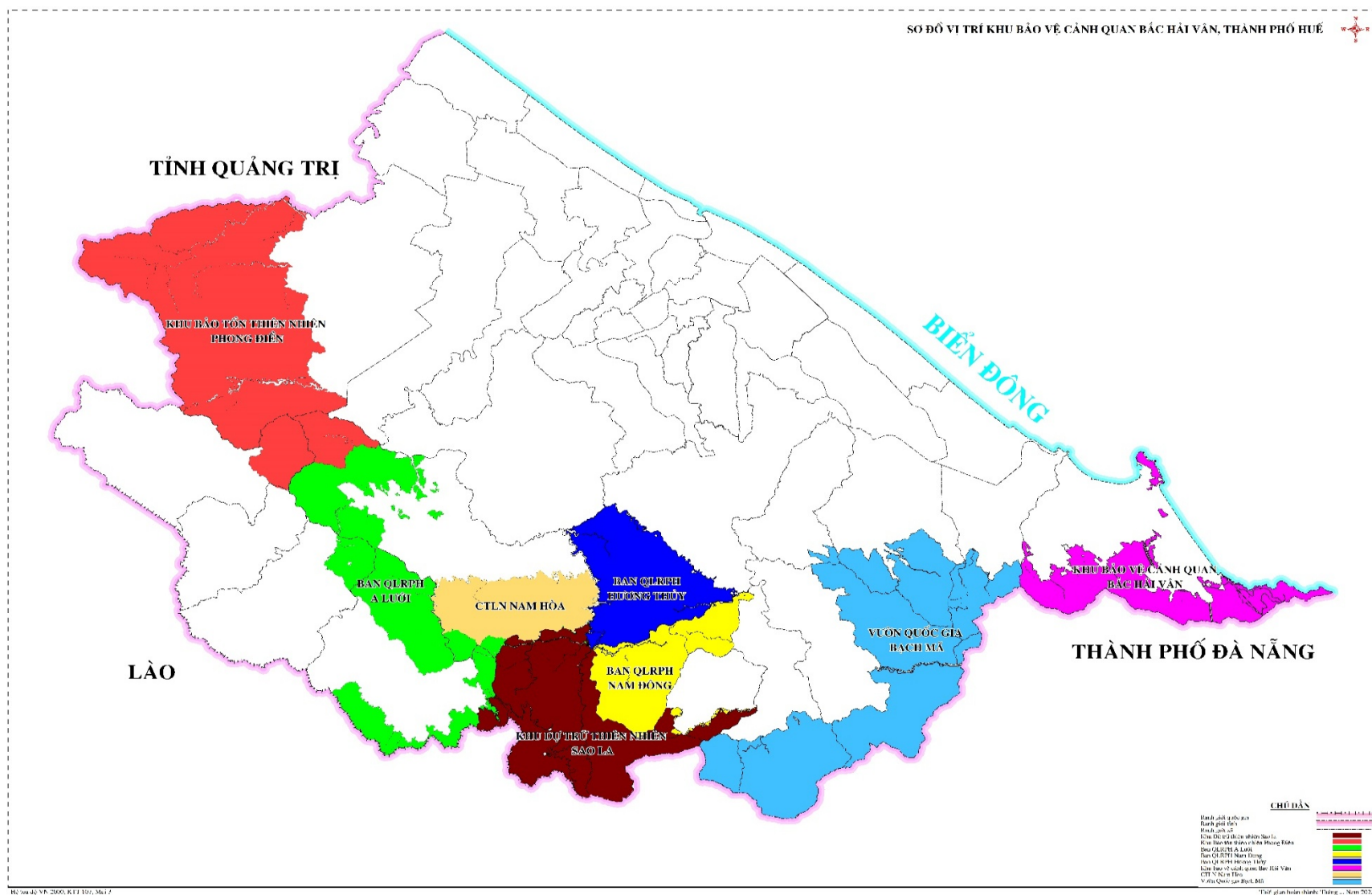
Sơ đồ 5. Bản đồ khu vực Quản lý của BQL RPH Bắc Hải Vân (sau này là BQL Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân)



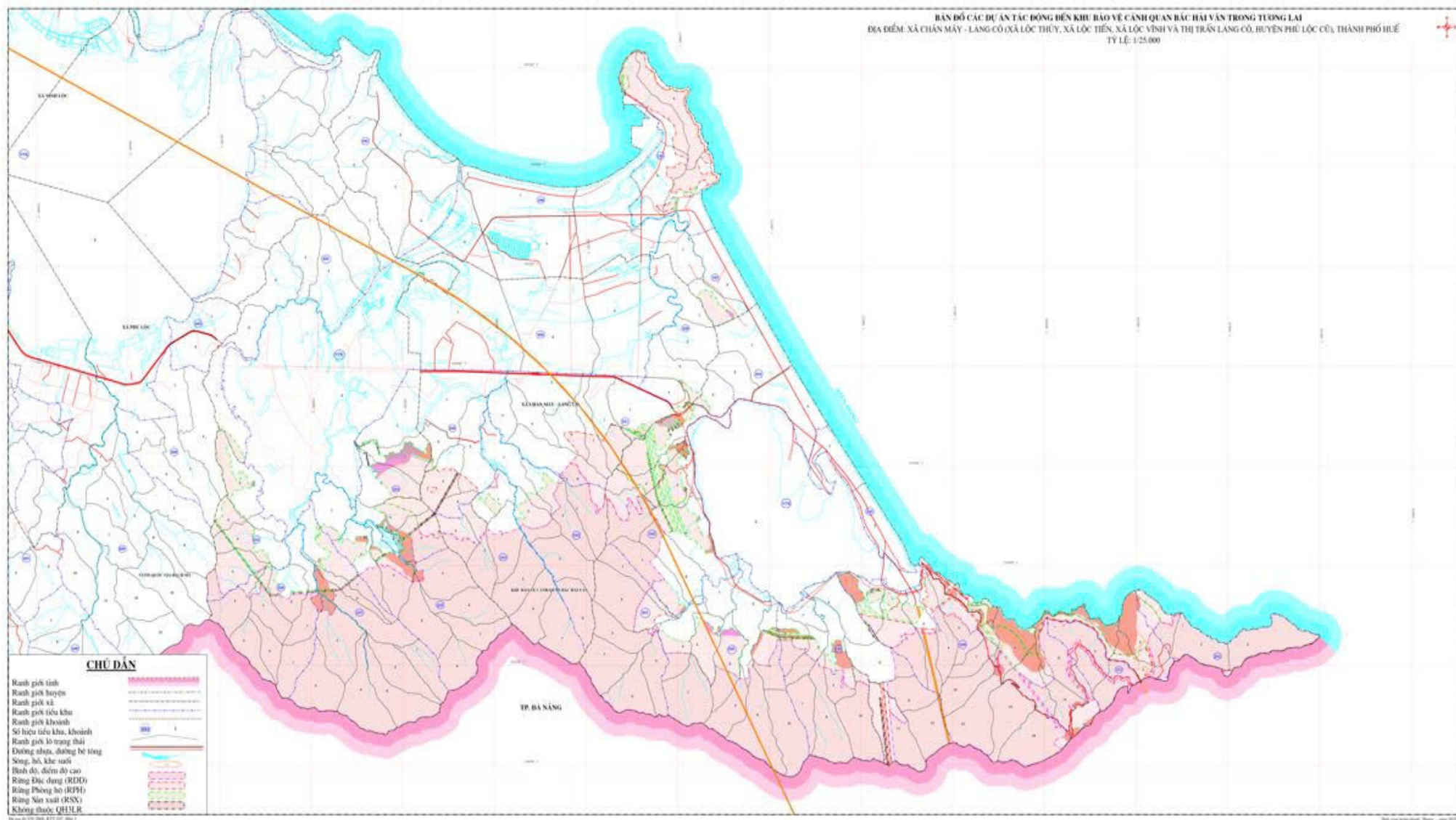
Sơ đồ 6. Sơ đồ khu vực vùng đệm Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân



Sơ đồ 7. Sơ đồ vị trí Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân



Sơ đồ 9. Bản đồ các dự án tác động đến Khu Bảo vệ cảnh quan Bắc Hải Vân trong tương lai



PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Danh mục động vật rừng trên địa phận Ban quản lý rừng phòng hộ Bắc Hải Vân

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	Chà vá chân nâu	<i>Pygathrix nemaeus</i>
2	Vượn má vàng Trung bộ	<i>Nomascus annamensis</i>
3	Sơn dương	<i>Capricornis sumatraensis</i>
4	Mang lớn	<i>Muntiacus vuquangensis</i>
5	Cu ly nhỏ	<i>Nycticebus pygmaeus</i>
6	Cầy gấm	<i>Prionodon pardicolor</i>
7	Gà Lôi trắng	<i>Lophura nychthemera</i>
8	Kỳ đà vân	<i>Varanus nebulosus (Varanus bengalensis)</i>
9	Rùa đầu to	<i>Platysternon megacephalum</i>
10	Rùa trung bộ	<i>Mauremys annamensis</i>
11	Rắn hổ chúa	<i>Ophiophagus hannah</i>
12	Trăn gấm	<i>Python reticulatus (Malayopython reticulatus)</i>
13	Trăn đất	<i>Python molurus</i>
14	Rùa sa nhân	<i>Cuora mouhotii</i>
15	Rùa bốn mắt	<i>Sacalia quadriocellata</i>
16	Rùa núi viền	<i>Manouria impressa</i>
17	Rắn hổ mang một mắt kính	<i>Naja kaouthia</i>
18	Rắn ráo trâu	<i>Ptyas mucosus</i>
19	Sóc đen	<i>Ratufa bicolor</i>
20	Sóc bay trâu	<i>Petaurista petaurista</i>
21	Chuột đá	<i>Laonastes aenigmamus</i>
22	Khỉ mặt đỏ	<i>Macaca arctoides</i>
23	Khỉ đuôi lợn	<i>Macaca leonina</i>
24	Nai	<i>Rusa unicolor</i>
25	Cheo cheo	<i>Tragulus kanchil</i>
26	Triết chỉ lưng	<i>Mustela strigidorsa</i>
27	Cầy vòi hương	<i>Paradoxurus hermaphroditus</i>
28	Cầy vòi mốc	<i>Paguma larvata</i>
29	Mèo rừng	<i>Prionailurus bengalensis</i>
30	Gà so ngực gụ	<i>Arborophila merlini</i>
31	Gà so họng hung	<i>Arborophila rufogularis</i>
32	Gà so họng trắng	<i>Arborophila brunneopectus</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
33	Gà lôi hông tía	<i>Lopura diardi</i>
34	Cú mèo la tu sơ	<i>Otus spilocephalus</i>
35	Cú mèo khoang cổ	<i>Otus bakkamoena</i>
36	Cú vọ	<i>Glaucidium cuculoides</i>
37	Cú muỗi ấn độ	<i>Caprimulgus indicus</i>
38	Diều hoa miến điện	<i>Spilornis cheela</i>
39	Diều trắng	<i>Elanus caeruleus</i>
40	Ưng ấn độ	<i>Accipiter trivirgatus</i>
41	Diều ăn ong	<i>Pernis ptilorhynchus</i>
42	Cắt lưng hung	<i>Falco tinnunculus</i>
43	Bò chao	<i>Garrulax perspicillatus</i>
44	Khướu đầu trắng	<i>Garrulax leucolophus</i>
45	Khướu bạc má	<i>Garrulax chinensis</i>
46	Chích chòe lửa	<i>Copsychus malabaricus</i>
47	Rồng đất	<i>Physignathus cocincinus</i>
48	Rắn hổ phi	<i>Naja naja</i>
49	Gà rừng	<i>Gallus gallus</i>
50	Gà nước họng trắng	<i>Rallina eurizonoides</i>
51	Cuốc ngực trắng	<i>Amaurornis phoenicurus</i>
52	Gỗ kiến nhỏ đầu xám	<i>Dendrocopos canicapillus</i>
53	Gỗ kiến nâu cổ đỏ	<i>Blythipicus pyrrhotis</i>
54	Yềng quạ	<i>Eurystomus orientalis</i>
55	Trâu đầu hung	<i>Merops orientalis</i>
56	Trâu ngực nâu	<i>M. philippinus</i>
57	Bông chanh	<i>Alcedo atthis</i>
58	Sả đầu nâu	<i>Halcyon smyrnensis</i>
59	Bắt cô trói cột	<i>Cuculus micropterus</i>
60	Tim vịt	<i>Cacomantis merulinus</i>
61	Cu cu đen	<i>Surniculus lugubris</i>
62	Tu hú	<i>Eudynamys scolopacea</i>
63	Phướn	<i>Phaenicophaeus tristis</i>
64	Bìm bịp lớn	<i>Centropus sinensis</i>
65	Yến hông xám	<i>Aerodramus germani</i>
66	Yến đuôi cứng bụng trắng	<i>Hirundapus cochinchinensis</i>
67	Yến cọ	<i>Cypsiurus balasiensis</i>
68	Yến hông trắng	<i>Apus pacificus</i>
69	Yến cằm trắng	<i>A. affinis</i>
70	Cu ngói	<i>Streptopelia tranquebarica</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
71	Cu gáy	<i>S. chinensis</i>
72	Cu luồng	<i>Chalcophaps indica</i>
73	Cu xanh mỏ quặp	<i>Treron curvirostra</i>
74	Gà ghè núi	<i>Ducula badia</i>
75	Cò trắng	<i>Egretta garzetta</i>
76	Cò bợ	<i>Ardeola bacchus</i>
77	Cò xanh	<i>Butorides striatus</i>
78	Cò ruồi	<i>Bubulcus coromandus</i>
79	Cò lửa lùn	<i>Ixobrychus sinensis</i>
80	Cò lửa	<i>I. cinnamomeus</i>
81	Vạc rừng	<i>Gorsachius melanolophus</i>
82	Đuôi cụt đầu xám	<i>Pitta soror</i>
83	Chim xanh nam bộ	<i>Chloropsis cochinchinensis</i>
84	Chim lam	<i>Irena puella</i>
85	Chim nghệ ngực vàng	<i>Aegithina tiphia</i>
86	Bách thanh mây trắng	<i>Lanius cristatus</i>
87	Bách thanh đầu đen	<i>L. schach</i>
88	Chim khách	<i>Crypsirina temia</i>
89	Chim khách đuôi cò	<i>Temnurus temnurus</i>
90	Phường chèo xám nhỏ	<i>Coracina melaschistos</i>
91	Phường chèo đỏ lớn	<i>Pericrocotus flammeus</i>
92	Phường chèo đen	<i>Hemipus picatus</i>
93	Chèo bẻo	<i>Dicrurus macrocercus</i>
94	Chèo bẻo xám	<i>D. leucophaeus</i>
95	Chèo bẻo bờm	<i>D. hottentottus</i>
96	Chèo bẻo cò đuôi chẻ	<i>D. paradiseus</i>
97	Đớp ruồi xanh gáy đen	<i>Hypothymis azurea</i>
98	Thiên đường đuôi phướn	<i>Terpsiphone paradisi</i>
99	Hoét xanh	<i>Myophonus caeruleus</i>
100	Hoét đá	<i>Monticola solitarius</i>
101	Đớp ruồi nâu	<i>Muscicapa dauurica</i>
102	Đớp ruồi họng đỏ	<i>Ficedula parva</i>
103	Đớp ruồi đầu xám	<i>Culicicapa ceylonensis</i>
104	Đớp ruồi nhật bản	<i>Cyanoptila cyanomelana</i>
105	Đớp ruồi đuôi trắng	<i>Cyornis concretus</i>
106	Đớp ruồi hải nam	<i>Cyornis hainanus</i>
107	Đớp ruồi họng hung	<i>Cyornis banyumas</i>
108	Đớp ruồi họng vàng	<i>Cyornis tickelliae</i>
109	Đớp ruồi xanh xám	<i>Eumyias thalassina</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
110	Đớp ruồi lưng vàng	<i>Ficedula narcissina</i>
111	Oanh cổ đỏ	<i>Luscinia calliope</i>
112	Oanh lưng xanh	<i>Luscinia cyane</i>
113	Oanh sườn hung	<i>Tarsiger cyanurus</i>
114	Rẻ quạt họng trắng	<i>Rhipidura albicollis</i>
115	Chích choè	<i>Copsychus saularis</i>
116	Sáo nâu	<i>Acridotheres tristis</i>
117	Sáo mỏ vàng	<i>Acridotheres cinereus</i>
118	Bạc má	<i>Parus minor</i>
119	Nhạn bụng trắng	<i>Hirundo rustica</i>
120	Nhạn bụng vàng	<i>Hirundo daurica</i>
121	Chào mào vàng mào đen	<i>Pycnonotus melanicterus</i>
122	Chào mào	<i>Pycnonotus jocosus</i>
123	Bông lau tai trắng	<i>Pycnonotus aurigaster</i>
124	Bông lau họng vạch	<i>Pycnonotus finlaysoni</i>
125	Cành cạch lớn	<i>Alophoixus pallidus</i>
126	Cành cạch đen	<i>Hypsipetes leucocephalus</i>
127	Cành cạch nhỏ	<i>Iole propinqua</i>
128	Vành khuyên nhật bản	<i>Zosterops japonica</i>
129	Hoét vàng	<i>Zoothera citrina</i>
130	Hoét bụng trắng	<i>Turdus cardis</i>
131	Hoét đen	<i>Turdus merula</i>
132	Hoét mày trắng	<i>Turdus obscurus</i>
133	Chích bông đuôi dài	<i>Orthotomus sutorius</i>
134	Chích bông cánh vàng	<i>Orthotomus atrogularis</i>
135	Chích mày lớn	<i>Phylloscopus inornatus</i>
136	Chuối tiêu mỏ to	<i>Malacocincla abbotti</i>
137	Chuối tiêu đất	<i>Trichastoma tickelli</i>
138	Hoạ mi đất ngực luộc	<i>Pomatorhinus ruficollis</i>
139	Khướu bụi đầu đen	<i>Stachyris nigriceps</i>
140	Chích chạch má vàng	<i>Macronous gularis</i>
141	Khướu mào bụng trắng	<i>Erpornis zantholeuca</i>
142	Hút mật đỏ	<i>Aethopyga siparaja</i>
143	Hút mật họng tím	<i>Cinnyris jugularis</i>
144	Bắt chuối đốm đen	<i>Arachnothera magna</i>
145	Sẻ	<i>Parus montanus</i>
146	Di cam	<i>Lonchura striata</i>
147	Chia vôi núi	<i>Motacilla cinerea</i>
148	Chia vôi trắng	<i>Motacilla alba</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
149	Chim manh vân nam	<i>Anthus hodgsoni</i>
150	Cóc nhà	<i>Duttaphrynus melanostictus</i>
151	Ếch an nam	<i>Quasipaa delacouri</i>
152	Ngóe	<i>Fejervarya limnocharis</i>
153	Ếch cua	<i>Fejervarya cancrivora</i>
154	Ếch đồng	<i>Hoplobatrachus rugulosus</i>
155	Nhái blyth	<i>Limnonectes blythii</i>
156	Ếch da ba	<i>Limnonectes dabanus</i>
157	Ếch đo ri	<i>Limnonectes doriae</i>
158	Ếch khăm muộn	<i>Limnonectes khammonensis</i>
159	Ếch lim bơ	<i>Limnonectes limborgi</i>
160	Ếch bu rê	<i>Nanorana bourreti Occidozyga laevis</i>
161	Cóc nước nhẵn	<i>Occidozyga laevis</i>
162	Cóc nước vi ta	<i>Occidozyga vittata</i>
163	Ếch gai sần	<i>Quasipaa verrucospinosa</i>
164	Nhái bén dính	<i>Hyla annectans</i>
165	Cóc mây ba na	<i>Leptobrachium banae</i>
166	Cóc mây đốm vàng	<i>Leptobrachium xanthospilum</i>
167	Cóc mây apple	<i>Leptolalax applebyi</i>
168	Cóc mây nhỏ	<i>Leptolalax cf. minimus</i>
169	Cóc mây cro xê us	<i>Leptolalax croceus</i>
170	Cóc núi an sơ	<i>Ophryophryne hansi</i>
171	Cóc mắt bên	<i>Megophrys major</i>
172	Cóc núi an sơ	<i>Megophrys palpebralespinosa</i>
173	Ễnh ương đốm	<i>Glyphoglossus guttulatus</i>
174	Cóc đốm	<i>Kalophrynus interlineatus</i>
175	Ễnh ương	<i>Kaloula pulchra</i>
176	Nhái bầu trung bộ	<i>Microhyla annamensis</i>
177	Nhái bầu vẽ	<i>Microhyla picta</i>
178	Nhái bầu vân	<i>Microhyla pulchra</i>
179	Nhái bầu bụng hoa	<i>Microhyla pulverata</i>
180	Ếch com po tric	<i>Amolops compotrix</i>
181	Ếch tám đá	<i>Amolops ricketti</i>
182	Ếch xanh	<i>Odorrana chloronota</i>
183	Ếch mõm dài	<i>Odorrana nasica</i>
184	Ếch ti an nan	<i>Odorrana tiannanensis</i>
185	Ếch mõm	<i>Odorrana absita</i>
186	Ếch bên	<i>Hylarana lateralis</i>
187	Hiu hiu	<i>Rana johnsi</i>
188	Chàng đỏ	<i>Hylarana attigua</i>
189	Chàng xanh	<i>Hylarana erythraea</i>
190	Chẫu	<i>Sylvirana guentheri</i>
191	Chàng hiu	<i>Hylarana macrodactyla</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
192	Chàng mi	<i>Hylarana montivaga</i>
193	Ếch suối	<i>Sylvirana nigrovittata</i>
194	Chàng dài bắc	<i>Hylarana taipehensis</i>
195	Ếch cây bụng đốm	<i>Kurixalus baliogaster</i>
196	Ếch cây sừng	<i>Gracixalus supercornutus</i>
197	Ếch cây đo ri	<i>Chiromantis doriae</i>
198	Nhái cây nhẵn	<i>Theloderma laeve</i>
199	Nhái cây việt	<i>Feihyla palpebralis</i>
200	Nhái cây Bà Nà	<i>Kurixalus banaensis</i>
201	Ếch cây đầu to	<i>Polypedates megacephalus</i>
202	Ếch cây trung bộ	<i>Rhacophorus annamensis</i>
203	Ếch cây sần	<i>Kurixalus appendiculatus</i>
204	Ếch cây nếp da mông	<i>Rhacophorus exechopygus</i>
205	Ếch cây óc lóp	<i>Rhacophorus orlovi</i>
206	Ếch cây sần gor đô	<i>Theloderma gordonii</i>
207	Nhông na ta li a	<i>Acanthosaura nataliae</i>
208	Ô rô cáp ra	<i>Acanthosaura capra</i>
209	Ô rô vảy	<i>Acanthosaura lepidogaster</i>
210	Nhông êm ma	<i>Calotes emma</i>
211	Nhông xám	<i>Calotes mystaceus</i>
212	Nhông xanh	<i>Calotes vericolor</i>
213	Thằn lằn bay đốm	<i>Draco maculatus</i>
214	Nhông đầu nhọn	<i>Goncephalus grandis</i>
215	Nhông cát gun tho	<i>Leiolepis guentherpetersi</i>
216	Nhông cát ri vơ	<i>Leiolepis reevesii</i>
217	Nhông việt nam	<i>Pseudocalotes brevipes</i>
218	Nhông Kon tum	<i>Pseudocalotes kontumensis</i>
219	Nhông vảy nhỏ	<i>Pseudocalotes microlepis</i>
220	Rắn roi mat	<i>Cnemaspis boulengeri</i>
221	Thạch sùng ngón côn sơn	<i>Cyrtodactylus condorensis</i>
222	Thạch sùng ngón lương văn	<i>Cyrtodactylus irregularis</i>
223	Thạch sùng ngón bốn vạch	<i>Cyrtodactylus pseudoquadrigatus</i>
224	Thạch sùng lá xiêm	<i>Dixonius siamensis</i>
225	Thạch sùng cụt	<i>Gehyra mutilata</i>
226	Tắc kè	<i>Gekko gekko</i>
227	Thạch sùng đuôi sần	<i>Hemidactylus frenatus</i>
228	Thạch sùng đuôi dẹp	<i>Hemidactylus garnotii</i>
229	Thằn lằn cụt	<i>Dibamus bourreti</i>
230	Liu điu chỉ	<i>Takydromus sexlineatus</i>
231	Thằn lằn rừng ngấp măn	<i>Emoia atrocostata</i>
232	Thằn lằn rừng ngấp măn Lào	<i>Emoia laobaoensis</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
233	Thằn lằn bóng sa pa	<i>Eutropis chapaensis</i>
234	Thằn lằn bóng đuôi dài	<i>Eutropis longicaudatus</i>
235	Thằn lằn co ri vơ	<i>Scincella reevesii</i>
236	Thằn lằn cổ dài	<i>Scincella rufocaudata</i>
237	Thằn lằn ba ngón	<i>Sphenomorphus tridigitus</i>
238	Thằn lằn tai béc mơ	<i>Tropidophorus berdmorei</i>
239	Thằn lằn tai nam bộ	<i>Tropidophorus cocincinensis</i>
240	Thằn lằn việt nam	<i>Vietnascincus rugosus</i>
241	Rắn giun tròn	<i>Typhlops diardii</i>
242	Rắn giun	<i>Cylindrophis ruffus</i>
243	Rắn rằn ri cá	<i>Acrochordus granulatus</i>
244	Rắn sãi bâu leng gơ	<i>Hebius boulengeri</i>
245	Rắn sãi	<i>Amphiesma khasiense</i>
246	Rắn sãi thường	<i>Amphiesma stolatum</i>
247	Rắn ráo bu rê	<i>Boiga bourreti</i>
248	Rắn ráo xanh	<i>Boiga dendrophila</i>
249	Rắn ráo	<i>Boiga drapiezii</i>
250	Rắn ráo quảng châu	<i>Boiga guangxiensis</i>
251	Rắn ráo	<i>Boiga kraepelini</i>
252	Rắn ráo đốm	<i>Boiga multomaculata</i>
253	Rắn mai gầm lo gi	<i>Calamaria lovii</i>
254	Rắn sọc dưa	<i>Coelognathus radiatus</i>
255	Rắn nhiều đai	<i>Cyclophiops multicinctus</i>
256	Rắn lệch đầu	<i>Lycodon multifasciatus</i>
257	Rắn sọc xanh	<i>Rhadinophis prasina</i>
258	Rắn đai ma	<i>Liopeltis frenata</i>
259	Rắn khuyết thường	<i>Lycodon capucinus</i>
260	Rắn khuyết đốm	<i>Lycodon fasciatus</i>
261	Rắn khuyết lồi	<i>Lycodon laoensis</i>
262	Rắn khuyết ít đốm	<i>Lycodon paucifasciatus</i>
263	Rắn khuyết đài loan	<i>Lycodon ruhstrati</i>
264	Rắn khuyết đai	<i>Lycodon subcinctus</i>
265	Rắn khiếm trung quốc	<i>Oligodon chinensis</i>
266	Rắn khiếm xanh	<i>Oligodon cinereus</i>
267	Rắn khiếm đuôi vòng	<i>Oligodon fasciolatus</i>
268	Rắn khiếm mu hút	<i>Oligodon mouhoti</i>
269	Rắn khiếm vạch	<i>Oligodon taeniatus</i>
270	Rắn đào văn tiến	<i>Opisthotropis daovantieni</i>
271	Rắn tran bên	<i>Opisthotropis lateralis</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
272	Rắn sọc dốm đỏ	<i>Oreocryptophis porphyraceus</i>
273	Rắn sọc đuôi to	<i>Orthriophis taeniurus</i>
274	Rắn	<i>Parahelicops annamensis</i>
275	Rắn hổ mây ngọc	<i>Pareas margaritophorus</i>
276	Rắn hổ mây mắt to	<i>Pseudoxenodon macrops</i>
277	Rắn ráo	<i>Ptyas korros</i>
278	Rắn voi	<i>Rhynchophis boulenger</i>
279	Rắn rồng trung quốc	<i>Sibynophis chinensis</i>
280	Rắn rồng cổ đen	<i>Sibynophis collaris</i>
281	Rắn hoa cân vân đen	<i>Sinonatrix percarinata</i>
282	Rắn ba cạnh	<i>Sinonatrix triangular</i>
283	Rắn cạp nia nam	<i>Bungarus cadidus</i>
284	Rắn cạp nong	<i>Bungarus fasciatus</i>
285	Rắn cạp nia bắc	<i>Bungarus multicinctus</i>
286	Rắn cạp ni sông hồng	<i>Bungarus slowinskii</i>
287	Rắn lá cỏ sọc	<i>Calliophis intestinalis</i>
288	Rắn la khô đốm nhỏ	<i>Calliophis maculiceps</i>
289	Rắn hổ mang	<i>Naja kaouthia</i>
290	Rắn lá khô thường	<i>Sinomicrurus macclellandi</i>
291	Rắn lục núi	<i>Ovophis monticola</i>
292	Rắn lục mép trắng	<i>Cryptelytrops albolabris</i>
293	Rắn lục sừng	<i>Protobothrops cornutus</i>
294	Rắn lục xanh	<i>Viridovipera stejnegeri</i>
295	Rắn lục von gen	<i>Viridovipera vogeli</i>
296	Rắn bông sừng	<i>Enhydris enhydris</i>
297	Rắn bông	<i>Enhydris innominata</i>
298	Rắn bông mê kông	<i>Enhydris subtaeniata</i>
299	Rắn hoa cỏ vàng	<i>Rhabdophis chrysargos</i>
300	Rắn hoa cỏ	<i>Rhabdophis nuchalis</i>
301	Rắn hoa cỏ nhỏ	<i>Rhabdophis subminiatus</i>
302	Rắn bông	<i>Xenopeltis unicolor</i>
303	Rùa đất speng lơ ri	<i>Geoemyda spengleri</i>
304	Ba ba trơn	<i>Pelodiscus sinensis</i>
305	Đồi	<i>Tupaia belangeri</i> (Wagner, 1841)
306	Chuột chù đuôi trắng	<i>Crocidura attenuata</i> Milne-Edwards, 1872
307	Chuột chù nhà	<i>Suncus murinus</i> (Linnaeus, 1766)
308	Dơi chó ẩn cánh dài	<i>Cynopterus sphinx</i> (Vahl, 1797)
309	Dơi quả lưởi dài	<i>Macroglossus sobrinus</i> Andersen, 1911
310	Dơi quả không đuôi lớn	<i>Megaerops niphanae</i> Yenbutra, Felten, 1983

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
311	Dơi lá đuôi	<i>Rhinolophus affinis</i> Horsfield, 1823
312	Dơi lá nam á	<i>Rhinolophus microglobosus</i> Csorba, Jenkins, 1998
313	Dơi lá péc-xôn	<i>Rhinolophus pearsonii</i> Horsfield, 1851
314	Dơi lá mũi nhỏ	<i>Rhinolophus pusillus</i> Temminck, 1834
315	Dơi nếp mũi lớn	<i>Hipposideros grandis</i> Allen, 1936
316	Dơi nếp mũi xinh	<i>Hipposideros pomona</i> K. Andersen, 1918
317	Dơi ma nam	<i>Megaderma spasma</i> (Linnaeus, 1758)
318	Dơi mũi ống tai tròn	<i>Murina cyclotis</i> Dobson, 1872
319	Dơi mũi ống lông chân	<i>Murina feae</i> (Thomas, 1891)
320	Dơi mũi nhẵn xám	<i>Kerivoula hardwickii</i> (Horsfield, 1824)
321	Sóc bay đen trắng	<i>Hylopetes alboniger</i> (Hodgson, 1836)
322	Sóc bụng đỏ	<i>Callosciurus erythraeus</i> (Pallas, 1779)
323	Sóc mõm hung	<i>Dremomys rufigenis</i> (Blanford, 1878)
324	Sóc chuột lửa	<i>Tamias rodolphii</i> (Milne-Edwards, 1867)
325	Dúi mốc lớn	<i>Rhizomys pruinosus</i> Blyth, 1851
326	Chuột su-ri	<i>Maxomys surifer</i> (Miller, 1900)
327	Chuột nhắt nhà	<i>Mus musculus</i> Linnaeus, 1758
328	Chuột hương lớn	<i>Leopoldamys edwardsi</i> (Thomas, 1882)
329	Chuột hương bé	<i>Niviventer fulvescens</i> (Gray, 1847)
330	Chuột lắt	<i>Rattus exulans</i> (Peale, 1848)
331	Chuột nhà	<i>Rattus tanezumi</i> Temminck, 1844
332	Đon	<i>Atherurus macrourus</i> (Linnaeus, 1758)
333	Nhím bờm	<i>Hystrix brachyura subcristata</i>
334	Lợn rừng	<i>Sus scrofa</i>
335	Mang thường	<i>Muntiacus muntjak</i>
336	Chồn bạc má	<i>Melogale personata</i>
337	Chồn họng vàng	<i>Martes flavigula</i>
338	Chồn đen	
339	Cầy lỏn	<i>Herpestes javanicus</i>
340	Cầy móc cua	<i>Herpestes urva</i>
341	Triết bụng vàng	<i>Mustela kathiah</i>

Phụ lục 2. Danh mục thực vật rừng trên địa phận Ban quản lý Rừng phòng hộ Bắc Hải Vân

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
1	Lan kim tuyến cỏ nhung	<i>Anoetochilus setaceus</i>
2	Re xanh phần	<i>Cinnamomum glaucescens</i>
3	Hoàng đằng	<i>Fibraurea recisa</i>
4	Sua	<i>Dalbergia tonkinensis</i>
5	Gụ lau	<i>Sindora tonkinensis</i>
6	Vù hương (Xá xị, Re hương)	<i>Cinnamomum parthenoxylon</i>
7	Dương xỉ gỗ	<i>Cyathea contaminans</i> (Wall. ex Hook.) Copel.
8	Thiên tuế; Tuế lược	<i>Cycas pectinata</i> Buch. - Ham.
9	Thạch học cánh răng	<i>Dendrobium devonianum</i> Paxton
10	Hoàng thảo lá kim	<i>Dendrobium acerosuk</i> Lindl
11	Chân rết lá xanh, lan chân rết lá nhọn	<i>Dendrobium acinaciforme</i> Roxb
12	Hoàng thảo Albay	<i>Dendrobium albayense</i> Ames
13	Thạch học lô hội	<i>Dendrobium aloifolium</i> (Blume) Reichb. f.
14	Thạch học vàng ánh	<i>Dendrobium chrysotoxum</i> Lindl.
15	Nhất điểm hồng	<i>Dendrobium draconis</i> Reichb
16	Hương duyên, Hoàng thảo cuộn	<i>Dendrobium ellipsophyllum</i> T. Tang
17	Thạch đậu sợi	<i>Bulbophyllum fibratum</i> (Gagnep.) Seidenf.
18	Thạch đậu san hô	<i>Bulbophyllum corallinum</i> Tixier et Guillaum.
19	Kiều lam từ cô; Kiều lam	<i>Calanthe alismaefolia</i> Lindl.
20	Mật khẩu miến điện; Nhục lan miến	<i>Cleisostoma birmanicum</i> (Schlechter) Garay
21	Lan kiếm; Đoản kiếm lô hội;	<i>Cymbidium aloifolium</i> (L.) Sw.
22	Lan bích ngọc	<i>Cymbidium dayanum</i> Rchb.f.
23	Lan cô lý; Vĩ lan; Liên thiết trung quốc	<i>Collabium chinense</i> (Rolfe) Tang & Chen
24	Lan hoa ống	<i>Corymborkis veratrifolia</i> (Reinw.) Blume
25	Lan gừng	<i>Cymbidium aloifolium</i> (L.) Sw.
26	Lọng lá đài tù; Cầu hành tà	<i>Cirrhopetalum retusiusculum</i> (Reichb. f.) Hemsl.
27	Lọng tán	<i>Cirrhopetalum umbellatum</i> (Forst.) Hook. & Arn.
28	Giải thủy tợ; Kim tuyến tợ; Lan nhung sét	<i>Anoetochilus setaceus</i> Blume
29	Lan trúc; Sậy lan; Lan trúc lá tre	<i>Arundina graminifolia</i> (D. Don.) Hochr.
30	Ô rô nước; Ô rô to	<i>Acanthus ilicifolius</i> L.
31	Đẳng thiết không gai	<i>Isoglossa inermis</i> (R.Ben) B. Hans.
32	Dóng xanh; Thường sơn trắng	<i>Justicia ventricosa</i> Wall.
33	Nhụy thập yếu	<i>Staurogyne debilis</i> (T. Anders.)
34	Dương đào lá rộng; Kiwi đại	<i>Actinidia latifolia</i> (Gardn. & Champ.) Merr.

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
35	Quan âm tọa tiên	<i>Angiopteris evecta</i> (G. Forst.) Hoffm.
36	Móng ngựa cọ	<i>Angiopteris palmaeformis</i> (Cav.) C. Chr.
37	Tổ điều thật	<i>Asplenium nidus</i> L.
38	Sam biển ; Cỏ tam khôi	<i>Trianthema portulacastrum</i> L.
39	Thôi ba	<i>Alangium chinense</i> (Luor.) Harms.
40	Nang; Quăng	<i>Alangium ridleyi</i> King
41	Cỏ xước; Cỏ mây; Ngưu tất nam	<i>Achyranthes aspera</i> L.
42	Dệu; Rauệu; Rau diếp bò	<i>Alternanthera sessilis</i> (L.) A. DC.
43	Dền gai; Rau dền gai	<i>Amaranthus spinosus</i> L.
44	Mào gà đỏ	<i>Celosia argentea</i> L. var. <i>cristata</i> (L.) Kuntze
45	Cỏ xước dại; Đơn đỏ gọng	<i>Cyathula prostrata</i> (L.) Blume
46	Bách nhật đất; Nở ngày đất	<i>Gomphrena celosioides</i> Mart.
47	Náng hoa đỏ	<i>Crinum</i> spp.
48	Giâu gia xoan; Sơn cóc	<i>Allospondias lakonensis</i> (Pierre) Stapf.
49	Chây xiêm	<i>Buchanania siamensis</i> Miq.
50	Sầu; Sầu trắng; Long cóc	<i>Dracontomelon duperreanum</i> Pierre
51	Sơn xa; Tân quả tất	<i>Drimycarpus racemosus</i> (Roxb.) Hook. f.
52	Xoài	<i>Mangifera indica</i> L.
53	Sơn huyết	<i>Melanorrhoea laccifera</i> Pierre
54	Sưng mạng	<i>Semecarpus reticulata</i> Lecomte
55	Cóc rừng; Cóc chua	<i>Spondias pinnata</i> (L. f.) Kurz
56	Trung quân nam bộ	<i>Ancistrocladus cochinchinensis</i> Gagnep.
57	Nê; Na biển; Bình bát nước	<i>Annona glabra</i> L.
58	Bát dài trung bộ	<i>Cyathocalyx annamensis</i> Ast
59	Hoa giẻ thơm; Nổi côi	<i>Desmos chinensis</i> Lour.
60	Hoa giẻ gân mờ; Giẻ núi đỉnh	<i>Desmos dinhensis</i> (Pierre ex Fin. & Gagnep.)
61	Nhọc trái khớp lá mác	<i>Enicosanthellum petelotii</i> (Merr.) Ban
62	Dủ dẻ trâu	<i>Melodorum fruticosum</i> Lour.
63	Tháp hình harmand	<i>Orophea harmandiana</i> Pierre
64	Nhọc sần	<i>Polyalthia consanguinea</i> Merr.
65	Quân đầu nhỏ; Quân đầu trung	<i>Polyalthia modesta</i> Fin. & Gagnep.
66	Giả bồ đông dương	<i>Pseuduvaria indochinensis</i> Merr.
67	Bù dẻ trườn; Bồ quả trái nhỏ	<i>Uvaria microcarpa</i> Champ. ex Benth.
68	Dền đỏ	<i>Xylia vielana</i> Pierre ex Fin. & Gagnep.
69	Rau má, xà lách dây	<i>Centella asiatica</i> (L.) Urb.
70	Hoa sữa; Mò cua; Mồng cua	<i>Alstonia scholaris</i> (L.) R. Br.

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
71	Sữa lá bàng; Mò Cua nước; Móp	<i>Alstonia spathulata</i> Blume
72	Ngôn Reinwardt; Dây sen; Mạ ren	<i>Alyxia reinwardtii</i> Blume
73	Hũng hoa to; Dái hoẵng hoa to	<i>Beaumontia grandiflora</i> (Roxb.) Wall.
74	Muróp sát	<i>Cerbera manghas</i> L.
75	Bên bai	<i>Hunteria zeylanica</i> (Retz.) Gard. ex Thwaites
76	Cóp Pitard; Trang nam	<i>Kopsia cochinchinensis</i> Kuntze
77	Ba gác lá to; Ba gác cam bột	<i>Rauvolfia cambodiana</i> Pierre ex Pitard
78	Ba gác lá nhỏ; Huỳnh cầm núi	<i>Rauvolfia micrantha</i> Hook. f.
79	Sừng dê; Sừng trâu hoa vàng	<i>Strophanthus divaricatus</i> (Lour.)
80	Lài trâu; Ốt làn lá nhỏ	<i>Tabernaemontana bovina</i> Lour.
81	Lài trâu choải; Ly choải; Ly lá nhỏ	<i>Tabernaemontana bufalina</i> Lour.
82	Lài trâu dài to; Lài trâu nhẵn	<i>Tabernaemontana crispa</i> Roxb. ex Wall.
83	Lài trâu hạt; Lài mụt; Ly mụt	<i>Tabernaemontana granulosa</i> Piard
84	Lài trâu ít hoa; Ly núi đỉnh	<i>Tabernaemontana pauciflora</i> Blume
85	Lòng mức ngò; Lòng mức hoa đỏ	<i>Wrightia dubia</i> (Sims) Spreng.
86	Bùi trung bộ	<i>Ilex annamensis</i> Tardieu
87	Bùi sa pa; Bùi trái to	<i>Ilex chapaensis</i> Merr.
88	Bùi kon tum	<i>Ilex confertiflora</i> Merr.
89	Bùi lông phún	<i>Ilex hirsuticarpa</i> Tardieu
90	Bùi liễu	<i>Ilex salicina</i> Hand.-Mazz.
91	Ráy tai lá dài; Ráy mũi	<i>Alocasia longiloba</i> Miq.
92	Ráy	<i>Alocasia macrorrhizosn</i> (L). G. Don
93	Nưa bắc bộ	<i>Amorphophallus tonkinensis</i> Engl. & Gehrm.
94	Môn Balansa; Thiên nam tinh	<i>Arisaema balansae</i> Engl.
95	Thiên niên kiện, sơn thực	<i>Homalomena occulta</i> (Lour) , Schott
96	Ráy leo; Ráy bò; Com ninh	<i>Pothos repens</i> (Lour.) Druce
97	Trâm đài	<i>Rhaphidophora</i> sp.
98	Đoạn thiết	<i>Schismatoglottis cadieri</i> S. Buchet & Gagnep.
99	Môn dóc; Môn vót	<i>Schismatoglottis calyptrata</i> Zoll. ex Mor.
100	Dây bá thường xuân	<i>Scindapsus hederaceus</i> (Zoll. & Moritzi) Miq.
101	Đinh lăng gai; Đon châu châu; Rau gai	<i>Aralia armata</i> (Wall. ex G. Don) Seem.
102	Tung trắng; Dị sâm thơm; Sâm thơm	<i>Heteropanax fragrans</i> (Roxb. ex G. Don)
103	Ngũ đinh thơm; Thạch giáp sâm	<i>Pentapanax fragrans</i> (D. Don) Ha
104	Chân chim núi; Chân chim petelot	<i>Schefflera petelotii</i> Merr.
105	Chân chim ba lá bắc; Chân chim to	<i>Schefflera tribracteolata</i> Bui
106	Đoác; Báng; Búng báng	<i>Arenga pinnata</i> (Wurmb) Merr.
107	Mây sáp; Mây cát; Mây chỉ	<i>Calamus dioicus</i> Lour.

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
108	Mây đắng; Mây bắc bộ	<i>Calamus walkeri</i> Hance
109	Đùng đình	<i>Caryota mitis</i> Lour.
110	Lá buông	<i>Corypha leicomtei</i> Becc.
111	Mây rút; Mây nước	<i>Daemonorops jenkinsiana</i> (Griff.) Mart.
112	Lá nón Bạch mã	<i>Licuala bachmaensis</i> Henderson
113	Lá nón	<i>Licuala centralis</i> Henderson, Ban & Dung
114	Lá nón cuống không gai	<i>Licuala</i> sp.
115	Chà là nhỏ; Muồng muồng	<i>Phoenix loureiri</i> Kunth. var. <i>humilis</i>
116	Mật cật; Hèo cảnh	<i>Rhapis excelsa</i> (Thunb.) Henrry ex Rehd.
117	Son dịch Petelot	<i>Aristolochia petelotii</i> A.C. Sm.
118	Son dịch; Dây khố rách; Mã đậu linh	<i>Aristolochia tagala</i> Champ. et Schl.
119	Song ly nhọn; Mộc tiền nhọn	<i>Dischidia acuminata</i> Cost.
120	Hồ đa; Cẩm cù	<i>Hoya</i> spp.
121	Hà thủ ô nam; Hà thủ ô trắng	<i>Streptocaulon juvenas</i> (Lour.) Merr.
122	Thiên môn đông; Dây tóc tiên	<i>Asparagus cochinchinensis</i> (Lour.) Merr.
123	Cỏ cứt lợn; Cỏ hôi	<i>Ageratum conyzoides</i> L.
124	Đơn buốt; Quỷ trầm thảo; Râu bộ binh	<i>Bidens pilosa</i> L.
125	Rau tàu bay	<i>Crassocephalum crepidioides</i> (Benth.)
126	Cỏ mực; Nhọ nôi;	<i>Eclipta prostrata</i> (L.) L.
127	Cỏ lào; Bóp bóp; Chó đẻ; Yên bạch	<i>Eupatorium odoratum</i> L.
128	Kim thất bodinier; Cỏ tàu bay	<i>Gynura pseudo-china</i> (L.) DC.
129	Sa sâm nam	<i>Launaea sarmentosa</i> (Wild.) Sch.
130	Cúc áo	<i>Spilanthus acmella</i> (L.) Merr.
131	Cúc bạc đầu nâu; Dạ hương ngưu	<i>Vernonia cinerea</i> (L.) Less.
132	Sài đất, Cúc nháp, Ngổ núi, Húng trám	<i>Wedelia chinensis</i> (Osbeck) Meer.
133	Bóng nước; Móc tai chìa khóa	<i>Impatiens claviger</i> Hook.f.
134	Thu hải đường đốm	<i>Begonia guttata</i> Dryand
135	Rà đẹt Eberhardt	<i>Radermachera eberhardtii</i> Dop.
136	Xạ đen, Dót	<i>Ehretia asperula</i> Zoll. et Moritzi.
137	Bọ chó; Cây mường núi; Búp lẹ	<i>Buddleja asiatica</i> Lour.
138	Trám trắng; Cà na trắng	<i>Canarium album</i> (Lour.) Raeusch
139	Trám lá nhỏ; Trám chim; Búi	<i>Canarium parvum</i> Leenh.
140	Xương rồng bà gai; Vợt gai	<i>Opuntia dillenii</i> (Ker-Gawl.) Haw.
141	Móng bò càng cua	<i>Bauhinia carcinophylla</i> Merr.
142	Móng bò xanh lục; Quạch xanh; Da cá	<i>Bauhinia viridescens</i> Desv.
143	Vang xoan; Giềng giềng; Móc mèo	<i>Caesalpinia crista</i> L.

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
144	Nính	<i>Crudia chrysantha</i> (Pierre) K. Schum
145	Mót sp.	<i>Cynometra</i> sp.
146	Lim xanh; Lim	<i>Erythrophleum fordii</i> Oliv.
147	Lim xẹt; Lim sét; Trắc vàng	<i>Peltophorum pterocarpum</i> (DC.
148	Muồng đen; Muồng xiêm	<i>Senna siamea</i> (Lamk.) Irwin & Barneby
149	Cáp hàng rào	<i>Capparis sepiara</i> L.
150	Bún, Co cụm, Búng	<i>Crateva magna</i> (Lour). DC
151	Trứng cuốc; Con go; Mắc năm ngoa	<i>Stixis scandens</i> Lour.
152	Kim ngân lá to; Kim ngân hildebran	<i>Lonicera hildebrandica</i> Coll. & Hemsl.
153	Dây gỏi sp.	<i>Celastrus</i> sp.
154	Chân danh nón; Chân danh mũ	<i>Euonymus mitratus</i> Pierre
155	Chân danh đỏ	<i>Euonymus rubescens</i> Piard
156	Xâm cánh trung bộ	<i>Glyptopetalum annamense</i> Tardieu
157	Xâm cánh poilane	<i>Glyptopetalum poilanei</i> Tardieu
158	Xâm cánh thorel	<i>Glyptopetalum thorelii</i> Piard
159	Lão châu bắc bộ	<i>Gymnosporia tonkinensis</i> Pitard
160	Chóc máu	<i>Salacia</i> sp.
161	Rum Trung bộ	<i>Poikilospermum annamense</i> Merr.
162	Sói rừng, Sói nhẵn	<i>Chloranthus glabra</i> (Thunb.) Nakai
163	Mù u; Hồ đồng	<i>Calophyllum inophyllum</i> L.
164	Cồng Xương cá; Cồng da;	<i>Calophyllum membranaceum</i>
165	Cồng mù u; Xoài rừng	<i>Calophyllum thorelii</i> Pierre
166	Dọc	<i>Garcinia multiflora</i> Champ.
167	Bứa lá thuôn; Bứa rừng	<i>Garcinia oblongifolia</i> Champ. ex Benth
168	Bứa núi	<i>Garcinia oliveri</i> Pierre
169	Bàng	<i>Terminalia catappa</i> L.
170	Kha tử; Chiều liêu hồng	<i>Terminalia chebula</i> Retz
171	Đỗ nhược hoa chùm xim; Bôn dày;	<i>Polia thyrsiflora</i> (Blume) Endl & Hassk.
172	Dây trường khế, Dây khế; Vấp cây	<i>Cnestis palala</i> (Lour.) Merr.,
173	Lốp bóp; Mồng gà; Độc chó	<i>Connarus cochinchinensis</i> (Baill.) Pierre
174	Dây khế lá nhỏ; Dây lửa lá trinh nữ	<i>Rourea mimosoides</i> (Vahl.) Planch.
175	Tỏi đá, Trứng nhện,	<i>Aspidistra</i> sp
176	Cao cẳng; Xà thảo bò	<i>Ophiopogon reptans</i> Hook. f.
177	Sâm cau; Sâm mây; Huệ đá	<i>Peliosanthes teta</i> Andr.
178	Bạc thau lông mềm; Thảo bạc che	<i>Argyreia mollis</i> (Burm. f.) Choisy
179	Bìm đại; Bìm lá mác	<i>Ipomoea maxima</i> (L. f.) G. Don in Sweet
180	Rau muống biển; Bìm chân dê; Mã đề thảo	<i>Ipomoea pes-caprae</i> (L.) R. Br.

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
181	Tóc tiên; Dây tóc tiên; Dương leo	<i>Ipomoea quamoclit</i> L.
182	Bìm ba thù; Bìm bìm ba thù	<i>Ipomoea triloba</i> L.
183	Bìm eberhardt; Bìm hoa trắng	<i>Merremia eberhardtii</i> (Gagnep) N. T. Nhan
184	Bìm bôi; Bìm bìm lá to; Bìm hoa vàng	<i>Merremia boisiana</i> (Gagnep.) Ooststr.
185	Mía dò	<i>Costus speciosus</i> (Koenig) Smith
186	Thuốc bỏng	<i>Kalanchoe pinnata</i> (Lam.) Pers.
187	Giao cổ lam	<i>Gynostemma pentaphyllum</i> (Thumb.) Makino
188	Thiên tuế; Tuế lược	<i>Cycas pectinata</i> Buch. - Ham.
189	Hải kim lá thông; Cỏ họ tròn	<i>Halodule pinifolia</i> (Miki) Hartog
190	A tràng dạng kén	<i>Dichapetalum gelonoides</i> (Roxb.) Engl.
191	Lông cu li	<i>Cibotium barometz</i> (L.) J. Sm.
192	Sở bông vụ; Lọng tía; Sở hoa lớn	<i>Dillenia turbinata</i> Fin. & Gagnep.
193	Chặc chiu; U chặc chiu; Dây chiều	<i>Tetracera scandens</i> (L.) Merr.
194	Nần gừng	<i>Dioscorea dissimulans</i> Prain et Burkill
195	Củ mài; Hoài sơn; Khoai núi	<i>Dioscorea persimilis</i> Prain et Burkill
196	Vên vên nhẵn; Vên vên trắng; Vên vên xanh	<i>Anisoptera costata</i> Korth.
197	Táu; So chai; Sến so chai; Chò; Chò chay	<i>Hopea recopei</i> Pierre
198	Phất đủ hẹp; Bồng bồng	<i>Dracaena angustifolia</i> Roxb.
199	Huyết giác; Trâm dừa	<i>Dracaena cambodiana</i> Pierre ex Gagnep.
200	Lọ nghẹ; Thị đen	<i>Diospyros apiculata</i> Hieron .
201	Thị lông vàng	<i>Diospyros pilosulla</i> (A. DC) Wall.
202	Thị hồng; Thị tuyến	<i>Diospyros roxburghii</i> Carr.
203	Nhót đại	<i>Elaeagnus conferta</i> Roxb.
204	Nhót chồi	<i>Elaeagnus fruticosa</i> (Lour.) A. Chev.
205	Côm trâu; Côm nhiều hoa; Hồng trâu	<i>Elaeocarpus floribundus</i> Blume
206	Côm lá kèm; Côm lá bẹ; Chan chan	<i>Elaeocarpus stipularis</i> Blume
207	Xương cá; Côm cánh trụi; Côm lá to	<i>Elaeocarpus sylvestris</i> (Lour.) Poir. in Lamk.
208	Son trâm jevidal	<i>Vaccinium jevidalianum</i> Smitin. & Phamh.
209	Đom đóm; Bọ nẹt lá bầu dục; Sói đại	<i>Alchornea rugosa</i> (Lour.) Muell.-Arg.
210	Chòi mòi trắng; Chòi mòi chùm ngắn	<i>Antidesma gracile</i> Hemsl.
211	Tai ghé đuôi to	<i>Aporosa macrostachya</i> (Tul.)
212	Giâu gia quả nhọn; A luan sa coi	<i>Baccaurea oxycarpa</i> Gagnep.
213	Giâu gia đất; Dầu tiên	<i>Baccaurea ramiflora</i> Lour.
214	Nhội; Nhội tía; Bích hợp; Sô trang	<i>Bischofia javanica</i> Blume
215	Bồ cu vẽ; Dé bụi; Đỏ đọt	<i>Breynia fruticosa</i> (L.) Hook. f.
216	Dé lớn bông	<i>Breynia grandiflora</i> Beille

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
217	Thầu mật balansae; Đóm balansae; Thỏ mật gai	<i>Bridelia balansae</i> Tutcher
218	Thầu mật đen; Đóm lông; Bi điền đồng chu	<i>Bridelia monoica</i> (Lour.) Merr.
219	Thầu mật trứng; Bi điền xoan; Thỏ mật xoan	<i>Bridelia ovata</i> Decne.
220	Lộc mai ấn; Mọ trắng	<i>Claoxylon indicum</i> (Reinw. ex Blume)
221	Cù đèn bắc bộ; Khổ sâm	<i>Croton tonkinensis</i> Gagnep.
222	Cỏ sữa lá lớn; Cỏ sữa lông	<i>Euphorbia hirta</i> L.
223	Cỏ sữa đất; Thiên căn thảo	<i>Euphorbia thymifolia</i> L.
224	Giá; Chá; Trà mủ	<i>Excoecaria agallocha</i> L.
225	Bột ếch biển; Trâm bột	<i>Glochidion littorale</i> Bt.
226	Bột ếch trung; cơm nguội; Sóc nam	<i>Glochidion pilosum</i> (Lour.) Merr.
227	Khổng; Mạc thư	<i>Koiloceras longifolium</i> Hook. f
228	Bục trắng; Ba bét trắng; Bùm bực; Bùng bực	<i>Mallotus apelta</i> (Lour.) Muell. - Arg.
229	Ba bét hoa nhiều; Ruối trung bộ; Bạch đàn	<i>Mallotus floribundus</i> (Blume) Muell. - Arg.
230	Ba bét nâu; Bục nâu; Ruối mềm; Bục quả thầu dầu	<i>Mallotus mollissimus</i> (Geisel.) Airy-Shaw
231	Bục bạc; Ba bét nam bộ; Bùng bực nâu	<i>Mallotus paniculatus</i> (Lamk.) Muell. - Arg.
232	Ba bét lông; Ruối lông	<i>Mallotus peltatus</i> (Geisel.) Muell.-Arg.
233	Hắc lân nhiều tuyến	<i>Melanolepis multiglandulosa</i>
234	Chó đẻ thân xanh; Diệp hạ châu đắng	<i>Phyllanthus amarus</i> Schum.
235	Me phú quốc; Diệp hạ châu phú quốc	<i>Phyllanthus phuquocensis</i> Beille
236	Phèn đen	<i>Phyllanthus pireyi</i> Beille
237	Me phốt đỏ; Diệp hạ châu đo đỏ	<i>Phyllanthus rubescens</i> Beille
238	Me đà nẵng; Xong lụi tía; Diệp hạ châu đà nẵng	<i>Phyllanthus touranensis</i> Beille
239	Sòi tía; Sòi bạc; Tô đô đặng	<i>Sapium discolor</i> (Champ. ex Benth.)
240	Rau ngót; Bồ ngót; Bù ngót	<i>Sauropus androgynus</i> (L.) Merr.
241	Mòng sa; Mí mắt; Rau mĩ chính; Bông bầy	<i>Strophoblachia fimbriata</i> Beoerl.
242	Cam thảo dây; Cườm thảo; Dây cườm cườm	<i>Abrus precatorius</i> L.
243	Dây bánh nem	<i>Bowringia callicarpa</i> Champ. ex Benth,
244	Lục lạc ba lá tròn; Sục sặc sọc;	<i>Crotalaria pallida</i> Ait.
245	Trắc hoa nhỏ	<i>Dalbergia parviflora</i> Roxb.
246	Trắc dây; Trắc cựa gà;	<i>Dalbergia rimosa</i> Roxb.
247	Dây mật; Cỏ rùa; Dây duối cá	<i>Derris elliptica</i> (Roxb.) Benth.
248	Cóc kèn; Cóc kèn nước;	<i>Derris trifoliata</i> Lour.
249	Thàn mát chính; Mát chánh	<i>Millettia principis</i> Gagnep.
250	Kê huyết đằng	<i>Millettia reticulata</i> Benth.

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
251	Đậu mèo quả to; Móc mèo quả to	<i>Mucuna macrocarpa</i> Wall.
252	Ràng ràng quả dày; Cây xe	<i>Ormosia fordiana</i> Oliv.
253	Ràng ràng xanh; Chàng ràng; Răng	<i>Ormosia pinnata</i> (Lour.) Merr.
254	Ràng ràng campuchia	<i>Placolobium cambodianum</i> (Gagnep.)
255	Bánh dày; Khổ sâm hoa	<i>Pongamia pinnata</i> (L.) Merr.
256	Sắn dây rừng; Đậu ma núi	<i>Pueraria montana</i> (Lour.)
257	Tràng quả cánh, Đậu cổ bình, Mũi mác	<i>Tadehagi triquetrum</i> (L.) Ohashi
258	Đuôi chồn quả đen; Đuôi chó; Hầu vĩ tóc	<i>Uraria crinita</i> (L.) Desv. ex DC.
259	Dẻ gai lá nhọn; Kha thụ hải vân	<i>Castanopsis acuminatissima</i> (Blume)
260	Kha thụ trung bộ; Kha thụ việt; Ko ko nam	<i>Castanopsis annamensis</i> Hickel & A. Camus
261	Dẻ gai sa pa; Kha thụ sa pa	<i>Castanopsis chapaensis</i> Luong
262	Dẻ gai; Cà ổi lá nhẵn; Cà ổi trung hoa	<i>Castanopsis chinensis</i> (Spreng.) Hance
263	Cà ổi ấn độ; Dẻ gai ấn độ;	<i>Castanopsis indica</i> (Roxb.) A. DC.
264	Dẻ bộp; Kha thụ pierre	<i>Castanopsis pierrei</i> Hance
265	Cà ổi gai chổng; Kha thụ tật lê	<i>Castanopsis tribuloides</i> (Smith) A. DC.
266	Dẻ cành mảnh	<i>Lithocarpus aggregatus</i> Barntt
267	Dẻ núi dinh; Sồi đá núi dinh; Sồi dẻ	<i>Lithocarpus dinhensis</i> (Hickel & A. Camus)
268	Dẻ hải vân; Dẻ gai	<i>Lithocarpus nebulareum</i> A. Camus
269	Sồi nhọn; Sồi tằm; Sồi mộc châu; Mai ko khô	<i>Quercus acutissima</i> Carruth.
270	Mùng quân núi; Hồng quân núi	<i>Flacourtia montana</i> Grah.
271	Chà ran sến; Sến trung	<i>Homalium hainanense</i> Gagnep.
272	Chà ran petelot	<i>Homalium petelotii</i> Merr.
273	Bôm tàu; Gai bôm; Bôm bà	<i>Scolopia chinensis</i> (Lour.) Clos
274	Bôm gai	<i>Scolopia spinosa</i> (Roxb.) Warb.
275	Mây vọt; mây nước	<i>Flagellaria indica</i> L.
276	Má đào nhọn	<i>Aeschynanthus acuminata</i> Wall.
277	Cây Rita ngái, Tai voi ngái	<i>Chirita aratformis</i> D. Wood.
278	Cây Rita Eberhardt, Tai voi Eberhardt	<i>Chirita eberhardtii</i> Pell.
279	Cây Tai Voi	<i>Microchirita lavandulaceae</i> (Stapf)
280	Guột; Vọt; Tế thường	<i>Dicranopteris linearis</i> (Burm. f.) Underw.
281	Dây gắm	<i>Gnetum indicum</i> Merr.
282	Dây gắm lá rộng	<i>Gnetum latifolium</i> Blume
283	Hếp	<i>Scaveola taccada</i> (Geartn.) Roxb.
284	Ái diêm xoan; Cỏ xoan; Rong lá vả	<i>Halophila ovalis</i> (R. Br.) Hook. f.
285	Cỏ bò biển; Cỏ vích; Hải dương thảo	<i>Thalassia hemprichii</i> (Ehrenb.) Aschers
286	Thành ngạnh nam; Lành ngạnh hôi	<i>Cratoxylum cochinchinense</i> (Lour.) Blume

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
287	Thành ngạnh đẹp; Thành ngạnh đài loan	<i>Cratoxylum formosum</i> (Jack)
288	Thành ngạnh; Đỏ ngọn; Mạy tiên	<i>Cratoxylum pruniflorum</i> (Kurz) Kurz
289	Thành ngạnh lá hẹp	<i>Cratoxylum sumatranum</i> (Jack)
290	Ban lá dĩnh	<i>Hypericum sampsonii</i> Hance
291	Cò nóc trung bộ	<i>Curculigo annamitica</i> Gagnep.
292	Bỏ béo bốn nhị; Tiết hùng nam	<i>Gomphandra tetrandra</i> (Wall.) Sleum.
293	Cuống vàng; Thụ đào poilane	<i>Gonocaryum lobbianum</i> (Miers.) Kurz
294	Đát nhọn	<i>Ixonanthes cuneata</i> Miq.
295	Đát nam; Dân cóc; Hà nu	<i>Ixonanthes reticulata</i> Jack
296	Chẹo có răng	<i>Engelhardtia serrata</i> Blume
297	Mè đất nhám; Húng cay	<i>Leucas aspera</i> Spreng
298	Cò cò; Ngổ rừng; Tu hùng tai	<i>Pogostemon auricu-larius</i> (L.) Hassk.
299	Bộp lông; Đầu màu; Bò đệt	<i>Actinodaphne pilosa</i> (Lour.) Merr.
300	Quế trên; Trên trên	<i>Cinnamomum burmannii</i>
301	Quế ô đước; Re hoa trắng	<i>Cinnamomum curvifolium</i> (Lour.) Nees
302	Re lông chim	<i>Cinnamomum subpenninervium</i>
303	Cà đuối trắng; Mò sắt	<i>Cryptocarya ferrea</i> Blume
304	Cà đuối nhuộm; Cà đuối lá tà; Mò lá tù	<i>Cryptocarya infectoria</i> (Blume) Miq.
305	Ô đước meisner; Liên đàn meisner	<i>Lindera meisneri</i> King ex Hook. f.
306	Bời lời gân chéch; Bời lời gân nhọn	<i>Litsea acutivena</i> Hayata
307	Bời lời clemem	<i>Litsea clemensii</i> Allen
308	Màng tang; Bời lời chanh	<i>Litsea cubeba</i> (Lour.) Pers.
309	Bời lời nhót	<i>Litsea glutinosa</i> (Lour.) C.B. Robins.
310	Bời lời dao	<i>Litsea iteodaphne</i> (Nees) Hook. f.
311	Bời lời xen	<i>Litsea lancifolia</i>
312	Bời lời bao hao đơn; Mò giấy	<i>Litsea monopetala</i> (Roxb.) Pers.
313	Bời lời (lá mọc) vòng; Bời lời cuống ngắn	<i>Litsea verticillata</i> Hance
314	Bời lời xanh	<i>Litsea viridis</i> Liou
315	Kháo hoa nhỏ; Kháo hoa thưa	<i>Machilus parviflora</i> Meisn.
316	Kháo to khoẻ; Kháo mạnh; Rẻ khoẻ	<i>Machilus robusta</i> W. W. Smith
317	Nô qui; Tân bời quy	<i>Neolitsea cuipala</i> (D. Don) Kosterm.
318	Re trắng nhót; Cha	<i>Phoebe pallida</i> (Nees)
319	De trung hoa; Rạch trung quốc	<i>Potameia chinensis</i> (Allen) Kosterm.
320	Chiếc chùm to; Tam lang	<i>Barringtonia macrostachya</i> (Jack) Kurz
321	Lộc vùng cau; Chiếc cau	<i>Barringtonia musiformis</i> Kurz
322	Tam lang; Lộc vùng ít hoa	<i>Barringtonia pauciflora</i> King
323	Chiết chùm; Tim lang; Ngọc nhự	<i>Barringtonia racemosa</i> (L.) Roxb.

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
324	Hoàng nàn; Vô đoãn; Mã tiền lá quế	<i>Strychnos wallichiana</i> Steud. ex DC.
325	Bụp tra, Tra làm chèo	<i>Hibiscus tiliaceus</i> L.
326	Ké hoa vàng	<i>Sida rhombifolia</i> L.
327	Ké hoa đào; Phù thiên hoa; Dã miên hoa	<i>Urena lobata</i> L.
328	Lùng, Lùn dòng; Dong sậy	<i>Donax cannaeformis</i> (Forst. f.) Rolfe
329	Mua rừng trắng	<i>Blastus cochichinensis</i> Lour.
330	Mua; Mua vảy	<i>Melastoma candidum</i> D. Don.
331	Mua thường	<i>Melastoma normale</i> D. Don.
332	Mua bà	<i>Melastoma sanguineum</i> Sims
333	Sầm bụi	<i>Memecylon fruticosum</i> King
334	Sầm láng	<i>Memecylon lilacinum</i> Zoll. & Mor
335	Sầm núi	<i>Memecylon scutellatum</i> (Lour.) Naud.
336	Ngâu rừng; Ngâu cánh	<i>Aglaia pleuropteris</i> Pierre
337	Ngâu poilane	<i>Aglaia poilanei</i> Pell.
338	Gội nếp; Gội đỏ; Gội tía; Gội báng sùng	<i>Aglaia spectabilis</i> (Miq.) Jain & Bennet.
339	Chắc khê hai tuyến; Huỳnh đàn hai tuyến	<i>Dysoxylum binectariferum</i> (Roxb.)
340	Huỳnh đường	<i>Dysoxylum loureiri</i> Pierre
341	Hoàng thanh; Dây sâm	<i>Cocculus sarmentosus</i> (Lour.) Diels
342	Sâm lông, Dây sâm	<i>Cyclea barbata</i> Miers
343	Châu đảo; Tiết dê lá dày; Dây đồng tiền	<i>Pericampylus glaucus</i> (Lamk.) Merr
344	Củ gió; Kim ngư	<i>Tinospora glabra</i> Merr.
345	Keo tuyến to	<i>Acacia megaladena</i> Desv.
346	Cỏ ướm	<i>Archidendron bauchei</i> (Gagnep.) I. Nielsen
347	Mán đĩa chevalier; Cứt ngựa chevalier	<i>Archidendron chevalieri</i>
348	Mán đĩa poilane; Cứt ngựa poilane	<i>Archidendron poilanei</i> (Kosterm.)
349	Dái heo; Cứt ngựa robinson	<i>Archidendron robinsonii</i> (Gagnep.) I. Nielsen
350	Mán đĩa bắc bộ; Doi bắc bộ	<i>Archidendron tonkinense</i> I. Nielsen
351	Trinh nữ có gai; Trinh nữ móc	<i>Mimosa diplotricha</i> C. Wright ex Sanwalle
352	Mít chua; Troi	<i>Artocarpus borneensis</i> Merr.
353	Mít chay	<i>Artocarpus gomezianus</i> Wall. ex Tréc.
354	Mít nài; Mít gỗ mật	<i>Artocarpus melinoxylus</i> Gagnep.
355	Mít nhỏ; Mít rễ khoai; Vỏ khoai; Chay lá bóng	<i>Artocarpus nitidus</i> Tréc. ssp.
356	Dướng	<i>Broussonetia papyrifera</i> (L.) Hert. ex Vent.
357	Đa tía	<i>Ficus altissima</i> Blume
358	Sung vòng	<i>Ficus annulata</i> Blume
359	Đa gáo; Sung chai; Gù	<i>Ficus callosa</i> Willd.

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
360	Đa lá tà; Đa bà; Đa cộng ngắn	<i>Ficus curtipes</i> Corn.
361	Đa nhãn; Đa trụi	<i>Ficus glaberrima</i> Blume
362	Vú chó; Vú bò sê; Vú lợn	<i>Ficus heterophylla</i> L. f.
363	Ngái	<i>Ficus hispida</i> L. f.
364	Sung kurz	<i>Ficus kurzii</i> King
365	Sung đốm trong	<i>Ficus pellucido-punctata</i> Griff.
366	Ngái xá lị	<i>Ficus pubigera</i> (Wall. ex Miq.)
367	Sung muống	<i>Ficus spathulifolia</i>
368	Sung kiêu	<i>Ficus superba</i> (Miq.) Miq.
369	Sung xanh	<i>Ficus virens</i> Ait.
370	Mỏ quạ; Vàng lồ, Hoàng lồ	<i>Machura cochinchinensis</i> (Lour.) Corner.
371	Ruổi; Duối nhám; Ruổi dai	<i>Streblus asper</i> Lour.
372	Ruổi ô rô; Săng quýt	<i>Streblus ilicifolius</i> Corner.
373	Ruổi đuôi; Duối tích lan	<i>Streblus zeylanicus</i> (Thwaites) Kurz.
374	Chuối rừng; Chuối hoang nhọn	<i>Musa acuminata</i> Colla
375	Máu chó lá nhỏ; Máu chó cầu	<i>Knema globularia</i> (Lamk.) Warb.
376	Máu chó thấu kính	<i>Knema lenta</i> Warb.
377	Máu chó poilane	<i>Knema poilanei</i> de Wilde
378	Máu chó đá	<i>Knema saxatilis</i> de Wilde
379	Sú; Trú; Mui biển	<i>Aegiceras corniculatum</i> (L.) Blanco
380	Cơm nguội răng; Trọng đũa	<i>Ardisia crenata</i> Sims.
381	Cơm nguội, thu neo	<i>Ardisia expansa</i> Pit.
382	Cơm nguội Harmand	<i>Ardisia harmandii</i> Pierre ex Pic.
383	Cơm nguội muôi (mua)	<i>Ardisia melastomoides</i> Piard
384	Lóc cóc	<i>Ardisia racemosa</i> Mez.
385	Đơn trà; Đơn lá nhỏ; Đơn nem lá nhỏ	<i>Maesa parvifolia</i> A. DC.
386	Đồng nem; Đơn đỏ	<i>Maesa perlarius</i> (Lour.) Merr.
387	Thao kén; Xay có dạng đầu	<i>Myrsine capitellata</i> Wall.
388	Ma ca, Mà ca, Xay hẹp	<i>Rapanea linearis</i> (Lour.) S. Moore
389	Trâm vối ô	<i>Cleistocalyx circumscissa</i> (Gagnep.) Phamh.
390	Sim rừng; Tiểu sim	<i>Rhodamnia dumetorum</i> (Poir.) Merr.
391	Sim; Hồng sim	<i>Rhodomyrtus tomentosa</i> (Ait.) Hassk.
392	Trâm ba vì	<i>Syzygium baviense</i> (Gagnep.) Merr. & Perry
393	Trâm bullock	<i>Syzygium bullockii</i> (Hance) Merr. & Perry
394	Trâm trắng; Trâm sung	<i>Syzygium chanlos</i> (Gagnep.) Merr. & Perry
395	Trâm mốc; Vối rừng	<i>Syzygium cuminii</i> (L.) Skells

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
396	Trâm rộng	<i>Syzygium oblatum</i> (Roxb.) Wall.
397	Sắn thuyền	<i>Syzygium polyanthum</i> (Wight) Walp.
398	Trâm chùm ba	<i>Syzygium ternifolium</i> (Roxb.) Merr. & Perry
399	Trâm nhuộm	<i>Syzygium tinctorium</i> (Gagnep.)
400	Mai cánh lõm	<i>Gomphia serrata</i> (Gaertn.) Knis.
401	Lão mai; Mai sọc; Giội tía	<i>Gomphia striata</i> (Tiegh.) C. F. Wei
402	Dây hương; Bò khai	<i>Erythralium scandens</i> Blume
403	Nhài nhẵn; Lài dúng	<i>Jasminum amplexicaule</i>
404	Nhài năm gân	<i>Jasminum pentaneurum</i> Hand.-Mazz.
405	Vàng; Chè vàng; Râm trắng; Nhài ba gân	<i>Jasminum subtriplinerve</i> Blume
406	Nhường lê kim cang;	<i>Myxopyrum smilacifolium</i>
407	Rau mương đứng; Rau mương lông	<i>Ludwigia octovalvis</i> (Jacq.) Raven
408	Son cam	<i>Cansjera rheedii</i> Gmel.
409	Rau sắng, Rau ngót núi, Ngót rừng	<i>Melientha suavis</i> Pierre
410	Môi lật lớn	<i>Hetaeria nitida</i> Ridl.
411	Khế chua	<i>Averrhoa carambola</i> L.
412	Chua me đất hoa vàng	<i>Oxalis corniculata</i> L.
413	Chua me đất hoa đỏ	<i>Oxalis corymbosa</i> DC.
414	Chân; Chanh ốc; Sắng rừng	<i>Microdesmis caseariaefolia</i> Planch. ex Hook.
415	Dừa núi	<i>Pandanus humilis</i> Lour.
416	Dừa đại gỗ; Dừa gỗ	<i>Pandanus tectorius</i> Parkins.
417	Lạc tiên; Chùm bao; Nhãn lông	<i>Passiflora foetida</i> L.
418	Hương lâu; Hương bài; Cây bả chuột	<i>Dianella ensifolia</i> (L.) DC.
419	Thông nhựa; Thông hai lá	<i>Pinus merkusii</i> Jungh. & de Vriese
420	Rau càng cua	<i>Peperomia pellucida</i> (L.) H. B. K.
421	Rau lốt, cây lá lốt	<i>Piper lolot</i> C.DC.
422	Tiêu trên đá	<i>Piper saxicola</i> C. DC.
423	Hóp	<i>Bambusa tuidoides</i> Munro
424	Vĩ thảo bò; Cỏ vùng bò	<i>Brachiaria reptans</i> (L.) Gard. ex C. Hubb.
425	Cỏ mặt lông; Lục lông	<i>Chloris barbata</i> (L.) Sw.
426	Cỏ may	<i>Chrysopogon aciculatus</i> (Retz.) Trin.
427	Cỏ gà; Cỏ chỉ trắng	<i>Cynodon dactylon</i> (L.) Pers.
428	Túc hình rìa; Cỏ chỉ leo	<i>Digitaria ciliaris</i> (Retz.) Koel.
429	Cỏ màn trâu; Cỏ chỉ tía; Ngưu cân	<i>Eleusine indica</i> (L.) Gaertn.
430	Cỏ tranh; Bạch mao	<i>Imperata cylindrica</i> (L.) Beauv.
431	Giang	<i>Machurochloa montana</i> (Ridl.) K.M. Wong
432	Tre quả thịt Trường Sơn	<i>Melocalamus truongsonensis</i>

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
433	Cỏ lau; Hồng lô	<i>Narenga porphyrocoma</i> (Hance) Bor
434	Kê to	<i>Panicum maximum</i> Jacq.
435	Cỏ đuôi voi nhỏ; Cỏ mỹ	<i>Pennisetum polystachion</i> (L.) Schult.
436	Hồng nhung	<i>Rhynchelytrum repens</i> (Willd.) C. Hubb.
437	Cỏ đuôi chồn	<i>Setaria pallide-paviflora</i> (Poir.) Kerguelen
438	Đót; Cỏ chít; Le; Ống ánh; Xay	<i>Thysanolaena maxima</i> (Roxb.) Kuntze
439	Vĩ thảo tay; Cỏ lông tay	<i>Urochloa mutica</i> (Forsk.) T. Q. Nguyen
440	Hương lau rừng	<i>Vetiveria nemoralis</i> (Bal.) A. Camus
441	Thông lông gà; Thông nạng; Bạch tùng.	<i>Dacrycarpus imbricatus</i> (Blume) de Laub.
442	Thông tre; Thông trúc đào; Thông tre nam	<i>Podocarpus neriifolius</i> D. Don
443	Săng đá rắn; Săng ớt rắn; Sang vang	<i>Xanthophyllum colubrinum</i> Gagnep.
444	Săng đá da bò; Săng ớt da nhé	<i>Xanthophyllum vitellinum</i> Nees
445	Thồm lồm; Lá lồm; Đuôi tôm	<i>Polygonum chinensis</i> L.
446	Nghẽ lông dày	<i>Polygonum tomentosum</i> Wild.
447	Ổ rồng	<i>Aglaomorpha coronans</i> (Wall. ex Mett.) Copel.
448	Ráng cổ ly ngón	<i>Colysis digitata</i> (Bak.) Ching
449	Ráng đại; Ráng biển thường	<i>Acrostichum aureum</i> L.
450	Vàng lá kim cang; Dây ông lão	<i>Clematis smilacifolia</i> Wall.
451	Cù tía	<i>Scutia myrtina</i> (Burm. f.) Kurz
452	Táo lau	<i>Ziziphus laui</i> Merr.
453	Xăng mả nguyên; Xương cá	<i>Carallia brachiata</i> (Lour.) Merr.
454	Moi; Sến nước; Sến mộc	<i>Photinia benthamiana</i> Hance
455	Xoan đào lông; Mạy thông	<i>Prunus arborea</i> (Blume) Kalkman
456	Đum assam	<i>Rubus assamensis</i> Focke
457	Ngấy hương, Du Nam Bộ, Ngũ gia bông	<i>Rubus cochinchinensis</i> Tratt
458	Đum dữ	<i>Rubus ferox</i> Wall. ex Focke
459	Ái lợi	<i>Alleizettella rubra</i> Piard
460	Ruột gà cánh	<i>Borreria alata</i> (Aubl.) DC.
461	Găng nhung, Găng trắng, Găng bột	<i>Catunaregam tomentosa</i>
462	Chim trích; Ác họ; Găng nghèo	<i>Fagerlindia depauperata</i> (Drake) Tirveng.
463	Dành dành	<i>Gardenia augusta</i> (L.) Merr.
464	Dành dành chevalier	<i>Gardenia chevalieri</i> Piard
465	An điền đầu; Dạ cảm	<i>Hedyotis capitellata</i> Wall. ex G. Don
466	Lưỡi rắn, Bồi ngòi ngù, Vò chu	<i>Hedyotis corymbosa</i> (L.) Lam.
467	Đơn đỏ; Trang son; Mẫu đơn	<i>Ixora coccinea</i> L.
468	Trang trắng; Đơn trắng	<i>Ixora finlaysonian</i> Wall. ex G. Don
469	Ba kích lông	<i>Morinda cochinchinensis</i> DC.

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
470	Song nhàu; Song nhào	<i>Morindopsis capillaris</i> (Kurz) Kurz
471	Bướm bạc Campuchia	<i>Mussaenda cambodiana</i> Pierre ex Pit.
472	Bướm bạc vàng	<i>Mussaenda flava</i> (Verdc.) Bakh. f.
473	Xà căn trung bộ	<i>Ophiorrhiza annamica</i> Piard
474	Rau mợ; Thúi đệt	<i>Paederia consimilis</i> Pierre ex Pitard
475	Lầu núi	<i>Psychotria montana</i> Blume
476	Găng gai; Găng tu hú	<i>Randia spinosa</i> (Thunb.) Poir.
477	Móc câu đặng, vuốt lá mỏ	<i>Uncaria rynchophylla</i> (Mig.) Jack.s
478	Vĩ điệp lông	<i>Urophyllum villosum</i> Jack ex Wall. in Roxb.
479	Bưởi bung; Cây bù khai	<i>Acronychia pedunculata</i> (L.) Miq.
480	Chanh	<i>Citrus aurantifolia</i> Swingle
481	Bưởi	<i>Citrus grandis</i> (L.) Osbeck.
482	Cam núi	<i>Citrus macroptera</i> Montr
483	Hồng bì đại; Chùm hôi	<i>Clausena excavata</i> Burm. f.
484	Ba chạc; Chè đắng	<i>Euodia lepta</i> (Spreng.) Merr.
485	Cơm rượu đá; Cơm nguội đá;	<i>Glycosmis rupestris</i> Ridl.
486	Kim sương; Ớt rừng	<i>Micromelum minutum</i> (Forst. f.) Wight & Arn.
487	Tầm xoọng, Gai xanh, Quýt gai, Độc lực	<i>Sevenrinia monophylla</i> (L.) Tanaka
488	Sên gai	<i>Zanthoxylum armatum</i> DC.
489	Hoàng mộc dài; Muồng trưởng	<i>Zanthoxylum avicennae</i> (Lamk.) DC.
490	Xuyên tiêu; Sung; Trọng; Hoàng lực	<i>Zanthoxylum nitidum</i> (Roxb.) DC.
491	Ngoại mộc nam; Chạc ba	<i>Allophyllus cobbe</i> (L.) Raeusch.
492	Ngoại mộc lá dài	<i>Allophyllus longifolius</i> Radlk.
493	Trường duyên hải; Quả đôi; Chôm chôm rừng	<i>Arytera littoralis</i> Blume
494	Nhân dê	<i>Lepisanthes rubiginosa</i> (Roxb.) Leenh
495	Trường kẹn; Nây năm cánh	<i>Mischocarpus pentapelatus</i> (Roxb.) Radlk.
496	Trường nước; Song chôm; Bịp bịp	<i>Paranephelium spirei</i> Lecomte
497	Sâng lông; Chua trường	<i>Pometia pinnata</i> Forst.
498	Mộc; Chỏi; Chỏi ven biển; Mộc tê; Hoa mộc	<i>Planchonella oborata</i> (R. Br.) Pierre.
499	Bòng bong nhật; Hải kim sa	<i>Lygodium japonicum</i> (Thunb.) Sw.
500	Cam thảo nam	<i>Scoparia dulcis</i> L.
501	Cỏ bướm	<i>Torenia asiatica</i> L.
502	Thanh thất; Bút	<i>Ailanthus tryphisa</i> (Dennst.) Alston
503	Sầu đâu cứt chuột	<i>Brucea javanica</i> (L.) Merr.
504	Bá bệnh; Bách bệnh;	<i>Eurycoma longifolia</i> Jack

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
505	Xân; Hải sơn; Đa đa; Cò xua; "Xấu"	<i>Harrisonia perforata</i> (Blanco) Merr.
506	Kim cang lá móng bò; Nâu	<i>Smilax bauhinoides</i> Kunth
507	Thỏ phục linh; Khúc khắc nhẵn	<i>Smilax glabra</i> Wall. ex Roxb.
508	Kim cang quả to; Cam ích; Nâu	<i>Smilax megacarpa</i> A. DC.
509	Tầm bóp; Lồng đèn	<i>Physalis angulata</i> L.
510	Cà trái đỏ	<i>Solanum capsicoides</i> Allioni
511	Cà gai hoang	<i>Solanum incanum</i> L.
512	Lu lu đực	<i>Solanum nigrum</i> L.
513	Cà gai leo; Quánh; Cà quạnh	<i>Solanum procumbens</i> Lour.
514	Cà đại hoa trắng; Cà nông	<i>Solanum torvum</i> Sw.
515	Bần chua; Bần sẻ	<i>Sonneratia caseolaris</i> (L.) Engl.
516	Côi rào; Cọc rào	<i>Turpinia pomifera</i> (Roxb.) DC.
517	Bách bộ hoa trên lá	<i>Stemona phyllantha</i> Gagnep.
518	Bách bộ, dây ba mươi	<i>Stemona tuberosa</i> Lour
519	Ngô đồng đỏ; Trôm màu	<i>Firmian colorata</i> (Roxb.) R. Br.
520	Tổ kén	<i>Helicteres angustifolia</i> L.
521	Huỳnh; Huện	<i>Heritiera cochinchinensis</i> (Pierre) Kosterm
522	Cui lá to; Cui lá lớn; Cui lá bạc	<i>Heritiera macrophylla</i> Wall. ex Kurz
523	Lòng mang lá phong	<i>Pterospermum acerifolium</i> Willd.
524	Lòng mang thon; Hồng mang;	<i>Pterospermum lanceaefolium</i> Roxb.
525	Lười ươi, ươi	<i>Scaphium macropodum</i> (Miq)
526	Trôm lá mác; Sang sé; Sảng nhung	<i>Sterculia lanceolata</i> Cav.
527	Đua đũa; Mộc qua to	<i>Rehderodendron macrocarpum</i> H. H. Hu
528	Dung nam; Dung trung bộ	<i>Symplocos annamensis</i> Nooteb
529	Dung bà nà; Xi xa	<i>Symplocos banaensis</i> Guillaum.
530	Dung nam bộ; Dung bộp	<i>Symplocos cochinchinensis</i> (Lour.) S. Moore
531	Dung lá dài	<i>Symplocos longifolia</i> Fletch.
532	Dung lá táo; Dung hoa chùy	<i>Symplocos paniculata</i> (Thunb.)
533	Dung đất; Dung đen; Mu ếch; Hàm ếch	<i>Symplocos racemosa</i> Roxb.
534	Sum nguyên; Sum lông;	<i>Adinandra integerrima</i>
535	Chè cầu; Súm; Súm phổ thông; Súm da	<i>Eurya nitida</i> Korth.
536	Linh bắc bộ; Chơn trà bắc; Súm nhẵn	<i>Eurya tonkinensis</i> Gagnep.
537	Thạch châu jonquier; Thạch châu trung bộ	<i>Pyrenaria jonquieriana</i> Pierre
538	Niệt dó ấn độ; Dó miết ấn	<i>Wikstromia indica</i> (L.) C. A. Mey.
539	Niệt dó ấn Poi lan	<i>Wikstromia poilanei</i> Leandri
540	Cọ mai nháp lá tròn; Bồ an nhiều bông; Ko dap be	<i>Colona floribunda</i> (Kurz) Craib

TT	Tên Việt Nam	Tên khoa học
541	Cò ke trung (bộ); Cò ke nam	<i>Grewia annamica</i> Gagnep.
542	Bù lốt; Cò ke bù lốt; Dong	<i>Grewia bulot</i> Gagnep.
543	Cò ke lá sếu	<i>Grewia celtidifolia</i> Juss.
544	Giam; Cò ke trái có lông	<i>Grewia eriocarpa</i> Juss.
545	Cò ke lông nhám; Cò ke lông	<i>Grewia hirsuta</i> Vahl
546	Hu lá hẹp; Hu đay	<i>Trema angustifolia</i> (Planch.) Blume
547	Hu đen	<i>Trema orientalis</i> (L.) Blume
548	Cỏ gai đen	<i>Archiboehmeria atrata</i> (Gagnep.) C. J. Chen
549	Trứng cua; Đề gia vảy	<i>Debregeasia squamata</i> King ex Hook. f.
550	Cao hùng gagnepain	<i>Elatostema gagnepainiana</i> Schroter
551	Mắm quăn	<i>Avicennia lanata</i> Ridley
552	Tử châu lá to; Tu hú lá to; Bọt ếch lá to	<i>Callicarpa macrophylla</i> Vahl
553	Ngọc nữ biển; Chùm gọng	<i>Clerodendrum inerme</i> (L.) Gaertn.
554	Mò đỏ; Vây đỏ; Ngọc nữ đỏ; Bán đỏ	<i>Clerodendrum paniculatum</i> L.
555	Ngọc nữ wallich; Ngọc nữ treo	<i>Clerodendrum wallichii</i> Merr.
556	Tu hú trung bộ	<i>Gmelina annamensis</i> Dop
557	Bông ổi; Trâm ổi; Hoa tứ quý; Ngũ sắc	<i>Lantana camara</i> L.
558	Cách thơm; Cách hình tim	<i>Premna cordifolia</i> Roxb.
559	Cách ngò	<i>Premna dubia</i> Craib
560	Đuôi chuột; Hải tiên	<i>Stachytarpheta jamaicensis</i> (L.) Vahl
561	Mạn kinh đơn	<i>Vitex rotundifolia</i> L.
562	Quan âm	<i>Vitex trifolia</i> L.
563	Chân chim ba lá; Mất cáo	<i>Vitex tripinnata</i> (Lour.) Merr.
564	Chè dây, bạch liễm.	<i>Ampelopsis cantoniensis</i> (Hook. & Arn)
565	Vác chân vịt	<i>Cayratia palmata</i> Gagnep.
566	Vác; Sắn sặt	<i>Cayratia trifolia</i> (L.) Domin
567	Hồ đăng sáu cạnh	<i>Cissus hexangularis</i> Thorel ex Gagnep.
568	Dây chìa vôi; Na rừng; Chìa vôi bò	<i>Cissus repens</i> Lamk.
569	Tứ thư mũi	<i>Tetrastigma apiculatum</i> Gagnep.
570	Tứ thư Gaudichaud	<i>Tetrastigma gaudichaudianum</i> Gagnep.
571	Tứ thư dài dài	<i>Tetrastigma longisepalum</i> Gagnep.
572	Rau dón lông chim; Quyết lông chim	<i>Diplazium pinnatifido-pinnatum</i> (Hook.)
573	Riềng lưỡi ngắn; Ngải hoang	<i>Alpinia breviligulata</i> (Gagnep.) Gagnep.
574	Sa nhân sung	<i>Amomum pavieanum</i> Picere ex Gagnep.
575	Cỏ lươn biển	<i>Zostera marina</i> L.